A.30 Kinh Thế Ký

Kinh Trường A-Hàm (VNC PHVN, 2022)

30. KINH THẾ KÝ 1. PHẨM CHÂU DIÊM-PHÙ-ĐỀ

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị đêu trú tại động Câu-lọd, rừng Kỳ-đà? vườn Cáp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ. * Sau khi thọ trai xong, các Tỳ-kheo tập hợp tại giảng đường và bàn luận như sau: “Này chư Hiền, thật là kỳ lạ, trời đất vì lý do gì mà hoại? Vì lý do gì mà thành? Quốc độ mà chúng sanh ở như thế nào?” Lúc đó, đức Phật đang ngự nơi thanh vắng, với thiên nhĩ thông suốt nghe câu chuyện mà các Tỳ-kheo đã tụ tập bàn luận ở trong giảng đường, sau khi thọ trai xong. Khi ấy, đức Thế Tôn rời khỏi động thanh vắng, đi đến giảng đường và ngồi tại dấy, dù đã biết nhimg Ngài vẫn hỏi: —Này các Tỳ-kheo, nãy giờ các ông đã bàn luận việc gì? Các Tỳ-kheo thưa: Bạch đức Thế Tôn, sau khi thọ trai xong, chúng con tập hợp tại giảng đường và bàn luận như sau: "Này chư Hiên, thật kỳ lạ, trời đát vì lý do gì mà hoại? Vì lý do gì mà thành? Quốc độ mà chúng sanh ở như thế no?” Chúng con tập hợp tại giảng đường mà bàn luận các vấn đề ấy. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Hay lăm, hay lăm! Phàm người xuất gia phải nên thực hành hai việc: Một là im lặng như Hiền thánh, hai là giảng luận pháp ngữ. Các ông đã tập hợp tại giảng đường cũng nên im lặng như Hiền thánh hoặc là giảng luận các pháp ngữ. Này các Tỳ-kheo, các ông muốn nghe đức Như Lai trình bày về sự thành hoại của trời, đát và quôc độ, thành áp mà chúng sanh ở chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa vâng, bạch Thế Tôn, nay chính là hợp thời, chúng con muốn nghe và sau khi đức Phật dạy xong, chúng con sẽ phụng trì! Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: r Hãy lăng nghe, hãy lăng nghe! Hãy suy nghĩ và ghi nhớ, Ta sẽ nói cho các ông nghe!

Như có một mặt trời, một mặt trăng vận hành và chiếu sáng khắp bốn châu thiên hạ, như the trong một ngàn the giới như vậy thì có ngàn mặt trời, ngàn mặt trăng, một ngàn núi chúa Tu-di, bốn ngàn thiên hạ, bốn ngàn thiên hạ lớn, bốn ngàn biển nước, bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn loài rồng, bốn ngàn loài rồng lớn, bốn ngàn Kim Si điểu, bốn ngàn Kim Si điểu lớn, bốn ngàn ác dạo, bốn ngàn ác đạo lớn, bon ngàn vị vua, bon ngàn vua lớn, bảy ngàn cây đại thọ, tám ngàn địa ngục lớn, mười ngàn núi lớn, một ngàn Vua Diêm-la, một ngàn bốn trăm Thiên vương, một ngàn Đao-lợi thiên, một ngàn Diệm-ma thiên, một ngàn Đâu-suất thiên, một ngàn Hóa Tự Tại thiên, một ngàn Tha Hóa Tự Tại thiên, một ngàn Phạm thiên. Đó là Tiểu thiên thế giới và một ngàn Tiểu thiên thế giới như thế là một Trung thiên thế giới và một ngàn Trung thiên thế giới như vậy là một Tam thiên Đại thiên thế giới và các thế giới như thế, xoay vần thành hoại, quốc độ mà chúng sanh ở thì gọi là một cõi Phật. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Đại địa này5 chiêu sâu là mười sáu vạn tám ngàn do-tuân, bờ của nó không có giới hạn, tận cùng ở chỗ nước. Nước chiều sâu là ba ngàn do-tuần và bờ của nó không có giới hạn. Nước tận cùng ở chỗ có không khí, không khí dày sáu ngàn bốn mươi do-tuần9 bờ của nó không có giới hạn. Này các Tỳ-kheo, nước của biên lớn sâu tám vạn bôn ngàn

do-tuân, bờ của nó không có giới hạn. Núi chúa Tu-di ăn sâu vào nước biển đến tám vạn bốn Iiệàn do-tuần, phần cách mặt nước cao tám vạn bốn ngàn đo-tuần, chân núi gắn liên với nhiêu phân đát, phân nhiêu là đát cứng, núi ây đứng thẳng, không gấp khúc, trên núi có các loại cây phát ra mùi hương, hương ấy tỏa khắp núi rừng. Nơi đây có nhiều bậc Hiền thánh, nhiều vi thần lớn, nhiều vị thiên linh diệu ở. Phần dưới núi thì có cát bằng vàng, bốn phía núi đều lồi ra cao bảy trăm do-tuần có nhiều màu sắc lẫn lộn, do bảy báu tạo thành, bốn chỗ lồi ấy gấp xuôi xuống mặt biển. Núi chúa Tu-di có những con đường ven bằng bảy báu, con đường ven bên dưới rộng sáu mươi do-tuần, hai bên đường ven đều có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây. Tường bằng vàng thì cửa bằng bạc, tường bằng bạc thì cửa bằng vàng, tường bằng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly, tường bằng lưu ly thì cửa bằng thủy tinh, tường bằng xích châu thì cửa bằng mã não, tường bằng mã não thì cửa bằng xích châu, tường bằng xà cừ thì cửa bằng các thứ báu, lan can bằng vàng thì cây vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì cây vịn bang vàng, lan can bang thủy tinh thì cây vịn bang lưu ly, lan can bằng lưu ly thì cây vịn bằng thủy tinh, lan can bằng xích châu thì cây vịn bằng mã não, lan can băng mã não thì cây vịn băng xích châu, lan can bằng xà cừ thì cây vịn bằng các thứ báu. Trên lan can có lưới báu, lưới bằng vàng thì phía dưới treo chuông bằng bạc, lưới bằng lưu ly thì phía dưới treo chuông bằng thủy tinh, lưới băng thủy tinh thì phía dưới treo chuông băng lưu ly, lưới bằng xích châu thì phía dưới treo chuông bằng mã não, lưới bằng mã não thì phía dưới treo chuông băng xích châu, lưới băng xà cừ thì phía dưới treo chuông bằng

30. KINH THẾ KÝ 375

các thứ báu. Cây bằng vàng, gốc bằng vàng, cành bằng vàng, hoa lá bằng bạc. Cây bằng bạc, gốc bằng bạc, cành bằng bạc, hoa lá bằng vàng. Cây bằng thủy tinh, gốc và cành bằng thủy tinh, hoa lá bang lưu ly. Cây bằng lưu ly, gốc và cành bằng liru ly, hoa lá bằng thủy tinh. Cây băng xích châu, góc và cành băng xích châu, hoa lá bằng mã não. Cây bằng mã não, gốc và cành bằng mã não, hoa lá băng xích châu. Cây băng xà cừ, góc và cành băng xà cừ, hoa lá băng các thứ báu. Bảy lớp tường, mỗi lớp tường đều có bốn cửa, mỗi cửa đều có lan can. Trên bảy lớp tườnẹ đều có lâu đài, nhà cửa bao bọc chung quanh, có cả vườn cây, nhà mát, ao tăm, có các thứ hoa báu, có các hàng cây quý, bông trái sum suê, gió thơm từ bốn phía làm cho mọi người khoan khoái và có các loài chim kỳ lạ như chim câu, nhạn, uyên ương, nhiều vô số kể, cùng hót líu lo. Con đường ở lưng chừng của núi chúa Tu-di rộng bốn mươi do-tuần, hai bên đườnệ đều có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy hàng cây,... vô sô loài chim cùng hót líu lo cũng như con đường ở dưới núi. Con đường trên cùng của núi rộng hai mươi do-tuân, hai bên đường đêu có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy hàng cây,... vô số chim chóc ca hót líu lo cũng như ở con đường lưng chừng. Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Vê con đường dưới cùng thì có quỷ thân tên là Già-lâu-la-túc ở, con đường lưng chừng có quỷ than tên là Trì Man ở, con đường trên cùng có quỷ thần tên là Hỷ Lạc ở. Bốn chỗ nhô ra của núi chúa Tu-di cao bốn vạn hai ngàn do-tuần có cung điện của Tứ Đại Thiên Vương ở, gồm có bảy lớp tường báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy hàng cây, bảy lớp chuông báu,.. vô số loài chim ca hót líu lo. Cũng như thế, trên đỉnh

núi Tu-di có cung trời Tam Thập Tam gồm có bảy lớp thành báu, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy hàng cây,... vô số loài chim ca hót líu lo. Cũng như thế, qua khỏi cõi Tam Thập Tam thiên gấp đôi số do-tuần có cung trời Diệm-ma; qua khỏi cõi Diệm-ma gấp đôi số do-tuần có cung trời Đâu-suất; qua khỏi cung trời Đâu-suất gấp đôi số do-tuần có cung trời Hóa Tự Tại; qua khỏi cung trời Hóa Tự Tại gấp đôi số do-tuần có cung trời Tha Hóa Tự Tại; qua khỏi cung trời Tha Hóa Tự Tại gấp đôi số do- tuần có cung trời Phạm-ca-di. ở giữa cung trời Tha Hóa Tự Tại và cung trời Phạm-ca-di là cung Ma thiên rộng sáu ngàn do-tuần được bao bọc bằng bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây,... vô số loài chim cùng ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Vượt qua khỏi cung trời Phạm-ca-di gấp đôi số do-tuần thì có cung trời Quang Âm. Qua khỏi cung Quang Ảm gấp đôi số do-tuần thì có cung trời Biến Tịnh. Qua khỏi cung Biến Tinh gấp đôi số do- tuần thì có cung trời Quả Thật. Qua khỏi cung trời Quả Thật gấp đoi số do-tuần thì có cung trời Vô Tưởng. Qua khỏi cung trời Vô Tưởng gấp đôi số do-tuần thì có cung trời Vô Tạo. Qua khỏi cung trời Vô Tạo gấp đôi số do-tuần thì có cung trời Vô Nhiệt. Qua khỏi cung trời Vô Nhiệt gấp đôi số do-tuần thì có cung trời Thiện Kiến. Qua khỏi cung trời Thiện Kiến gấp đôi số do-tuần5 có cung trời Đại

Thiện Kiến. Qua khỏi cung trời Đại Thi Kiến gấp đôi số do-tuần thì có cung trời Sắc Cứu Cánh. Qua khỏi cung trời sắc Cứu Cánh là cõi trời Không Xứ Trí, cõi trời Thức Xứ Trí, cõi trời Vô Sở Hữu Xứ Trí, cõi trời Hữu Tưởng Vô Tưởng Xứ Trí. Ngang đây là ranh giới của chúng sanh, là thế giới của chúng sanh. Tất cả chúng sanh sanh, lão, bệnh, tử, thọ nhận ấm thân, thọ nhận sự hiện hữu, cùng ở trong này5 không thể vượt ra ngoài. Phật bảo các Tỳ-kheo: -về phía Bắc núi Tu-di có thiên hạ tên uất-đơn-việt, châu này hình vuông, rộng một vạn do-tuần; khuôn mặt con người hình vuông như mặt đất kia. Phía Đông núi Tu-di có thiên hạ tên Phất-vu-đãi, châu này hình tròn, rộng chín ngàn do-tuần; khuôn mặt con người hình tròn giống như mặt đất kia. về phía Tây núi Tu-di có thiên hạ tên Câu-da-ni, châu này hình dáng như nửa mặt trăng, rộng tám ngàn do-tuần, khuôn mặt con người cũng như hình dáng của châu ấy. Phía Nam núi Tu-di có thiên hạ tên Diêm-phù-đề? phía Nam của châu này hẹp, phía Bắc rộng, diện tích bảy ngàn do-tuân; khuôn mặt của con người cũng như hình dáng của châu ấy. Mạn Bắc núi Tu-di do vàng trời làm thành, ánh sáng chiếu ở phương Bác. Mạn Đông núi Tu-di do bạc trời tạo thành, ánh sáng chiêu ở phương Đông. Mạn Tây núi Tu-di do thủy tinh trời tạo thành, ánh sáng chiếu ở phương Tây. Mạn Nam núi Tu-di do lưu ly trời tạo thành, ánh sáng chiếu ở phương Nam. về châu uất-đơn-việt có cây chúa lớn tên là Am-bà-la, thân cây bảy do- tuần, cao một trăm do-tuần, nhánh lá phủ bốn phía năm mươi do-tuần. về châu Phất-vu-đãi thì có cây chúa lớn tên Già-lam-phù, thân cây to bảy do-tuần5 nhánh lá tỏa bốn bề năm mươi do-tuần, trên cây, có phướn thạch ngưu cao một do-tuần. Châu Diêm-phù-đề có cây chúa lớn tên Diêm-phù? thân cây to bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, nhánh lá phủ bốn bề độ năm mươi do-tuần. Cõi của Vua Kim Si điểu và cõi long vương có cây tên là Câu-lợi-diêm-bà- la bao phủ bảy dotuân, cao một trăm do-tuân, cành lá tỏa bôn bê năm mươi do-tuần. về cõi của vua a-tu-la có cây tên Thiện Trú, thân cây to bảy do-tuần, cao một trăm do-tuân, nhánh lá tỏa bôn bê

năm mươi do-tuân. Vê cõi trời Đao- lợi có cây tên Trú Độ, thân cây to bảy do-tuân, cao một trăm do-tuân9 nhánh lá tỏa bôn bê năm mươi do-tuân. Bên núi Tu-di có núi Già-la-la cao bốn vạn hai ngàn do-tuần, rộng bốn vạn hai ngàn do-tuân, bôn phía rộng rãi, có các màu sác chen nhau trải rộng do bảy báu tạo thành. Núi Già-la-la cách núi Tu-di tám vạn bốn ngàn dotuần, giữa hai núi ấy có các thứ hoa ưu-bát-la, bát-đầu-ma, câu-vật-đầu, phân-đà-lợi, có từng bụi tranh, lau, tùng, trúc sanh trưởng; các loại thảo mộc này phát ra các thứ hương phảng phất khắp nơi. Cách núi Khư-đà-la không xa có núi Y-sa-đà-la cao hai vạn một ngàn do- tuân, rộng hai vạn một ngàn do-tuân, bôn phía rộng rãi, có màu sác chen nhau,

do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Khư-đà-la khoảng bốn vạn hai ngàn do- tuần, giữa hai núi này có các thứ hoa như iru-bát-la, bát-đầu-ma, câu-vật-đầu, phân-đà-lợi, có từng bụi tùng, trúc, tranh, lau sanh trưởng; các loại thảo mộc này phát ra các thứ hương, mùi hương phảng phất khắp nơi. Lại cách núi Y-sa-đà-la không xa có núi Thọ-cự-đà-la cao một vạn hai ngàn do-tuần, rộng một vạn hai ngàn do-tuần, bốn phía núi có các màu sắc chen nhau trải rộng do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Y-sa-đà-la khoảng hai vạn một ngàn do-tuần, khoảng giữa hai núi ấy có bốn thứ hoa hỗn hợp, từng đám tranh, lau, tùng, trúc sanh trưởng; các thảo mộc này phát ra đủ loại mùi hương phảng phất khắp nơi. Cách núi Thọ-cự-đà-la không xa có núi Thiện Kiến cao sáu ngàn do-tuần? rộng sáu ngàn do-tuần, bốn phía rộng rãi, có các màu sắc chen lẫn trải rộng, do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Thọ-cự-đà-la một vạn hai ngàn do-tuần có bốn thứ tạp hoa, có từng đám tranh, lau, tùng, trúc sanh trưởng; các loại thảo mộc này phát ra đủ loại mùi hương phảng phất khắp nơi. Cách núi Thiện Kiến không xa có núi Mã Thực cao ba ngàn do-tuần5 rộng ba ngàn do-tuần, bốn phía núi có các màu sắc chen lẫn trải rộng, do bảy báu tạo thành. Cách núi Thiện Kiến khoảng sáu ngàn do-tuần, giữa hai núi này có các tạp hoa, có từng đám tranh, lau, tùng, trúc sanh trưởng, các loại thảo mộc này phát ra các mùi hương phảng phất khắp nơi. Cách núi Mã Thực không xa có núi tên Ni-dân-đà-la cao một ngàn hai trăm do-tuần5 rộng một ngàn hai trăm do-tuần, bốn phía rộng rãi có nhiều màu do bảy báu tạo thành; núi này cách núi Mã Thực ba ngàn do-tuần, giữa hai núi này lại có bốn loại tạp hoa, có từng đám tranh, lau, tùng, trúc sanh trưởng. Các loại thảo mộc này phát ra các thứ hương phảng phất khắp nơi. Lại cách núi Ni-dân-đà-la không xa có núi tên là Điều Phục cao sáu trăm do-tuần, rộng sáu trăm do-tuần5 bốn phía có các màu sắc do bảy báu tạo thành. Núi này cách núi Ni-dân-đà-la khoảng một ngàn hai trăm do-tuần. ở giữa hai núi ấy có bốn thứ tạp hoa, từng đám tranh, lau, tùng, trúc sanh trưởng. Các loại thảo mộc này lại phát ra các mùi hương phảng phất khắp nơi. Cách núi Điều Phục không xa có núi Kim Cang Vi cao ba trăm do-tuần, rộng ba trăm do-tuần, bốn phía rộng rãi, nhiều màu chen lẫn do bảy báu tạo thành. Lại cách núi Điều Phục sáu trăm do-tuần, ở giữa hai núi này có bốn thứ tạp hoa, có từng đám tranh, lau, tùng, trúc sanh trưởng. Các loại thảo mộc này phát ra các mùi hương phảng phất khắp nơi. Lại cách núi Kim Cang Vi không xa có biển lớn. Bờ phía Bắc của biển nước này lại có một cây chúa lớn, tên Diêm-phù, thân cây to bảy do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành lá tỏa rộng năm

mươi do-tuần, chung quanh là đất trống. Lại có rừng cây tên là Am-bà-la, rộng năm mươi do-tuân. Lại có rừng cây tên là Diêm-bà5 rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Ta-la, rộng năm

mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Đa-la5 rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Vi Nam, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Vi Nữ, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Nam Nữ, rộng năm mươi do- tuần. Lại có rừng cây tên là Tán-na, rộnẹ năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Khư-thù-la, rộng năm mươi do-tuân. Lại có rừng cây tên là Ba-nại-bà, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Tỳ-la, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Hương Nại, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Vị Nại, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Am-thạch-lựu, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Vi Cam, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Ha-lê-lặc, rộng năm mươi do-tuân. Lại có rừng cây tên là Tỳ-lê-lặc, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây A-ma-lặc, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là A-ma-lê, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Nại, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Cam-giá, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Vi, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Trúc, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Xá-la, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Xá-la-diệp? rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Đại Mộc Qua, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Giải Thoát Hóa, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Chiêm- bà, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Bà-la-la, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Tu-ma-na, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Bà-su, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Đa-la-lê, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Già-da, rộng năm mươi do-tuần. Lại có rừng cây tên là Bồ Đào, rộng năm mươi do-tuần. Qua khỏi chỗ trống của vùng đất này, trong khoảng đất ướng có một ao hoa rộng năm mươi do-tuần. Lại có các ao như ao Bát-đâu-ma, ao Câu-vật-đầu9 ao Phân-đà-lợi, rộng năm mươi do-tuần, trong đó đay dẫy cả ran độc. Qua khỏi chỗ trống của vùng đất này, trong khoảng đất trống có biển lớn tên là uất-thiền-na. Dưới biển nước này có con đường của Chuyển Luân Thánh Vương rộng mười hai do-tuần. Hai bên đường có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy hàng cây bao vây chung quanh. Tất cả đều do bảy báu tạo thành, khi Chuyển Luân Thánh Vương của cõi piêm-phù-đề xuất hiện thì nước tự nhiên biến mất, đường sá bằng phẳng lại xuất hiện. Cách biển lớn không xa có núi tên là Uất-thiền, hình dáng đẹp đẽ, cây cối xanh tươi, hoa trái sum suê, các thứ hương thơm ngát, các loại câm thú kỳ lạ, đâu đâu cũng có. Cách núi uất-thiền-na không xa thì có núi tên là Kim Bích, trong núi ấy có tám vạn hang động và trong đó có tám vạn voi chúa ở, toàn thân màu trắng, trên đầu có nhiều màu sắc, trong miệng có sáu ngà, các kẽ răng được trám kín bằng vàng. Cách núi Kim Bích không xa thì có núi tên là Tuyết Sơn rộng năm trăm do- tuần5 phía Đông lẫn phía Tây đều ăn lấn ra biển, giữa hai núi này lại có núi báu

cao hai mươi do-tuần, chỗ nhô lên của Tuyết Sơn cao một trăm do-tuần5 trên đỉnh núi có ao A-nậu-đạt rộng năm mươi do-tuần, nước ao trong mát, phẳng lặng, không vẩn đục, có bảy lớp bờ lũy, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây đủ các màu sắc khác nhau, đều do bảy báu hợp thành, về lan can, lan can bằng vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bằng lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly, lan can bằng xích châu thì tay vịn bằng mã não, lan can bằng mã não thì tay vịn bằng xích châu, lan can bằng xà cừ thì tay vịn bằng các thứ báu. Lưới bằng vàng thì chuông băng bạc, lưới băng bạc thì chuông băng vàng, lưới bằng lưu ly thì chuông bằng thuỵ tinh, lưới bằng thủy tinh thì chuông bằng lưu ly, lưới bằng xà cừ thì chuông băng bảy thứ báu. Cây đa-la băng vàng thì góc băng vàng, cành băng vàng, lá băng bạc, trái bằng bạc; cây đa-la bằng bạc thì gốc bằng bạc, cành bằng bạc, lá bằng vàng, trái bằng vàng; cây bằng thủy tinh thì gốc, cành bằng thủy tinh, hoa trái bằng lưu ly; cây bằng xích châu thì gốc, cành bằng xích châu, lá bằng mã não, hoa quả bằng mã não; cây bằng xà cừ thì hoa, trái bằng các thứ báu. Bên bờ ao A-nậu-đạt đều có nhà mát và ao tắm, có các thứ hoa kết tụ, các loại cây lá, hoa, trái sum suê, gió thơm phảng phất khắp nơi, các loài chim kỳ lạ:ycùng hòa 9ca. Đáy \ ao A-nậu-đạt • < *1 đêu gôm toàn cát vàng, y bôn bờ ao đêu y có bậc thêm. Tay vịn băng vàng thì thêm băng bạc, tay vịn băng bạc thì thêm băng vàng, tay vịn băng lưu ly thì thêm băng thủy tinh, tay vịn băng thủy tinh thì thêm băng lưu ly, tay vịn băng xích châu thì thêm băng mã não, tay vịn băng mã não thì thềm bằng xích châu, tay vịn bằng xà cừ thì thềm bằng các thứ báu. Chung quanh ao đều có lan can và có bốn thứ hoa xanh, vàng, đỏ, trắng, màu sác hôn hợp, hoa lớn như bánh xe, cọng hoa như trục xe. Cọng hoa tiêt ra một loại nước màu trắng tinh như sữa, vị ngọt như mật. Phía Đông ao A-nậu-đạt có sông Hăng-già phát xuât từ miệng trâu, gôm năm trăm con sông hợp lại, chảy vào biển Đông. Phía Nam ao A-nậu-đạt có sông Tân-đâu, phát xuât từ miệng sư tử, gôm năm trăm con sông hợp lại, chảy vào biển Nam. về phía Tây ao A-nậu-đạt có sông Bà-xoa phát xuất từ miệng ngựa, gồm năm trăm con sông hợp lại, chảy vào biển Tây. Phía Bắc ao A-nậu- đạt có con sông Tư-đà phát xuất từ miệng voi, gồm năm trăm con sông hợp lại, chảy vào biển Bắc. Trong cung điện ao A-nậu-đạt có năm trụ đường, long vương A-nậu-đạt thường ở trong đó. Đức Phật dạy: -Tại sao gọi là A-nậu-đạt?1 A-nậu-đạt có nghĩa là gì? Các long vương ở cõi Diêm-phù-đề đều bị ba điều hoạn nạn, chỉ có long vương A-nậu-đạt là không có ba điều hoạn nạn này. Ba điều hoạn nạn đó là gì? Một là các long vương ở trong cõi Diêm-phù-đề đều bi gió nóng, cát nóng bám vào thân, thiêu đốt cả da thịt,

Dịch giả thời nhà Tần dịch A-nậu-đạt là vô não nhiệt.

xương tủy rất khổ não, chỉ có long vương A-nậu-đạt là không bị hoạn nạn này. Hai là các Long cung trong toàn cõi Diêm-phù-đê đêu bị gió dữ nôi lên trong cung thổi bay cả y phục trang sức, thân thể long vương hiện ra rất khổ sở, chỉ có long vương A-nậu-đạt là không bi hoạn nạn này. Ba là khi các long vương trong cõi Diêm-phù-đề tụ họp trong Long cung, trong cung điện để cùng vui thú có chim Kim Si lớn bay vào cung, vồ lấy,

hoặc chim này mới toan tìm cách ăn thịt, các long vương đã vô cùng sợ hãi, thường mang mối khổ não, chỉ có long vương A-nậu-đạt là không có hoạn nạn này. Nếu chim Kim Si có ý niệm muốn ở lại thì các long vương phải chết, cho nên gọi là A-nậu-đạt. Phật bảo các Tỳ-kheo: Bên phải của núi Tuyết có thành Tỳ-xá-ly, phía Bắc thành này có bảy núi Đen, phía Bắc bảy núi Đen có núi Thơm, núi này thường có tiếng ca, tiếng nhạc. Núi đó có hai động: Một động tên là Trú, một động tên là Thiện Trú, do bảy báu của trời tạo thành, mem mại, trong sạch, thơm tho cũng như áo trời. Trong đó có vua càn-thát-bà tên là Diệu Am ở cùng với năm trăm càn-thát-bà. Phía Bắc động Thiện Trú có cay chúa Bà-la tên là Thiện Trụ và tám ngàn cây chúa khác bao quanh. Dưới gốc cây chúa Thiện Trụ có voi chúa cũng tên là Thiện Trụ, thân thể màu trắng, bảy chỗ đều bằng phẳnẹ với sức mạnh có thể bay được, trên đầu màu trắng, chân chen lẫn nhiêu màu sác, sáu ngà nhọn hoắt, kẽ răng được trám kín bằng vàng. Lại có tám ngàn voi con đi theo chung quanh. Dưới tám ngàn cây chúa ấy, lại có tám ngàn con voi khác cũng như trên. Phía Bắc cây chúa Thiện Trụ có một ao tắm lớn tên là Ma-đà-diên, rộng năm mươi do-tuần và có tám ngàn ao tắm phụ, bao bọc chung quanh trong mát, không dơ bẩn, có hào bảy báu bao bọc chung quanh ao, có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp cây đều do bảy báu tạo thành. Lan can bang vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly, lan can bằng lưu ly thì tay vịn băng thủy tinh, lan can bằng xích châu thì tay vịn bằng mã não, lan can bằng mã não thì tay vịn bằng xích châu, lan can bằng xà cừ thì tay vịn bằng các thứ báu. Dưới màn lưới băng vàng thì treo chuông bằng bạc, dưới màn lưới bằng bạc thì treo chuông bằng vàng, dưới màn lưới băng thủy tinh thì treo chuông băng lưu ly, dưới màn lưới băng lưu ly thì treo chuông bằng thủy tinh, dưới màn lưới bằng xích châu thì treo chuông bằng mã não, dưới màn lưới bằng mã não thì treo chuông bằng xích châu, dưới màn lưới bằng xà cừ thì treo chuông bằng các thứ báu. Cây bằng vàng thì gốc bang vàng, nhánh bằng vàng, lá bằng bạc, hoa bang bạc. Cây bang bạc thì gốc bang bạc, nhánh bang bạc, lá, hoa, trái bằng vàng. Cây bang thủy tinh thi gốc và cành bằng thủy tinh, lá, hoa, trái băng lưu ly. Cây băng lưu ly thì gốc và nhánh băng Imi ly, 19, hoa và trái bằng thủy tinh. Cây băĩiậ xích châu thì gốc và nhánh bằng xích châu, lá, hoa và trái bằng mã não. Cây băng mã não thì gốc và nhánh bằng mã não, hoa và trái bằng xích châu. Cây băng xà cừ thì gốc và nhánh bằng xà cừ, hoa và trái bang các thứ báu.

30. KINH THẾ KÝ 381

Lại nữa, dưới đáy ao có trải cát vàng, chung quanh hồ có đường bằng bảy báu. Nên đường băng vàng thì bậc thêm băng bạc, nên băng bạc thì bậc thêm băng vàng, nên đường băng thủy tinh thì bậc thêm băng lưu ly, nên băng lưu ly thì bậc thềm bằng thủy tinh, nền bằng xích châu thì bậc thềm bằng mã não, nền bằng mã não thì bậc thềm bằng xích châu, nền bằng xà cừ thì bậc thềm bằng các thứ báu. Hai bên đường đều có lan can báu. Lại nữa, trong ao có bốn thứ hoa xanh, vàng, đỏ, trắng màu sắc chen lẫn nhau. Hoa lớn như bánh xe, cọng hoa to như trục xe. Cọng hoa tiêt ra một loại nước màu trăng như sữa, vị ngọt như mật. Chung quanh bôn mặt ao đêu có nhà mát, rừng cây, ao tăm, có các thứ hoa, cây cối xanh tươi, hoa trái sum suê, có nhiều loài chim

cùng hòa ca, cũng như các cảnh khác. Khi voi chúa Thiện Trụ muốn dạo chơi hoặc vào hồ tắm, liền nghĩ đến tám ngàn voi chúa khác, đồng thời, tám ngàn voi chúa ấy cũng tự nghĩ: "Nay voi chúa Thiện Trụ đang nghĩ đến chúng ta, vậy chúng ta mau đến chỗ của voi chila.” Tức thì tám ngàn voi chúa liên đên đứng trước mặt voi chúa Thiện Trụ. Bấy giờ, voi chúa Thiện Trụ theo tám ngàn voi kia đến ao Ma-đà-diên. Trong sô voi ây, có con thì câm lọng, có con thì câm quạt báu đê quạt cho voi chúa, có con thì trỗi nhạc, có con thì dẫn đường. Voi chúa Thiện Trụ vào ao để tắm, tát cả đêu tâu nhạc và cùng nhau vui choi, hoặc có con rửa mũi cho voi chúa, có con thì rửa miệng, có con thì rửa đâu, có con thì rửa ngà, hoặc rửa lô tai, rửa bụng, rửa lưng, rửa đuôi, rửa chân cho voi chúa, có con thì nhổ gốc hoa để rửa và dâng cho voi chúa ăn, có con thì lấy bốn thứ hoa rải trên thân voi chúa. Bây giờ, voi chúa Thiện Trụ sau khi tăm rửa, ăn uông, cùng nhau vui chơi xong lên bờ và đến đứng dưới cây Thiện Trụ. Sau đó, tám ngàn voi kia đều vào ao tăm, khi tăm rửa, ăn uông cùng nhau vui chơi xong liên lên bờ và đên chô voi chúa đứng. Lúc ấy, voi chúa theo tám ngàn voi kia trước sau thứ tự, đi đến cây chúa Thiện Trụ. Trong số đó5 có con cầm lọng để che cho voi chúa, có con cầm quạt báu quạt cho voi chúa, có con trỗi nhạc, đi trước dẫn đường. Khi voi chúa Thiện Trụ đến cây chúa xong tùy ý nằm, ngồi, di, đứng bất cứ chỗ nào. Tám ngàn voi con kia đều ở dưới gốc cây, tùy ý di, đứng, nằm, ngồi. Cây cối ở trong rừng này, có cây to đên tám tâm, có cây to đên chín tâm hoặc mười tâm, cho đên mười lăm tâm, chỉ có voi chúa Thiện Trụ và cây chúa Ta-la là to mười sáu tầm. về tám ngàn cây Ta-la, khi cành lá rơi rụng, có gió mát cuốn đi tấp ngoài khu rừng. Lại nữa, khi tám ngàn voi kia đại tiểu tiện, có các quỷ dạ-xoa hốt bỏ ngoài rừng. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Voi chúa Thiện Trụ tuy là thân súc sanh nhưng có đại thần lực, có công đức và hưởng được phúc báu như the.

382 KINH TRƯỜNG A-HÀM

2. PHẨM UÁT-ĐƠN-VIỆT

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -về châu uất-đơn-việt có rất nhiều núi non, bên cạnh những núi này có nhiều nhà mát, ao tắm, đồng thời có các thứ hoa chen lẫn nhau, cây cối xanh tươi, hoa trái sum suê, lại có vô số chim chóc cùng hòa ca. Trong những hòn núi ấy, có rất nhiều dòng nước chảy êm đềm, không có chảy xiết, đồng thời có rất nhiều hoa nổi bồng bềnh trên mặt nước và từ từ di động. Hai bên bờ suối hẹp có nhiều cây cối, nhành cây mềm mại, hoa trái sum suê, đất sanh cỏ mịn, xoay tròn về phía hữu, màu xanh như lông chim khổng tước, mùi hương như hương bà-sư-ca, mềm mại như áo trời. Đất đai mềm mại dùng chân mà Ẹiẫm trên đất thì đất lún bốn tấc nhưng khi nhấc chân lên thì đất trở lại bằng phẳng như cũ, giống như lòng bàn tay không có cao thấp. Này các Tỳ-kheo, về châu uất-đơn-việt, bốn hướng đều có bốn ao A-nậu- đạt9 mỗi ao rộng trăm do-tuần5 nước ao trong vắt, không cáu bẩn, lại có bảy lớp hào báu xây thành chung quanh,... có vô so loài chim cùng ca hót líu lo, nếu so với sự trang trí của ao Ma-đà-diên thì khônẹ hơn không kém. Bốn ao lớn kia đều phát ra bốn sông lớn, rộnệ mười do-tuần, nước chảy êm đềm, không có chảy mạnh, có rát nhiêu hoa nôi trên mặt nước, từ từ di động. Hai bên bờ sông có nhiều cây cối, cành lá mềm mại, hoa trái sum suê, đất sanh cỏ mịn và xoay chiêu vê phía hữu, màu xanh như lông chim không tước,

mùi hương như hương bà-sư-ca, mềm mại như áo trời. Đất đai mềm mại, khi dùng chân giẫm lên thì đất lún bốn tấc nhimg khi nhấc chân lên thì đất trở lại bằng phẳng như cũ? giống như lòng bàn tay không có cao thấp. Đất đai ở đó không có hào rãnh, hầm hố, gai góc, không có muỗi mòng, rắn rết, bò cạp, hổ lang, ác thú... Đất đai toàn là các thứ báu, không có cát đá, âm dương nhịp nhàng, bốn mùa hòa thuận, không nóng không lạnh, không có những điều lo sợ? đất đai nhuận trạch, không có bụi bóc lên, như đát đá có tráng dâu thì bụi bặm không thê bóc lên được. Có trăm loài hoa sanh trưởng, không có mùa đông, mùa hạ, cây cối xanh tươi, hoa trái sum suê, đất sanh cỏ mịn và xoay chiều về phía hữu, màu xanh như chim khổng tước, mùi hương như hương bà-sư-ca, mềm mại như áo trời. Đất đai mềm mại, khi dùng chân giẫm lên thì đất lún bốn tấc nhimg khi nhấc chân lên thì đất trở lại bằng phẳng như cũ, giống như lòng bàn tay khônệ có cao thấp. Đất đai ở đó thường có lúa gạo mọc tự nhiên, không phải gieo trong, không có tấm cám, trắng tinh như chùm hoa trắng, như thức ăn cõi trời Đao-lợi đầy đủ hương vị. ở đây thường có cái đấu, cái vạc tự nhiên, có hạt châu ma-ni

30. KINH THẾ KÝ 383

tên Diệm Quang. Họ đặt hạt châu Diệm Quang dưới nồi, đến khi cơm chín thì ánh sáng tự nhiên tát, không cân thôi lửa, không nhọc công người. Đát ở đó có một loại cây ten Khúc Cung, lá xếp chồng lên nhau theo thứ tự, trời mưa, nước không nhỏ xuống được, do đó trai, gái đều có the nghỉ ngơi dưới gốc cây này. Lại có một loại cây Hương, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê, đen khi trái chín thì vỏ tự nứt, tự nhiên tỏa ra mùi hương. Loại cây này cũng cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, hoặc bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa trái sum suê, khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt đồng thời phát ra mùi hương. Lại có một loại cây Y Phục, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê, khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt, đồng thời sanh ra các thứ y phục, loại cây này cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, hoặc bon mươi dặm, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa trái sum suê, sanh ra các thứ y phục. Lại có một loại cây Trang Sức, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê, khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt, đồng thời phát sanh các thứ trang sức về thân; loại cây này cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, hoặc bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa trái sum suê, đồng thời sanh ra các đồ trang sức về thân. Lại có một loại cây Tràng Hoa, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê, khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt, đồng thời phát sanh các thứ tràng hoa, loại cây này cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, hoặc bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa trái sum suê, khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt, đồng thời sanh ra các thứ tràng hoa. Lại có một loại cây Khí Cụ, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê, khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt, đồng thời phát sanh các thứ khí cụ, loại cây này cao sáu mươi dặm5 hoặc năm mươi dặm, hoặc bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa trái sum suê, đồng thời sanh ra các thứ khí cụ. Lại có một loại cây Quả, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê, khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt, đong thời sanh ra các thứ trái cây; loại cây này cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi dặm, hoặc bôn mươi dặm, cây nhỏ nhát cao năm dặm, hoa trái sum suê, đồng thời sanh ra các thứ trái cây. Lại có một loại cây Nhạc Khí, cao bảy mươi dặm, hoa trái sum suê, khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt, đồng thời sanh ra các loại nhạc cụ; loại cây này cao sáu mươi dặm, hoặc năm mươi

dặm, hoặc bốn mươi dặm, cây nhỏ nhất cao năm dặm, hoa trái sum suê, đồng thời sanh ra các loại nhạc cụ. Đất này có ao tên là Thiện Kiến, rộng một trăm do-tuần, nước ao trong vắt, không vẩn đục, bờ ao được bao bọc bằng thát bảo chung quanh, bôn phía ao đêu có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây... có vô số chim chóc cất tiếng hòa ca cũng như ở các cảnh trước. Phía Bắc ao Thiện Kiến có cây tên Am-bà-la, thân cây to bảy dặm, cao trăm dặm, nhánh và lá tỏa bôn bê năm mươi dặm. Phía Đông ao Thiện Kiên, lại phát sanh sông Thiện Đạo, rộng một do-tuần, dòng nước không chảy xiết, trái lại chảy một cách lững lờ. Các thứ hoa che phủ trên mặt nước, về hai bên bờ sông có cây côi xanh tươi, cành cây mem dẻo, hoa trái sum suê. Đát sanh từng bôn cỏ mịn và xoay chiêu vê phía hữu, màu xanh như chim không tước, mùi hương như hương bà-sư-ca, mềm mại như áo trời, đất đai mềm dẻo, khi

dùng chân giẫm lên thì đất lún bốn tấc nhưng khi nhấc chân thì đất trở lại bằng phẳng giống như lòng bàn tay, không cao không thấp. Trong ao có nhiều thuyền báu. Khi dân chúng của nơi ấy muốn đến tắm, hoặc dạo chơi thì họ cởi áo để trên bờ, rồi bơi thuyền giữa dòng sông vui chơi thỏa thích. Sau khi tắm xong họ lên bờ hễ gặp y phục thì mặc, ai lên trước thì mặc trước, ai lên sau thì mặc sau, không đợi phải là áo của mình. Sau đó, họ đến cây Hương, cây đó cong thân xuông, những người ây dùng tay lây các thứ hương xoa vào thân thê; kê tiêp, họ đên cây Y Phục, tức thì cây này cong thân xuông; họ bèn lây các thứ y phục, tùy ý mặc vào. Tiếp đó, họ lại đến cây Trang Sức, tức thì cây ấy liền cong thân xuông; họ bèn lây các thứ trang sức đê tự trang diêm cho mình. Sau đó, họ đên cây Tràng Hoa, tức thì cây liên cong thân xuống; họ bèn lây các loại tràng hoa cài lên đầu. Tiếp theo, họ đến cây Đồ Dùng, tức thì cây liền cong thân xuống; họ bèn lấy các đồ dùng quý báu để dùng cho mình. Sau đó, họ đến cây Quả? tức thì cây ấy liền cong xuống; họ bèn lấy các loại trái cây ngon, hoặc là ăn, hoặc là ngậm, hay vắt lấy nước dùng. Sau đó, họ đến cây Nhạc Khí, tức thì cây ấy cong xuống; họ bèn lấy các thứ nhạc khí để tấu nhạc, hòa trống, dạo đàn với âm thanh tuyệt diệu. Thê roi, họ đên rừng cây tùy ý vui choi, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đến bảy ngày. Sau đó, họ mới trở về nhtmg không nhất đinh là nơi nào. Phía Nam ao Thiện Kiến lại phát xuất sông Diệu Thể, phía Tây ao Thiện Kiến lại phát xuất sông Diệu V] phía Bắc ao Thiện Kiến lại phát xuất sông Quang Anh, về phía Đông ao Thiện Kiến có rừng cây Thiện Kiến rộng một trăm do-tuần, chung quanh bốn phía vườn đều có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, màu sắc chen lẫn do bảy báu tạo nên. Bổn phía vườn đều có bốn cửa lớn, có lan can bao quanh, đều do bảy báu tạo thành. Trong vườn hoàn toàn yên tĩnh, không có gai góc, đất đai bằng phẳng, không có khe suối, hầm hô, gò nông, không có muôi mòng, ruồi nhặng, rận rệp, răn rét, độc trùng, hô lang, ác thú... Đất đai toàn là các thứ báu, không có cát đá, âm dương điều hòa, bôn mùa hòa thuận, không nóng, không lạnh, không có các thứ hoạn nạn. Đát đai sạch sẽ, không có bụi bặm, như đất được tráng dầu, bụi không thể bốc lên. ở dấy, đất đai thường phát sanh trăm loài cỏ, không có mùa đông, mùa hạ9 cây cối xanh tươi, hoa trái sum suê, đất sanh từng bồn cỏ mịn, xoay tròn về phía hữu, màu săc như màu chim không tước, mùi hương như hương bà-sư-ca9 mem mại như áo trời, đất đai mềm mại, khi chân giẫm lên thì đất lún bốn tấc

nhưng khi nhấc chân thì đất trở lại bằng phẳng như cũ. Trong vườn có loại gạo thơm tự nhiên, không có trâu cám, trăng như chùm hoa trăng, hương vị đây đủ như thức ăn cõi trời Đao-lợi. Vườn ấy thường có nồi chảo tự nhiên, có hạt châu ma-ni tên Diệm Quang, khi muôn nâu cơm thì họ đặt hạt châu dưới nôi, đên lúc cơm chín thì ánh sáng tự nhiên tắt, không cần đun lửa, không nhọc công người. Trong vườn lại có cây tên là Khúc Cung, mỗi lá đều xếp chồng lên nhau, trời mưa nước không nhỏ xuông được, khiên nam nữ có thê trú dưới góc cây. Lại có cây

30. KINH THẾ KÝ 385

Hươnẹ cao bảy mươi dặm, hoa quả sum suê, đến khi trái chín thì vỏ tự nhiên nứt, đong thời phát sanh các thứ hương; loại cây này cao sáu mươi dặm, năm mươi hoặc bốn mươi dặm, cho đến cây thấp nhất thì cao năm dặm, hoa trái sum suê, phát ra các loại hương... có nhạc khí... (cũng như trên), ở đây, dân chúng khi vào vườn thì mặc tình vui chơi thỏa thích, hoặc một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày. Trong vườn Thiện Kiến không có người trông coi, tùy ý dạo choi, rồi trở về. Phía Nam ao Thiện Kiến có rừng tên là Ngu Lạc, phía Bắc ao Thiện Kiến có rừng tên là Đẳng Hoa, cũng giống như cảnh ở trên, ở đây, giữa đêm, cuối đêm, vua rồng A-nậu-đạt thường tùy thời khởi những vầng mây trong trẻo, bao trùm cả thế giới, làm những trận mưa ngọt, bằng thời gian vắt sữa bí), dùng nước đay đủ tám vị đượm nhuần khắp nơi. Nước mưa không ứ đọng, không có bùn lầy, cũng như thợ kết hoa khéo dùng nước tưới hoa, khiến cho hoa không khô héo, lại thêm xinh tươi. Khi ấy, ở châu này, vào giữa đêm, cuối đêm không có mây che, bầu trời quang đãng, biển thổi gió mát trong lành dìu diu thổi đến, làm cho con người có cảm giác khoan khoái. Hơn nữa, đất này phì nhiêu, dân cư đông đúc. Khi muôn ăn cơm thì họ lây gạo thơm tự nhiên đê vào trong nôi và đặt hạt châu Diệm Quang dưới đáy nồi, cơm tự nhiên chín, ánh sáng tự tắt. Người đến cứ mặc sức mà dùng. Nếu người chủ không đứng dậy thì cơm ăn hoài không hết. Nhưng nếu khi chủ đứng dậy thì cơm tự nhiên hết. Hạt cơm ở đây rất tinh khiết như chùm hoa trắng, mùi vị đầy đủ như thức ăn của trời Đao-lợi. Dân chúng khi dùng cơm này thì không có bệnh hoạn, sức khỏe dồi dào, nhan sắc tươi vui, không tiều tụy. Lại nữa, con người ở đấy thân thể tướng mạo đều giống nhau, không thể phân biệt được. Dung mạo họ luôn luôn trẻ trung như người hai mươi tuổi ở châu Diêm-phù-đề, răng họ trắng tinh, đều đặn và khít khao, tóc họ màu xanh, không có bụi dính, dài tám ngón tay, phủ tới ngang vai, không dài không ngăn. Khi dân chúng ở đây khởi dục tâm thì người nam nhìn kỹ người nữ roi bỏ đi, thê là người nữ theo sau, họ đi đên rừng cây, nêu người nữ đó là cót nhục của người nam, không nên hành dâm thì cây không che phủ xuống và mỗi người tự ra đi. Ngược lại, nếu không phải là cốt nhục, có thể hành lạc được thì cây tự nhiên rủ xuống, phủ kín thân họ để họ tùy ý vui thú một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày rồi phân tán. ở đây người nữ mang thai chỉ độ bảy ngày hay tám ngày là sanh sản. Khi trẻ thơ chào đời dù là trai hay gái, họ đều đem đe tại ngã tư đường rồi bỏ di, thế là mỗi người đi qua đều đưa ngón tay vào miệng đứa bé, tự nhiên có một chất sữa ngọt từ trong ngón tay tuôn ra để rót vào miệng đứa bé. Do đó, nó được no đủ, tình trạng này kéo dài đến hết ngày thứ bảy thì đứa bé to lớn bằng người khác. Nếu là con trai thì theo đoàn người nam; nếu là con gái thì theo đoàn người nữ. Dân chúng ở đấy, mỗi khi có người chết đi thì

không ai khóc lóc, người ta trang sức tử thi, đem đặt ở ngã tư đường rồi bỏ đi. Có loài chim tên Ưu-ủy-thiền-già nhận tử thi ấy rồi mang đặt nơi khác. Khi dân chúng muôn đi tiêu tiện thì đất tự nhiên mở ra. Tiêu tiện xong thì đất khép lại.

386 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Dân chúng ở đây không có luyên tiêc, không chứa châp tài sản, tuổi thọ luôn luôn cô định và sau khi qua đời đêu được sanh vê cõi trời. Tại sao tuôi thọ luôn luôn cố định? Vì kiếp trước họ tu mười hạnh lành, cho nên khi qua đời được sanh về cõi uất-đơn-việt, tuổi thọ đúng một ngàn năm không tăng không giảm. Vì thế, tuổi thọ dân chúng ở đây bằng nhau. Lại nữa, nếu có kẻ sát sanh thì đọa vào đường ác, còn kẻ không sát sanh thì sanh vào cối lành. Còn những kẻ trộm cắp, tà dâm, nói lời ly gián, nói lời độc ác, nói không chân thật, nói thêm bớt, tham lam, ganh ghét, tà kiến thì đọa vào đường ác. Còn kẻ không trộm cắp, không tà dâm, không nói lời ly gián, không nói độc ác, không nói doi, không nói lời thêm bớt, không tham lam, không ganh ghét, không tà kiến thì sẽ sanh về cõi lành. Nêu có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói lời ly gián, không nói lời độc ác, không nói doi, không nói thêm bớt, không tham lam, không ganh ghét, không tà kiến, sau khi qua đời, được sanh về châu Uât-đơn-việt9 sông đúng một ngàn tuôi, không tăng không giảm. Do đó, tuôi thọ của họ bang nhau. Lại nữa nếu kẻ keo kiệt, tham lam, không chịu bố thí thì sau khi qua đời sẽ đọa vào đường ác. Còn kẻ có tâm quảng đại, không keo kiệt, thường xuyên bố thí, được sanh về cõi lành. Nếu có kẻ cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, bô thí cho kẻ hành khát, bệnh hoạn khôn khô như cung cáp cho y phục, thức ăn5 thức uống, xe cộ, tràng hoa, nước thơm xoa minh, giường chõng, phòng xá, hoặc tạo lập tháp miếu, cúng dường đèn đuốc, người đó sau khi qua đời được sanh về châu uất-đơn-việt, tuổi thọ đúng một ngàn, không tăng, không giảm. Cho nên dân chúng ở đây tuổi thọ bằng nhau. Tại sao gọi uất-đơn-việt là thù thắng? Vì dân chúng ở đây không cần thọ thập thiện nhưng hành động tự nhiên phù hợp với thập thiện và sau khi qua đời, được sanh về cõi lành. Cho nên, con người ở đấy gọi là Thắng uất-đơn-việt, nghĩa là thế nào? Là đối với ba cõi thiên hạ khác, châu này là tối thượng, tối thắng, cho nên gọi là Uất-đơn-việt.2

2 Dịch giả thời Tần dịch uất-đơn-việt là tối thượng, tức là cao nhất.

30. KINH THẾ KÝ 387

3. PHẨM CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: ở thế gian có vị Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu bảy báu và bốn thần đức. Thế nào là Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu bảy báu? (1) Xe vàng báu; (2) Voi trắng báu; (3) Ngựa xanh báu; (4) Thần châu báu; (5) Ngọc nữ báu; (6) Cư sĩ báu; (7) Chủ binh báu. Thế nào là Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu xe vàng báu? Nếu Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện ở Diêm-phù-đề, thuộc dòng Sát-đế-lợi và được quán đảnh, vào lúc trăng tròn, ngày mười lăm? ngài tắm gội bằng nước thơm, roi lên ngự trên điện cao, vui thú cùng các thê nữ. Thì lúc đó, tự nhiên xe vàng báu của trời xuất hiện trước mặt, xe có ngàn căm, đầy đủ ánh sáng và màu sắc do vàng của trời và thợ trời tạo thành, không phải thế gian có được, đường kính xe bằng một trượng tư.

Sau khi Chuyển Luân Thánh Vương trông thấy như thế, ngài tự nghĩ: "Ta từng nghe các bậc Tôn túc, kỳ cựu nói: 'Nêu vị vua thuộc dòng Sát-đế-lợi được quán đảnh, vào lúc trăng tròn, ngày mười lăm, tắm gội bằng nước thơm, rồi lên ngự trên pháp điện, có thể nữ bao quanh, xe báu bỗng nhiên xuất hiện trước mặt, xe có ngàn căm, đầy đủ ánh sáng và màu sắc do thợ trời làm, chứ không phải do người thế gian làm, đường kính xe bằiệ một trượng tư. Do đó gọi là Chuyển Luân Thánh Vương/ Nay có xe báu hiện đên, há không phải là đây chăng? Vậy ta hãy thí nghiệm, coi xe đó thế no?" Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương liền triệu tập bốn binh chủng đến trước xe vàng, lúc đó, Chuyển Luân Thánh Vương để lộ cánh tay phải, quỳ gối phải, tay phải xoay vỗ lên xe vàng mà nói: "Ngươi hãy theo đúng pháp mà chạy vê hướng Đông, không nên trái với thông " Tức thì xe chạy về huớng Đông. Thế rồi, Chuyển Luân Thánh Vương đem bốn binh chủng theo sau xe. ở trước mặt xe vàng báu có bốn vi thần dẫn đường, đến chỗ nào xe vàng nệừng thì nhà vua cũng ngừng ở đó. Khi ấy, vua các nước nhỏ ở phương Đông thây Đại vương đên thì họ đem bát vàng đựng lúa bạc, đem bát bạc đựng lúa vàng, đi đến trước nhà vua, cúi đầu và tâu: "Quy hóa thay! Tâu Đại vương, đất đai ở phương Đông này giàu có, sung túc, có nhiều châu báu, dân cư đông đúc, tính tình ôn hòa, hiếu thảo, trung thuận. Xin Thánh vương hãy cai tri xứ này. Chúng tôi sẽ hầu hạ và cung cấp những điều cần thiết!"

Chuyển Luân Thánh Vương nói với các tiểu vương: "Này chư Hiền, thôi đi5 như thế là các ỗnệ đã cúng dường ta rồi đấy. Các ông hãy lấy Chánh pháp mà cai tri dân, đừng đê thiên lệch, phải làm thế nào cho những điều phi pháp không xảy ra trong nước và các ông không sát sanh, giáo dục dân chúng không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói lời ly gián, không nói lời độc ác, không nói dối, không nói thêm bớt, không tham lam, không ganh ghét và không tà kiến. Nếu được như thế, tức là ta đã trị vì rồi vay?9 Các tiểu vương nghe lời ấy xong, liền theo nhà vua đi đến bờ biển B6ng, rồi theo xe mà đi đến phía Nam, phía Tây và phía Bắc; các quốc vương ở đấy đều xin cống hiến nước họ cũng như tiểu vương ở phía Đông vậy. Cõi Diêm- phù-đề này có một nơi tên là Thổ Thiên, đất đai rộng rãi, giàu có, sanh ra nhiều châu báu, rừng cây mát mẻ9 nước trong lành. Đối với những vùng bằng phẳng rộng rãi thì bảo luân đi quanh, đinh nên bản đồ, Đông Tây đo được mười hai do-tuần, Nam Bắc đo được mười do-tuần. Vào giữa đêm các thiên thần tạo ra thành quách, thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng, tất cả đêu do bảy báu tạo thành... vô số chim chóc cùng hòa ca. Sau khi xây dựng thành ấy xong thì xe vàng báu lại ở trong thành và định nên bản đồ địa giới, Đông Tây đo được bốn do-tuần5 Nam Bắc đo được hai do- tuần. Vào giữa đêm thiên thần tạo lập cung điện, gồm có bảy lớp tường đều do bảy báu tạo nên... vô số loài chim cùng cất tiếng hòa ca. Sau khi xây xong cung điện thì xe vàng báu ở giữa hư không, ngay trên cung điện phía Tây, hoàn bị đầy đủ nhimg không chuyển động. Lúc ấy, Chuyển Luân Thánh Vương lòng hớn hở và nói: “Xe vàng báu này thật sự là một diêm lành cho ta, ta nay chính là Chuyên Luân Thánh Vương.^ Đó là sự thành tựu vê xe vàng báu. Thê nào là sự thành tựu vê voi trăng báu? Chuyển Luân Thánh Vương vào sáng sớm lên ngự trên chánh điện, tự nhiên voi báu

bỗng xuất hiện trước mặt? lông toàn màu trắng, bảy chỗ đều bằng phẳng, với sức mạnh có thể bay được, trên đầu có nhiều màu chen lẫn, sáu ngà nhọn hoắt, các kẽ răng được trám kín bằng vàng ròng, khi Chuyển Luân Thánh Vương trông thấy voi báu, ngài tự nghĩ: "Con voi này rất hiền lương; nếu khéo huấn luyện nó thì có thể cưỡi dugc." Tức thi, nhà vua ra lệnh tập thử, cuối cùng mọi việc hoàn hảo. Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương muốn đích thân thí nghiêm, lập tóc nẹài leo lên lưng voi, vào sáng sớm, cưỡi voi ra khỏi thành, đi kháp cả bốn biển, đen giờ ăn thì đã trở về rồi. Lúc đó, Chuyển Luân Thánh Vương hớn hở và nói: "Vòi trăng báu này thật là diêm lành của ta, ta nay chính là Chuyên Luân Thánh Vương7,

30. KINH THẾ KÝ 389

ĐÓ là sự thành tựu về voi báu. Thế nào là sự thành tựu về ngựa xanh báu? Vào sáng sớm, Chuyển Luân Thánh Vương lên ngồi trên chánh điện, tự nhiên ngựa xanh báu bỗng xuất hiện, ngựa màu xanh, lông và đuôi bờm màu châu ngọc, đầu và cổ giống như voi, với sức mạnh có thể bay được. Thấy như thê, vua tự nghĩ: "Con ngựa này rát hiên lương, nêu khéo huân luyện thì có thê cưỡi âược^ Lập tức, vua ra lệnh cho tập thử, cuôi cùng mọi việc hoàn hảo. Nhà vua muốn đích thân cưỡi thử. Vào sáng sớm, ngài liền leo lên lưng ngựa, ra khỏi thành, đi khắp bốn biển, đến giờ ăn thì đã trở về. Khi ấy, Chuyển Luân Thánh Vương hớn hở và nói: "Ngựa xanh báu này thật sự là điềm lành của ta, ta nay chính là Chuyển Luân Thánh Vương.,, Đó là sự thành tựu về ngựa xanh báu. Thế nào là sự thành tựu về thần châu báu? Vào sáng sớm, Chuyển Luân Thánh Vương lên ngự trên chánh điện, thần châu báu bông xuât hiện ở trước mặt, màu trăng trong suôt, không có tỳ vét. Khi trông thấy thần châu báu, nhà vua tự nghĩ: "Hạt châu này rất đẹp? nếu có ánh sáng thì nó có the chiếu sáng được trong cung diên.” Lúc đó, Chuyển Luân Thánh Vương muôn thí nghiệm hạt châu này, ngài liên triệu tập bôn binh chủng, lấy hạt châu này đặt trên một tràng cao. Vào giữa đêm tối, đem tràng này ra khỏi thành, ánh sáng của hạt châu này chiêu sáng cả một do-tuân. Tát cả dân chúng trong thành đều thức dậy làm việc vì họ cho là trời đã sáng. Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương hớn hở và nói: "Thần châu này thật là điềm lành của ta, ta nay chính là Chuyển Luân Thánh Vuông.“ Đó là sự thành tựu về thần châu báu. Thế nào là sự thành tựu về ngọc nữ báu? Bấy giờ, ngọc nữ bỗng nhiên xuất hiện trước mặt, nhan sắc đẹp đẽ, dung mạo đoan trang, không cao không thấp, không mập không gầy, không trắng không dèn, không cứng không mem. Vê mùa đông thì thân âm, vê mùa hạ thì thân mát. Toàn thể các lỗ chân lông đều tỏa ra mùi hương chiên-đàn; miệng thường thoát ra mùi thơm của hoa ưu-bát-la; nói năng tao nhã; cử chỉ dịu dàng, đứng lên, r ngôi xuồng r sàn, không mát khuôn phép. Khi Chuyên Luân Thánh Vương thây như thê5 ngài hớn hở và nói: "Ngọc nữ báu này thật sự là diêm lành của ta, ta nay chính là Chuyên Luân Thánh Vương.,, Đó là sự thành tựu về ngọc nữ báu. Thế nào là sự thành tựu về cư sĩ báu?

390 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Khi cư sĩ trượng phu bỗng nhiên xuất hiện, kho báu tự nhiên đầy đủ, vô lượng. Vị cư sĩ này nhờ phúc đức đời trước nên đôi mắt có thể trông thấy suốt những khoáng sản, bửu

vật còn tiềm tàng trong lòng đất, hoặc có chủ, hoặc không có chủ, đều thấy biết tất cả. Nếu là vật có chủ thì ủng hộ. Nếu là vật vô chủ thì dâng cho nhà vua sử dụng. Khi ấy, vị cư sĩ này đến tâu vua: "Tâu Đại vương, Đại vương chớ có bận tâm, tôi sẽ cung cấp những điều cần thiết cho Đại vương!" Chuyển Luân Thánh Vương muốn thử cư sĩ này, liền ra lệnh chuẩn bị thuyền bè để dạo chơi trên mặt nước. Sau đó, nhà vua nói với cư sĩ: "Nay ta cần vàng bạc, vậy ngươi hãy cung cáp cho ta!" Cư sĩ đáp: "Bại vương hãy chờ một ch6c!" Khi thuyền gần đến bờ thì nhà vua liền giục: “Nay ta cần sử dụng, ước gì có ngay bây giờ!” Lúc đó, cư sĩ báu bi nhà vua giục, liên quỳ trên thuyên, dùng tay phải thò xuống nước, bình báu ở trong nước theo tay mà lên, ví như sâu bọ bám vào thân cây. Cư sĩ này cũng như thê, khi thò tay xuông nước thì vật báu vào tay, chỉ trong chốc lát đã đầy cả một thuyền. Cư sĩ thưa: "Tâu Đại vương, ngài cần dùng bao nhiêu của báu? Như vậy đã đủ chua?" Chuyển Luân Thánh Vương nói với cư sĩ: "Thôi đi, thôi đi! Chẳng phải là ta cần đâu; Nhưng nãy giờ ỉa để thử ngươi đấy thôi. Như thế là ngươi đã cúng dường ta rồi vay." Cư sĩ nghe vua nói thế liền ném tất cả báu vật trở lại trong nước. Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương hớn hở và nói: “Vj cư sĩ này thật là điềm lành của ta, ta nay chính là Chuyển Luân Thánh Vương.,, Đó là sự thành tựu vê cư sĩ báu. Thế nào là sự thành tựu về chủ binh báu? Bấy giờ, chủ binh báu bỗng nhiên xuất hiện, mưu trí dõng mãnh, thao lược toàn tài, liền đến chỗ vua mà tâu: “Tâu Đại vương, Đại vương chớ lo âu vê việc chinh phạt, hạ thân có thê làm được việc ấy.” Lúc đó, Chuyển Luân Thánh Vương muốn thử chủ binh, liền triệu tập bốn binh chủng và bảo: "Ngươi hãy sử dụng binh sĩ đi. Hãy ra lệnh cho người nào chưa tập hợp thì tập hợp; nếu đã tập hợp thì hãy giải tán; nếu chưa nghiêm thì hãy nghiêm; nếu đã nghiêm thì giải tán; nếu chưa đi thì hãy đi; nếu đã đi rồi thì đứng lại."

30. KINH THẾ KÝ 391

Khi ấy, chủ binh báu nghe vua bảo xong, liền ra lệnh cho bốn binh chủng: “Những người nào chưa tập hợp thì tập hợp; tập hợp rồi thì giải tán; nếu chưa nghiêm thì hãy nghiêm; như đã nghiêm thì giải tán; nếu chưa đi thì đi; đã đi rồi thì dừng lai." Khi Chuyển Luân Thánh Vương trông thấy chủ binh điều binh như thế thì hớn hở nói: "Chil binh báu này thật là điềm lành của ta, ta nay chính là Chuyển Luân Thánh Vương." Đó là vị Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu về bảy báu. Còn bốn thần đức là gì? (1) Trường thọ, không chết yểu, không ai có thể sánh kịp; (2) Thân thể khỏe mạnh, không bệnh, không ai có thể sánh kịp; (3) Dung mạo đoan chánh, không ai có thể sánh kịp; (4) Kho báu dồi dào, không ai có thể sánh kịp. Đó là Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu về bảy báu và bốn thần đức. Khi Chuyển Luân Thánh Vương lên ngôi được thời gian khá lâu, đi vào hậu viên, tìm người đánh xe và bảo: "Ngươi hãy đánh xe đi cho khéo léo! Vì sao? Vì ta muôn quan sát tường tận cảnh an lạc, không lo âu của nhân dân, quốc âộy Khi đó, những người dân trong nước đứng xem hai bên lề đường nói với người hầu: uNày ông, hãy đi từ từ, chúng tôi muốn chiêm ngưỡng kỹ tôn nhan, uy đức của Thánh vương!" Bấy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương thương yêu, giáo dục dân chúriệ, cũng như cha thương con. Dân chúng ngưỡng mộ nhà vua như con kính men cha. Dân chúng có bất cứ của quý báu gì đều đem hiến dâng cho nhà vua và nói: “Cúi xin Đại vương hãy nhận lãnh và tùy ý sử dụng!,, Nhà vua đáp: "Thôi đi các ngươi, ta đã có các

của báu rồi, các ngươi nên để mà sử dqng!” Khi Chuyển Luân Thánh Vương trị vì ở cõi Diêm-phù-đề này thì đất đai bằng phẳng, không có gai góc, hầm hố, gò nồng, cũng không có muỗi mòng, rắn, rít, bò cạp, độc trùng, cát sỏi, ngói ệạch tự nhiên biến mất; vàng, bạc, ngọc báu xuất hiện trên mặt đất. Bon mùa điều hòa, không nóng không lạnh; đất đai mềm mại, không có bụi bặm? cũng như đất đai được tráng dầu, sạch sẽ, bóng loáng, khônệ có bụi bặm. Khi Chuyển Luân Thánh Vương tri vì ở đời, đất đai cũng như thê. Đất phát ra những dòng suôi trong sạch, khônẸ bao giờ khô cạn, có nhiều cỏ mịn, mùa đông hay mùa hạ đều xanh tươi, cây côi tốt tươi, hoa trái sum suê, đất sanh cỏ mịn, màu xanh như lông chim khổng tước, mùi thơm như hương bà-sư-ca, mềm mại như áo trời, khi chân giẫm lên thì đất lún bốn tấc; khi nhấc chân lên thì đất trở lại bằng phẳng, không có chỗ khuyết, chỗ trống.

Lại CÓ một loại gạo thơm tự nhiên, không có trấu cám, đầy đủ mùi vi. Lại có cây Hương hoa trái sum suê, đến khi trái chín thì vỏ tự nứt ra, tự nhiên phát sanh mùi hương, phảng phất khắp nơi. Lại có một loại cây Y Phục, hoa trái sum suê, đến khi trái chín thì vỏ tự nứt ra, phát sanh các loại y phục. Lại có loại cây Trang Sức, hoa trái sum suê, đen khi trái chín thì vỏ tự nứt ra, phát sanh các vật trang sức. Lại có một loại cây Tràng Hoa, hoa trái sum suê, đến khi trái chín thì vỏ tự nứt ra, phát sanh các loại tràng hoa. Lại có một loại cây Khí Cụ, hoa trái sum suê, đến khi trái chín thì vỏ tự nứt ra, phát sanh các thứ khí cụ. Lại có một loại cây Quả, hoa trái sum suê5 đến khi trái chín thì vỏ tự nứt ra, phát sanh các loại trái cây. Lại có một loại cây Nhạc Khí, hoa trái sum suê, đen khi trái chín thì vỏ tự nứt ra, phát sanh các loại nhạc khí. Khi Chuyên Luân Thánh Vương tri vì ở thê gian, vua rông A-nậu-đạt vào cuôi giữa đêm bèn nôi lên những đám mây dày, bao trùm cả thê giới, tạo thành trận mưa lớn bằng thời gian vắt sữa bò, nước mưa đủ tám vị đượm nhuần khắp nơi. Nước không ứ đọng trên mặt đất, không có sình lầy, đượm nhuần thấm uớt, sanh trưởng cỏ cây. Cũng như người thợ xâu tràng hoa, khéo rưới nước vào tràng hoa, khiên cho hoa tươi tót, không khô héo, cơn mưa thâm nhuân cũng như thê. Bây giờ, vào giữa cuôi đêm, bâu trời quang đãng và không có mây mù, biển thoi gió mát, trong lành dìu diu, làm cho thân the được khoan khoái. Lúc Chuyên Luân Thánh Vương trị vì, cõi Diêm-phù-đê này ngũ cóc dôi dào, dân chúng đông đúc, của báu đây đủ9 không có túng thiêu. Chính lúc đó Chuyển Luân Thánh Vương dùng Chánh pháp đe trị nước, không thiên vị9 tu tập mười hạnh lành. Lúc bấy giờ, nhân dân cũng tu tập chánh kiến, đầy đủ mười hạnh lành. Sau một thời gian khá lâu, nhà vua lâm trọng bệnh rồi băng hà, cũng như người ăn quá no, thân thể hơi khó chiu, không thích hợp, rồi băng hà và sanh vào cõi Phạm thiên. Bấy giờ, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu và dân chúng trong nước đều ca hát, trỗi nhạc, làm lễ tẫn liệm thi thể Thánh vương. Ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu cùng dân chúng trong nước dùng nước nóng thơm tắm rửa thi thể nhà vua, dùng vải kiêp-bôi quân năm trăm lớp, quân chông lên thi thê nhà vua, roi đặt thi thê vào trong kim quan, rưới dâu thơm vào, roi đặt kim quan này vào trong một cái quách bằng sắt, rồi lấy cái quách bằng gỗ bọc thêm ở ngoài, chất thêm củi thơm lên trên, rồi làm lễ trà-tỳ, xây tháp bằng bảy báu ở tại ngã tư đường, ngang dọc một do-tuần, chen lẫn nhiều màu sắc đều do bảy báu tạo

thành, ở bốn mặt tháp, mỗi mặt đều có một cửa có lan can bao quanh do bảy báu tạo thành, đất trống ở bốn phía tháp ngang dọc năm do-tuần, với bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây. A 5

Tường băng vàng thì cửa băng bạc; tường băng bạc thì cửa băng vàng; tường bằng lưu ly thì cửa bang thủy tinh; tường bang thủy tinh thì cửa bang lưu

30. KINH THẾ KÝ 393

> > A

ly; tường băng xích châu thì cửa băng Amã não; tường băng mã não thì cửa băng xích châu; tường băng xà cừ thì cửa băng các thứ báu. Vê lan can, nêu lan can băng vàng thì tay vịn băng bạc; lan can băng bạc thì tay vịn bang vàng; lan can bang thủy tinh thì tay vịn bang lưu ly; lan can bang lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh; lan can bằng xích châu thì tay vịn bằng mã não; lan can bằng mã não thì tay vịn bằng xích châu; lan can bằng xà cừ thì tay vịn bằng các thứ báu. Vê bảy lớp màn lưới, màn lưới băng vàng thì ở dưới treo chuông băng bạc, màn lưới bằng bạc thì ở dưới treo chuông bằng vàng; màn lưới bằng lưu ly thì ở dưới treo chuông bằng thủy tinh; màn lưới bằng thủy tinh thì ở dưới treo y A chuông băng lưu ly; màn lưới băng xích châu thì ở dưới treo chuông băng mã não; màn lưới bằng mã não thì ở dưới treo chuông bằng xích châu; màn lưới bằng xà cừ thì ở dưới treo chuông bằng các thứ báu. Vê bảy lớp hàng cây, cây băng vàng thì lá, hoa và trái băng bạc; cây băng bạc thì lá, hoa và trái bằng vàng; cây bằng lưu ly thì lá, hoa và trái bằng thủy tinh; cây băng thủy tinh thì lá, hoa và trái băng lưu ly; cây băng xích châu thì lá, hoa và trái bằng mã não; cây bằng mã não thì lá, hoa và trái bằng xích châu; cây bằng xà cừ thì lá5 hoa và trái bằng các thứ báu. Lại nữa, bốn mặt tường lại có bốn cửa, có lan can bao quanh và trên mỗi lớp tường đêu có lâu gác và đài báu. Bôn mặt tường lại có cây côi, vườn, rừng, suôi, nước, ao tắm và có các thứ hoa, cây cối xanh tươi, hoa trái sum suê, có các mùi hương phảng phất, có các thứ chim lạ ca hót líu lo. Sau khi xây dựng tháp xong, các ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu và quôc sĩ, dân chúng đêu đên cúng dường tháp này, đông thời bô thí cho những người nghèo đói, như cần thức ăn thì cho thức ăn, cần y phục thì cho y phục, cân voi, ngựa, của báu, xe, tùy theo ý họ muôn mà cung cáp cho họ. Vị Chuyển Luân Thánh Vương có uy thần, có công đức lớn lao như thế.

394 KINH TRƯỜNG A-HÀM

4. PHẨM ĐỊA NGỤC

Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, bốn châu thiên hạ này, bên ngoài có tám ngàn thiên hạ bao quanh. Tám ngàn thiên hạ ấy bi bao bọc chung quanh bởi một biển nước lớn. Ke đó, có núi Kim Cang Lớn bao bọc biển nước lớn. Bên ngoài núi Kim Cang Lớn này lại có núi Kim Cang Lớn thứ hai. Giữa hai núi này là một cảnh giới mờ mịt, tối tăm, mặt trời, mặt trăng, các vi thần, trời dù có uy lực lớn cũng không thể dùng ánh sáng soi chiếu đến đó được. Trong cõi âm u này có tám địa ngục lớn, mỗi địa ngục lớn có mười sáu địa ngục nhỏ. Tám địa ngục lớn là: Thứ nhất tên là địa ngục Tưởng, thứ hai tên là địa ngục Dây Ben, thứ ba tên là địa ngục Đá Ép, thứ tư tên là địa ngục Kêu La, thứ năm

tên là địa ngục Kêu La Lớn, thứ sáu tên là địa ngục Thiêu Nướng, thứ bảy tên là địa ngục Thiêu Nướng Lớn, thứ tám tên là địa ngục Vô Gián. Trong địa ngục Tưởng có mười sáu địa ngục nhỏ, mỗi địa ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Mười sáu địa ngục nhỏ là: Địa ngục thứ nhất tên là Cát Đen, thứ hai tên là Phẩn Dãi, thứ ba tên là Năm Trăm Cái Đinh, thứ tư tên là Đói, thư năm tên là Khát, thứ sáu ten là Một Vạc Đồng Sôi, thứ bảy tên là Nhiều Vạc Đồng Sôi, thứ tám tên là Đá Ép, thứ chín tên là Máu Mủ, thứ mười tên là Đong Lửa, thứ mười một tên là Sông Tro, thứ mười hai tên là Hòn sắt Nóng, mười ba tên là Búa Riu, mười bốn tên là Sài Lang, mười lăm tên là Rừng Kiếm, mười sáu tên là Băng Lạnh. Tại sao gọi là địa ngục Tưởng? Vì chúng sanh ở trong đó, trên tay của họ có mọc móng sắt, vừa dài, vừa bén, có tâm sân hận, có ý nghĩ độc hại, dùng móng tay cào cấu lẫn nhau, làm cho thịt của tay rớt xuống. Thế rồi họ tưởng mình đã chết, có cơn gió lạnh thổi đến, làm cho da thịt sanh ra lại, làm cho họ sống lại, đứng dậy, tự suy nghĩ và nói: “Ta nay đã sống lại." Chúng sanh khác nói: "Ta cũng nghĩ là ngươi đã sống lại." Vì sự nghĩ tưởng như thế nên gọi là địa ngục Tưởng. Lại nữa, địa ngục Tưởng là những chúng sanh ở trong đó, lúc nào cũng nghĩ đến sự độc hại, phá hại lẫn nhau. Tay họ cầm một loại đao kiếm tự nhiên, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da, xẻ thịt, bằm nát thân thể rớt xuống đất. Thế rồi, họ tưởng mình đã chết nhưng bỗng cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt sanh ra lại, làm cho họ sống lại, đứng dậy, tự nghĩ và nói: "Ta nay đã sống lại." Chúng sanh khác nói: "Ta cũng nghĩ là ngươi đã sống lại.”

30. KINH THẾ KÝ 395

Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng. Lại nữa, địa ngục Tưởng là những chúng sanh ở trong đó, lúc nào cũng nghĩ đến sự độc ác và phá hại lẫn nhau. Tay họ cầm một loại đao kiếm tự nhiên, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da, xẻ thịt, bằm nát thân thể rớt xuống đất. Thế rồi, họ tưởng mình đã chết; nhưng bỗng có cơn gió lạnh thổi đến làm cho da thịt sanh ra lại, làm cho họ sống lại, đứng dậy, tự nghĩ và nói: “Ta nay đã sông lại.59 Chúng sanh khác nói: "Ta cũng nghĩ là ngươi đã sông lại.” Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng. Lại nữa, địa ngục Tưởng là nơi mà những chúng sanh ôm lòng độc ác, tàn hại, khuây phá lân nhau. Tay họ câm một cây dao sáng loáng, vừa nhọn, vừa bén để đâm chặt lẫn nhau, lóc da, xẻ thịt. Họ tưởng mình đã chết nhung rồi cơn gió lạnh thổi đến, làm cho da thịt sanh ra lại, làm cho họ sống lại, đứng dậy và nói: "Ta nay đã sống lại." Chúng sanh khác nói: "Ta cũng nghĩ là ngươi đã sống lại.” Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng. Lại nữa, địa ngục Tưởng là nơi mà những chúng sanh ôm lòng độc ác, tàn k , /XA. hại và khuây phá lân nhau. Tay câm một cây dao nhỏ, vừa nhọn vừa bén, đâm chém lẫn nhau, lóc da, xẻ thịt. Họ tưởng mình đã chết nhung bỗng có cơn gió lạnh thổi đến, làm cho da thịt sanh ra lại, làm cho họ sống lại, đứng dậy và nói: "Ta nay đã sống lại." Chúng sanh khác nói: "Ta cũng nghĩ là ngươi đã sống lại.” Vì lý do đó nên gọi là địa ngục Tưởng. Những chúng sanh trong đó, trải qua thời gian thọ khổ lâu dài, được ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong được cứu giúp. Nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo nên bất ngờ lại đến địa ngục Cát Đen. Bấy giờ, có một cơn gió nóng dữ dội bốc lên, thổi cát đen nóng bám vào thân người đó, toàn thân tội nhân đều đen, giông như vâng mây đen. Thê roi, cát nóng này thiêu đót da thịt và tận

cả xương tủy. Sau đó, trong thân tội nhân có một ngọn lửa đen bộc phát, đốt cháy quanh thân, rồi vào trong tạng phủ, đau đớn vô cùng, thiêu đốt cho cháy. Vì nhân duyên tội nghiệp này, chiu khổ báo như thế. Nhưng vì tội lỗi chưa hết nên khiến cho tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian thọ kho khá lâu ở trong đó, tội nhân ra khỏi địa ngục Cát Đen, hoảng hốt chạy càn, mong được cứu giúp. Nhưng vì bị tội quá khứ lôi kéo nên không ngờ lại đên địa ngục Phân Dãi. Trong địa ngục này có những hòn sát nóng bằng phẩn dãi tự nhiên đầy dẫy trước mặt, bức ép tội nhân phải ôm hòn sắt nóng, đốt cháy từ thân, tay, chân đến đầu và mặt, không đâu là chẳng bị đốt cháy, lại khiến cho tội nhân bốc hòn sắt bỏ vào miệng, đốt cháy cả môi lưỡi từ yêt hâu đên bụng, từ trên đên dưới đêu bị cháy tiêu. Lại có một loại trùng mỏ sắt ăn da thịt, tận cả xương tủy, khổ đau trăm bề, lo sợ vô cùng. Nhung vì tội lỗi chưa hết nên tội nhân không thể chết được.

396 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Sau một thời gian thọ khổ lâu dài ở trong địa ngục Phẩn Dãi, tội nhân ra khỏi địa ngục này hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu giúp, bất ngờ lại đến địa ngục Năm Trăm Cái Đinh. Sau khi đã vào đó, ngục tốt đánh tội nhân văng lên bàn sắt nóng, căng thân thể tội nhân ra, dùng đinh đóng tay, đóng chân, đóng vào tim. Toàn thân bi đóng hết thảy năm trăm cái đinh. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội lỗi cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian thọ khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Năm Trăm Cái Đinh hốt hoảng chạy càn, mong được cứu giúp, bất ngờ lại đến địa ngục Đói. Ngục tốt đến hỏi: "Các người đến đây, muốn cầu điều gi?" Tôi nhan đáp: "Tôi đói qua!" Tức thì, ngục tốt bắt quăng tội nhân len bàn sắt nóng căng thân thể ra, rồi dùng móc câu cạy miệng cho mở ra, rồi lấy hòn sắt nóng bỏ vào trong miệng đốt cháy từ trên xuống dưới, kể cả môi, lưỡi, yết hầu và bụng, không chỗ nào không đốt cháy. Họ đau đớn vo cùng, khóc la thảm thiết. Nhưng vì tội lỗi cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Trải qua thời gian thọ khổ khá lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Đói, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu giúp, bất ngờ lại đến địa ngục Khát. Ngục tốt liên hỏi: "Các người đến đây, muốn cầu điều gi?” nn ! L L___ Tội nhan đáp: "Tôi khát qua!^ Ngục tót liên băt tội nhân quăng lên bàn sát nóng, căng thân thê ra, roi dùng móc sắt nóng cạy miệng tội nhân ra, lấy nước đồng sôi rót vào miệng, đốt cháy cả môi, lưỡi, từ yết hầu cho đến bụng, cháy suốt cả thân, không có chỗ nào không cháy. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhimg vì tội lỗi cũ chưa hết nên khiến tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian thọ khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Khát, hoảng hót chạy càn, mong câu cứu giúp, bát ngờ đọa vào địa ngục Một Vạc Đông Sôi. Khi thay tội nhân, ngục tốt thịnh nộ, liền nam chân tội nhân ném vào trong vạc đồng, theo nước sôi cuồn cuộn, trồi lên hụp xuống, từ trên xuống dưới, từ miệng vạc cho đến tận đáy vạc, hoặc ở giữa vạc, cả thân thể bị đốt tiêu tan, ví như nấu đậu, hạt đậu tùy theo lượng nước sôi, trào lên lộn xuống, các hạt đậu cả trong ngoài đều tiêu tan. Tội nhân trồi lên sụp xuống trong vạc đồng sôi cũng thế, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội lỗi cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian thọ khổ lâu dài, tội nhân thoát khỏi địa ngục Một Vạc Đong Sôi, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu giúp nhưng bị tội đời trước lôi

kéo, bất ngờ lại đọa vào địa ngục Nhiều Vạc Đồng Sôi. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuân, khi thây tội nhân, ngục tót thịnh nộ và năm chân tội nhân quăng vào trong vạc đồng, theo nước sôi cuồn cuộn, trồi lên hụp xuống, từ trên xuống dưới, từ miệng vạc cho đến đáy vạc, hoặc ở giữa vạc, cả thân thể bị đốt tiêu tan, giống như nấu đậu, theo nước sôi, cuồn cuộn ùao lên, sụp xuống, trong ngoài đều tiêu tan. Tội nhân trong vạc đong sôi cũng the, tùy theo nước sôi mà trôi lên sụp xuồng, từ trên xuông dưới, từ miệng vạc cho đên đáy vạc, hoặc tay chân nổi lên, hoặc lưng bụng nổi lên, hoặc là đàu mặt nổi lên. Lúc đó, ngục tốt dùng lưỡi câu mà móc để trong vạc đồng khác. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội lỗi cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian thọ khổ lâu dài9 tội nhân thoát khỏi địa ngục Nhiều Vạc Đông Sôi, hoảng hót chạy càn, mong câu cứu giúp nhưng bị tội lôi cũ lôi kéo, bát ngờ lại đọa vào địa ngục Đá Ép. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuân. Khi thấy tội nhân, ngục tốt liền thịnh nộ và bắt tội nhân quăng lên tảng đá nóng, căng tay chân ra, dùng tảng đá nóng lớn đè trên thân tội nhân, xay lui xay tới làm cho xương thịt bị nghiền nát, máu huyết chảy ra. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhung vì những tội cũ vẫn còn, tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian chiu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Đá Ép hoảng r : \ /C x a a hót chạy càn, mong câu cứu giúp; nhưng vì tội quá khứ dân dát nên bát ngờ lại đến địa ngục Máu Mủ. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Trong địa ngục này tự nhiên có máu mủ nóng sôi sục tuôn chảy. Tội nhân ở trong đó chạy Đông, chạy Tây, bị máu tanh, nóng thiêu đốt toàn thân, đầu, mặt, tay, chân; tất cả đêu tiêu tan. Tội nhân còn phải ăn máu huyêt nóng, do đó, miệng, môi, từ yêt hâu cho đên bụng, từ trên xuông dưới đêu cháy tiêu tan, đau đớn vô cùng, không thể chiu nổi. Nhưng vì tội cũ vẫn còn nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Máu Mủ, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ nhưng bị tội quá khứ dẫn dắt nên bất ngờ lại đến địa ngục Đong Lửa. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Trong địa ngục này có một đông lửa lớn, tự nhiên xuất hiện trước mặt. Khi đông lửa lớn phựt cháy, ngục tót bèn thịnh nộ, bát buộc tội nhân tay câm cái đâu băng săt để đong đống lửa ấy. Khi họ đong lửa thì lửa đốt cháy tay chân và cả toàn thân. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ vẫn còn nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Đong Lửa, hoảng hót chạy càn, mong câu cứu hộ; nhưng vì bị tội quá khứ dân dát nên bất ngờ đọa đến địa ngục Sông Tro. Địa ngục Sông Tro này ngang dọc năm trăm do-tuân, sâu năm trăm do-tuân, Sông Tro sôi cuôn cuộn, độc khí xông lên phừng phựt, xoay tròn như sóng cuộn, âm vang thật đáng sợ, từ dưới lên trên gươm giáo ngôn ngang, vừa nhọn, vừa dày cỡ tám tác. Bên bờ sông lại có một loại dao kiếm dài, có cả ngục tốt, sài lang. Trên bờ sông có một rừng cây bang

kiếm, nhánh, lá, hoa, trái đều là đao kiếm, vừa nhọn vừa bén, cỡ tám tấc. Khi tội nhân vào trong sông, tùy theo lượn sóng lên xuông mà trôi lên hụp xuồng. Toàn thân đều bị gươm giáo đâm thủng từ trong đến ngoài, da thịt tan hoại, máu chảy dầm dề. Họ đau

đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội lỗi cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Sông Tro, lên được trên bờ; nhưng ở trên bờ lại có rất nhiều gươm giáo sắc bén đâm thủng toàn thân, tay chân bị tổn hoại. Bấy giờ, quỷ sứ hỏi tội nhân: "Các ngươi đến đây muốn cầu điều gì?" Tội nhan đáp: "Chúng tôi đói qua!99 Ngục tốt liền bắt tội nhân quăng lên bàn sắt nóng, căng thân thể ra, lấy móc sắt cạy miệng để rót nước đồng sôi vào, thiêu đốt môi, lưỡi, từ yết hầu đen bụng không có chỗ nào không tiêu tan. Lại có loài lang sói, răng nanh vừa dài vừa bén đến căn tội nhân, ăn tươi nuôi sông. Khi mà tội nhân bị Sông Tro đun nâu, bị gươm bén đâm thủng, bị rót nước đông sôi vào miệng và bị sài lang ăn thịt xong, lại leo lên rừng kiếm, khi leo lên rừng kiếm thì đao kiếm chĩa xuống, khi tuột xuống rừng kiếm thì đao kiếm chĩa lên, khi tay nắm thì cụt tay, chân bước đi thì cụt chân, đao kiếm đâm thủng toàn thân trong ngoài, da thịt rơi xuông, máu chảy dâm dê, chỉ còn xương trăng, gân guốc liên kết với nhau. Khi đó, trên kiếm thì có một loại quạ mỏ sắt đến mô nát đâu và xương đê ăn não của tội nhân. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên họ không chết được, lại bi sa vào địa ngục Sông Tro một lần nữa. Tội nhân tùy theo lượn sóng lên xuống mà trồi lên sụp xuống, gươm giáo đâm thủng toàn thân trong ngoài, da thịt tan nát, máu mủ dầm dề, chỉ còn xương trắng lộ ra bên ngoài. Khi ấy, có một . 9 e ĩ ĩ •e y 2

Cơn gió lạnh thôi đên làm cho da thịt sông lại, họ liên đứng dậy, hoảng hót chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại bị sa vào địa ngục Hòn sắt Nóng. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do- tuân. Khi tội nhân vào đây, tự nhiên có những hòn sát nóng hiện ra trước mặt. Ngục quỷ cầm giữ tay chân tội nhân, đốt cháy tiêu tan, toàn thân bốc lửa. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Hòn sắt Nóng, hoảng hót chạy càn, mong câu cứu hộ. Nhưng vì bi tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Búa Rìu. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân vào địa ngục này, ngục tót liên thịnh nộ, bát tội nhân đê trên bàn săt nóng, dùng búa rìu băng sát nóng chặt thân thê, tay chân, cát tai, xẻo mũi. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên họ không thể chết được.

30. KINH THẾ KÝ 399

Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Búa Rìu, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhung bị tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ lại sa vào địa ngục Sài Lang. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân đến đây, có bầy lang sói tranh nhau cắn xé tội nhân, làm cho da thịt bị nhầy nhụa, xương gãy, thịt roi, máu chảy dầm dề. Họ đau khổ vô cùng, khóc la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân thoát khỏi địa ngục Sài Lang hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, tội nhân bất ngờ đọa vào địa ngục Rừng Kiếm. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do- tuần. Khi tội nhân vào đấy, có một cơn gió mãnh liệt, thổi lá cây bằng gươm dao rớt trên thân the tội nhân, hễ chạm vào tay thì cụt tay, dính vào chân thì cụt chân, thân

thể, đầu, mặt... đều bị hư hoại. Lại có một loại quạ mỏ sắt, đứng ở trên đầu mổ đôi mắt tội nhân. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên họ không thể chết được. Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Rừng Kiếm, hoảng hốt chạy càn, kêu la cầu cứu. Nhưng vì tội cũ lôi kéo, tội nhân bất ngờ đọa vào địa ngục Băng Lạnh. Địa ngục này ngang dọc năm trăm do-tuần. Khi tội nhân vào địa ngục, có cơn gió lạnh buốt thổi đến làm cho thân thể bị lạnh cứng, máu huyết đông đặc, da thịt nứt nẻ, rớt ra từng mảnh. Họ đau đớn vô cùng, khóc la thảm thiết. Sau đó thì họ mạng chung. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, địa ngục lớn Dây Đen có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh, mỗi địa ngục ngang dọc năm trăm do-tuần. Tại sao gọi là địa ngục Dây Đen? Vì ở đây các ngục tót bắt tội nhân quăng lên bàn sát nóng, căng thân thê ra roi dùng sợi dây sát nóng đê kẻ thành từng đường, roi dùng búa băng sắt nóng xẻ theo đường sợi dây, xẻ tội nhân kia thành trăm ngàn đoạn. Ví như người thợ mộc dùng dây kẻ vào cây5 rồi dùng búa bén theo đường mực mà chẻ làm thành trăm ngàn đoạn. Cách hành hạ tội nhân ở đó cũng vậy, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Dây Đen. Lại nữa, ở địa ngục Dây Đen, ngục tót bát tội nhân quăng lên bàn sát nóng, căng thân thể ra, dùng dây sắt nóng kẻ đường rồi dùng cưa để cưa tội nhân. Ví như người thợ mộc dùng dây mực kẻ trên thân cây, rồi dùng cưa để cưa cây. Cách hành hạ tội nhân ở đó cũng thế, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Dây Đen. Lại nữa, ở địa ngục Dây Đen, ngục tót bát tội nhân quăng lên bàn sát nóng, căng thân thể ra, dùng dây sắt nóng kẻ trên thân tội nhân, làm da thịt bị thiêu đốt, tiêu xương chảy tủy, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhimg vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Dây Đen.

Lại nữa, ở địa ngục Dây Đen, ngục tót treo ngang vô sô dây sát nóng, roi bát tội nhân đi giữa những sợi dây, đồng thời có cơn gió lốc nổi lên, thổi những sợi dây sắt nóng quấn vào thân, đốt cháy da thịt, tiêu xương chảy tủy, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Day Đen. Hơn nữa, trong địa ngục Dây Ben, ngục tót bắt buộc tội nhân mặc áo băng dây sắt nóng, đốt cháy da thịt, tiêu xương chảy tủy, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thê gọi là địa ngục Dây Đen. Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Dây Đen, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ dẫn dắt, bất ngờ lại đên địa ngục Cát E)en,.. địa ngục Băng Lạnh với sự hành hình cũng như thê và sau đó tội nhân mới mạng chung. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, địa ngục Đá Ép có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh; địa ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Tại sao gọi là địa ngục Đá Ép? Vì trong ngục ấy có núi đá lớn, từng cặp đối nhau. Khi tội nhân vào giữa thì hai hòn núi tự nhiên khép lại, ép thân the tội nhân, xương thịt nát tan, xong roi trở lại vi trí cũ. Ví như hai thanh củi cọ vào nhau, khi cọ xong thì dang ra. Cách hành hạ tội nhân ở địa ngục ấy cũng thế, đau đớn vô cùng, không thể diễn tả hết được. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục

Đá Ép. Lại nữa, ở địa ngục Đá Ép, có voi sắt lớn, toàn thân bốc lửa vừa kêu rống, vừa chạy đến giày xéo thân thể tội nhân, giẫm đi giẫm lại, làm cho thân thể bị nghiền nát, máu chảy dầm dề. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Đá Ép. Lại nữa, ở địa ngục Đá Ép? các ngục tốt bắt tội nhân để trong cối đá? rồi xay tội nhân xương thịt tan nát, máu chảy dâm dê. Họ đau đớn vô cùng, không thê diễn tả hết được. Nhimg vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Đá Ép. Lại nữa, ở địa ngục Đá Ep, ngục tót bat tội nhân năm trên tảng đá lớn, roi lấy một tảng đá khác đè lên, làm cho da thịt tan nát, máu chảy dầm dề. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Đá Ép. Lại nữa, ở địa ngục Đá Ép, các ngục tốt bắt tội nhân nằm trong các cối sắt, rồi dùng chày sắt để giã tội nhân, từ đầu đến chân, da thịt tan nát, máu chảy dầm dề. Họ đau đớn vô cùng, khóc la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Đá Ép.

30. KINH THẾ KÝ 401

Sau một thời gian chiu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục Đá Ép, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, bất ngờ lại đến địa ngục Cát Đen,... địa ngục Băng Lạnh, với sự hành hình cũng như trên, sau đó tội nhân mới mạng chung. Đức Phật dạy: Địa ngục Kêu La có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh, mỗi địa ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Tại sao gọi là địa ngục Kêu La? Vì ở dấy, các ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong vạc lớn, với nước nóng sôi sục, nấu nhừ tội nhân, kêu la gào thét. Họ đau đớn vô cùng, khóc lóc thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La. jr r -í- f

Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tót băt tội nhân bỏ vào trong vạc săt lớn, với nước nóng sôi sục, nấu nhừ tội nhân. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La. Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong vạc sắt lớn, với nước sôi sùng sục, nau rục tội nhân. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La. Lại nữa, địa ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong vạc nhỏ, với nước sôi sùng sục, nấu rục tội nhân. Họ la hét kêu gào, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La. Lại nữa, địa ngục này, ngục tót băt tội nhân bỏ lên trên cái lò nướng, trở qua trở lại. Họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La. Trải qua thời gian chiu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ dẫn dắt, bất ngờ lại đến địa ngục Cát Đen,... địa ngục Băng Lạnh với hình phạt cũng như trên và sau đó tội nhân mới mạng chung. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo9 địa ngục Kêu La Lớn có mười sáu địa ngục nhỏ bao bọc chung quanh. Tại sao gọi là địa ngục Kêu La Lớn? Vì ở dây, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong nôi sát lớn, nước nóng sôi sùng sục, nâu như tội nhân. Họ kêu la gào thét, khóc lóc thảm thiết, đau khổ vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là

địa ngục Kêu La Lớn. Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong chậu sắt lớn, nước sôi sùng sục, nấu nhừ tội nhân. Họ kêu la gào thét, khóc lóc thảm thiết, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La Lớn.

402 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tót bát tội nhân bỏ vào trong chậu sát nhỏ, nước sôi sùng sục, nấu rục tội nhân. Họ kêu la gào thét, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La Lớn. Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tót bát tội nhân bỏ vào trong vạc dâu nhỏ, nước sôi sùng sục, nâu nhừ tội nhân. Họ kêu la gào thét, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La Lớn. Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong chảo to, rồi trở qua trở lại để ram tội nhân. Họ kêu la gào thét, kêu la lớn, đau đớn vô cùng, thật là thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Kêu La Lớn. Sau một thời gian chiu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ dẫn dắt, bất ngờ lại đến địa ngục Cát Đen... địa ngục Băng Lạnh, với những hình phạt cũng như các địa ngục trên và sau đó mạng chung. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo? địa ngục Thiêu Nướng có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh. Tại sao gọi là địa ngục Thiêu Nướng? Vì ở địa ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong thành sắt rồi cho thành này phát hỏa, cả trong lẫn ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng. Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong nhà sắt, rồi cho nhà này phát hỏa, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng. Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tót bát tội nhân bỏ trên lâu săt, roi cho lâu phát hỏa, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhimg vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng. Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào lò gốm sắt lớn, rồi cho lò này cháy, trong ngoài đỏ rực, thiêu nướng tội nhân. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhtmg vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng. Lại nữa, ở địa ngục này, ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong chảo lớn, rồi cho chảo này phát hỏa, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân. Da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhtrng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng.

30. KINH THẾ KÝ 403

Sau một thời gian chiu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ dẫn dắt, bất ngờ tội nhân lại rơi vào địa ngục Cát Đen,... địa ngục Băng Lạnh, với những hình phạt cũng như các địa ngục trên và sau đó thì mạng chung. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo? địa ngục Thiêu Nướng Lớn có

mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh, mỗi địa ngục ngang dọc năm trăm do-tuần. Tại sao gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn? Vì ở dấy, các ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong thành sắt rồi cho thành này phát hỏa, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn. Lại nữa, ở địa ngục này, các ngục tốt bắt tội nhân bỏ vào trong nhà sắt, rồi đốt cháy ngôi nhà, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiêu lân. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiêt. Nhimg vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn. Lại nữa, ở đấy, các ngục tốt bắt tội nhân bỏ trên lầu sắt, rồi cho lầu này phát hỏa, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiều lần. Da thịt tiêu tan, đau đớn vô cùng. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn. Lại nữa, ở đấy, các ngục tốt thường bắt tội nhân bỏ vào trong lò sắt lớn, rồi cho lò này phát hỏa, trong ngoài đều đỏ rực, thiêu nướng tội nhân, thiêu nướng nhiêu lân. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng kêu la thảm thiêt. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Thiêu Nướng Lớn. Lại nữa, ở địa ngục Thiêu Nướng Lớn tự nhiên có hầm lửa lớn, lửa cháy phừng phục. Hai bên bờ hầm có núi lửa lớn. ở đó, các ngục tốt bắt tội nhân ghim vào trên cây chia sắt, rồi dựng đứng trong lửa đỏ, làm cho thân thể bị thiêu nướng, thiêu nướng nhiều lần. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Sau một thời gian chịu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, bất ngờ lại đến địa ngục Cát Đen,... địa ngục Băng Lạnh, với hình phạt cũng như thế và sau đó thì tội nhân mạng chung. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, địa ngục lớn Vô Gián có mười sáu địa ngục nhỏ bao quanh, mỗi địa ngục nhỏ ngang dọc năm trăm do-tuần. Tại sao gọi là địa ngục Vô Gián? Vì ở đấy ngục tốt bắt tội nhân lột da từ đầu đến chân, rồi dùng da ấy

cột thân tội nhân vào xe bằng lửa, rồi cho xe lửa chạy đi chạy lại trên nền sắt nóng, làm cho thân thể nát tan. Da thịt rời ra từng mảnh, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhimg vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Vô Gián. Lại nữa, ở địa ngục này có thành sắt lớn, bốn mặt thành lửa cháy dữ dội, lửa cháy từ Đong sang Tây, từ Tây sang Đông, từ Nam chí Bắc, từ Bắc chí Nam, từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, lửa cháy bừng bừng khắp noi, không có một chỗ trống. Tội nhân ở trong đó cứ chạy Đông, chạy Tây, toàn thân bị thiêu nướng. Da thịt tiêu tan, họ đau đớn vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhung vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Vô Gián. Lại nữa, địa ngục này có thành bằng sắt, lửa cháy xuyên suốt, tội nhân bị lửa đốt thân. Da thịt tiêu tan, họ đau khổ vô cùng, kêu la thảm thiết. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Vô Gián. Lại nữa, tội nhân ở trong địa ngục này sau một thời gian chịu khổ lâu dài5 cửa tự nhiên mở và tội nhân liền chạy về hướng cửa mở, trong khi chạy thì các bộ phận của thân đêu phát hỏa, cũng như chàng lực sĩ tay câm bó đuôc lớn băng cỏ, chạy ngược gió, lửa ấy cháy phừng phục. Khi tội nhân chạy thì lửa cũng bộc phát như vậy. Khi chạy

đến gan cửa, cửa tự nhiên khép lại. Tội nhân té xuống và nằm trên nền sắt nóng, toàn thân bị thiêu nướng, da thịt tiêu tan, đau khổ vô cùng, như vạn thứ độc cùng kéo đến một lúc. Nhưng vì tội cũ chưa hết nên tội nhân không thể chết được. Vì thế gọi là địa ngục Vô Gián. Lại nữa, tội nhân trong địa ngục này, đôi mắt của họ chỉ thấy toàn là màu hung ác; tai chỉ nghe toàn là âm thanh dữ; mũi chỉ ngửi toàn là mùi hôi thối; thân xúc chạm toàn là những sự đau đớn; ý luôn luôn nghĩ đến điều ác. Lại nữa, tội nhân ở đây không có một giây phút nào là chăng khô. Vì thê gọi là địa ngục Vô Gián. . Sau một thời gian chiu khổ lâu dài, tội nhân ra khỏi địa ngục này, hoảng hốt chạy càn, mong cầu cứu hộ. Nhưng vì tội quá khứ lôi kéo, bất ngờ họ lại đến địa ngục Cát Đen,... địa ngục Băng Lạnh hình phạt cũng như thế và sau đó thì tội nhân mạng chung. Bây giơ, đức The Ton liên noi bài kê: Thân tạo nghiệp bất thiện, Khẩu, ý cũng bất thiện, Đều đọa địa ngục Tưởng, Sợ hãi, lông dựng ngược. Ngỗ nghịch với cha mẹ, Hủy báng Phật, Thanh văn, Thì đọa ngục Dây Đen, Khổ đau không thể tả. Vì tạo ba ác nghiệp, Không tu ba thiện hạnh, Nên đọa ngục Đá Ép, Khổ đau không thể tả. Sân hận và độc hại, Sát sanh tay vấy máu, Hoặc tạo những hạnh ác, Đều đọa ngục Kêu La.

30. KINH THẾ KÝ 405

Thường có những tà kiên, Bị lưới ái bủa kín, Tạo hạnh đê hèn này, Thì đọa ngục La Lớn. Thường hành nghề thiêu nướng, Thiêu nướng các chúng sanh, Đều đọa ngục Thiêu Nướng, Chịu thiêu nướng mãi mãi. Từ bỏ các thiện nghiệp, Thiện quả, đạo thanh tịnh, Làm các hạnh ác tệ, Đọa ngục Thiêu Nướng Lớn. Làm các tội cực trọng, Quyêt sanh vê cõi ác, Và đọa ngục Vô Gián, Thọ tội không thể tả. Ngục Tưởng, ngục Dây Đen, Đá Ép và Kêu La, Thiêu Nướng, Thiêu Nướng Lớn, Thứ tám là Vô Gián. Tám địa ngục lớn đó, Toàn là màu lửa đỏ, Đều do ác nghiệp cũ? Ngục nhỏ có mười sáu. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, giữa hai núi Kim Cang Lớn có cơn gió to bộc phát, tên r 9 e r X • . là Tăng-khư. Nêu như ngọn gió này thôi đên bôn châu thiên hạ và tám mươi ngàn thiên hạ khác, gió sẽ thổi đại địa này và các núi chúa Tu-di bay khỏi mặt đất từ mười dặm cho đến trăm dặm, gió thổi ù ù trong hư không, tất cả chướng ngại vật đều bị cuốn đi. Ví như người tráng sĩ tay nắm một nắm trấu nhẹ, tung lên trong hư không, trấu ấy, giả như gặp sức gió lớn thổi đến mà bay tứ tung. Cơn gió này thổi tung thiên hạ cũng giống như thế. Do vì có hai hòn núi Kim Cang Lớn ngăn chặn được ngọn gió trên, cho nên gió không đến được. Này các Tỳ-kheo, nên biết: Hai hòn núi Kim Cang này có rất nhiều sự lợi ích, đồng thời cũng do nghiệp báo của chúng sanh chiêu cảm nên. Hơn nữa, khoang giữa hai núi Kim Cang ây co ngọn gio nong hừng hực, nêu như gió ây thổi đến bốn châu thiên hạ thì những chúng sanh trong đó và ngay cả núi non, biển cả, sông ngòi, cây cối, rừng rậm đều sẽ bị cháy khô. Cũng như giữa cơn nắng hè, cắt một nắm cỏ non để giữa buổi trưa thì cỏ liền khô héo. Ngọn gió kia cũng thê. Nêu như ngọn gió đó thôi đên thê giới này thì sức gió nóng đó sẽ thiêu rụi tất cả. Do có hai hòn núi Kim Cang này ngăn chặn được ngọn gió ấy, không thể thổi đến được. Này các Tỳ-kheo, nên biết: Hai hòn núi Kim Cang này có rất nhiều lợi ích và đồng thời cũng do nghiệp báo của chúng sanh chiêu cảm nên. Lại nữa, giữa hai hòn núi ấy có một ngọn gió bất tịnh, mùi tanh hôi nồng nặc; nếu như ngọn gió ấy thổi đến bốn châu thiên hạ này sẽ khiến cho chúng sanh bi mù lòa. Nhưng vì có hai hòn núi Kim Cang Lớn này ngăn chặn nên ngọn gió

này không thể thổi đến được. Này các Tỳ-kheo, nên biết: Hai hòn núi Kim Cang này có rất nhiều lợi ích9 đồng thời cũng do nghiệp báo của chúng sanh chiêu cảm nên. Hơn nữa, giữa hai hòn núi này lại có mười địa ngục: Một tên là địa ngục Mây Dày; hai tên là địa ngục Không Mây; ba tên là địa ngục ối ối; bốn tên là địa ngục Than ôi (Nại Hà); năm tên là địa ngục Dê Kêu; sáu tên là địa ngục

Tu-càn-đề; bảy tên là địa ngục ưu-bát-la; tám tên là địa ngục Câu-vật-đầu; chín tên là địa ngục Phân-đà-lợi; mười tên là địa ngục Bát-đầu~ma. Thế nào gọi là địa ngục Mây Dày? Nghĩa là tội nhân ở trong địa ngục này, tự nhiên sanh ra thân thể như đám mây dày, cho nên gọi là địa ngục Mây Dày. Thế nào gọi là địa ngục Không Mây? Nghĩa là tội nhân trong địa ngục này, tự nhiên sanh ra thân thê như cục thịt, cho nên gọi là địa ngục Không Mây. Thê nào gọi là địa ngục ối ối? Nghĩa là tội nhân trong địa ngục này, khi chiu sự hành hình thì toàn thân đau đớn, rồi rên la "ối 6i" (ha ha), cho nên gọi là địa ngục Ối Ối. Thế nào là địa ngục Than ôi? Nghĩa là ở trong địa ngục này, chúng sanh khi chiu tội, đau khổ vô cùng, không có nơi nương tựa nên thốt lên “Than 6i!“, cho nên gọi là địa ngục Than ôi. Thế nào gọi là địa ngục Dê Kêu? Nghĩa là ở trong địa ngục ấy, khi chúng sanh bị hành hình, thân thể đau đớn, muốn thốt lên lời nhưng lưỡi không cử động được nên nói như dê kêu. Vì thế gọi là địa ngục Dê Kêu. Thế nào gọi là địa ngục Tu-càn-đề? Nghĩa là trong địa ngục này chỉ toàn màu đen, cũng như màu hoa tu-càn-đề, cho nên gọi là địa ngục Tu-càn-đề. Thế nào gọi là địa ngục Ưu-bát-la? Nghĩa là trong địa ngục này chỉ toàn là màu xanh, như màu hoa ưu-bát-la9 cho nên gọi là địa ngục Ưu-bát-la. Thế nào gọi là địa ngục Câu-vật-đầu? Nghĩa là trong địa ngục này toàn là màu hồng, như màu hoa câu-vật-đầu, cho nên gọi là địa ngục Câu-vật-đầu. Thế nào gọi là địa ngục Phân-đà-lợi? Nghĩa là trong địa ngục ấy toàn là màu trắng, như màu hoa phân-đà-lợi, cho nên gọi là địa ngục Phân-đà-lợi. Thế nào gọi là địa ngục Bát-đâu-ma? Nghĩa là trong địa ngục ây toàn là màu đỏ, cũng như màu hoa bát-đầu-ma? cho nên gọi là địa ngục Bát-đầu-ma. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, ví như có một cái thùng chứa đầy sáu mươi bốn hộc hạt mè, trong khi đó có một người cứ trăm năm lay đi từng hạt mè, như vậy cho đến hết thì hình phạt ở địa ngục Mây Dày cũng chưa chấm dứt. Chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Mây Dày thì bằng một tuổi ở địa ngục Không Mây; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Không Mây thì bằng một tuổi ở địa ngục ối ối; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục ối ối thì bằng một tuổi ở địa ngục Than Oi; chúng sanh hai mươi tuổi ở địa ngục Than Oi thì băng một tuổi ở địa ngục Dê Kêu; hai mươi tuổi ở địa ngục Dê Kêu thì bằng một tuổi ở địa ngục Tu-càn- đề; hai mươi tuổi ở địa ngục Tu-càn-đề thì bằng một tuổi ở địa ngục Ưu-bát-la; hai mươi tuôi ở địa ngục Ưu-bát-la thì băng một tuôi ở địa ngục Câu-vật-đâu; hai mươi tuổi ở địa ngục Câu-vật-đầu thì bằng một tuổi ở địa ngục Phân-đà-lợi; hai mươi tuổi ở địa ngục Phân-đà-lợi thì bằng một tuổi ở địa ngục Bát-đầu-ma; hai mươi tuổi ở địa ngục Bát-đầu-ma thì gọi là một trung kiếp; hai mươi trung kiếp thì gọi là một đại kiếp. Trong địa ngục Bát-đầu-ma lửa cháy hừng hực, dù tội nhân còn cách ngọn lửa khoảng trăm do-tuần mà đã bị lửa thiêu nướng; nếu cách tội nhân sáu mươi

do-tuần thì hai tai bị diếc, không còn nghe gì cả; nếu cách năm mươi do-tuần thì đôi mát bị mù lòa, không còn thây gì cả. Tỳ-kheo Cù-ba-lê dùng tâm độc ác, hủy báng Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục- kiền-liên, cho nên sau khi mạng chung, phải đọa vào địa ngục Bát-đầu-ma này. Bấy giờ, vi Phạm vương liền nói bài kệ sau đây: Phàm con người ở đời, Búa rìu từ trong miệng, Sở dĩ giết chết mình, Là do lời nói độc. Người đáng chê thì khen, Người đáng khen thì chê, Đây thuộc nghiệp ác khẩu, Mà thân chiu hành hình. r Dùng chú thuật đoạt lợi, Tội ây cũng còn nhẹ, Nếu hủy báng Thánh hiền, Thì tôi áy rát nặng. Không Mây, tuổi trăm ngàn, Mây Dày, tuổi bốn mốt, Hủy Thánh, mắc tội này, Do tâm, khâu làm ác. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo? vi Phạm thiên ấy đã nói bài kệ như thế, là nói lời chân chánh, đã được đức Phật chấp thuận. Tại sao? Vì nay Ta là đấng Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng nói ý nghĩa như thế: Phàm con người ở đời, Búa rìu từ trong miệng, Sở dĩ giết chết mình, Là do lời nói độc. Người đáng chê thì khen, Người đáng khen thì chê, Đây thuộc nghiệp ác khẩu, Mà thân chịu hành hình. r Dùng chú thuật đoạt lợi, Tội ây cũng còn nhẹ, Nếu hủy báng Thánh hiền, Thì tội ấy rất nặng. Không Mây, tuổi trăm ngàn, Mây Dày, tuổi bốn mốt, Hủy Thánh, mắc tội này, Do tâm, khẩu làm ác. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, vê phía Nam châu Diêm-phù-đê, trong núi Kim Cang Lớn có cung của Vua Diêm-la, cõi vua cai trị ngang dọc sáu ngàn do-tuàn, thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây và vô số chim chóc cùng ca hót líu lo, như các cảnh khác. Tại chỗ Vua Diêm-la ngự, ngày đêm ba thời đều có vạc đồng lớn, tự nhiên xuất hiện trước mặt. Nêu như vạc đông xuất hiện ở nội cung thì vua cảm thây sợ hãi, liền ra ngoài cung; nếu như vạc đong đi ra ngoài cung thì vua cảm thấy sợ hãi, liền đi vào nội cung. Ngục tốt bắt Vua Diêm-la nằm trên bàn sắt nóng dùng móc sắt cạy miệng, mở ra, rồi rót nước đồng sôi vào, khiến cả môi lưỡi, từ yêt hâu đên bụng, từ trên xuông dưới đêu bị cháy tiêu. Sau khi chiu hình phạt xong, nhà vua và thể nữ cùng vui chơi. Các vị đại thần cũng cùng hưởng được phúc báu như thế.

Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, có ba vi sứ giả. Ba vị ấy là ai? Một là già; hai là bệnh; ba là chết. Nếu có chúng sanh nào, thân làm ác, miệng nói lời độc ác, tâm nghĩ ngợi điều ác, sau khi qua đời bi đọa vào địa ngục. Lúc d6, ngục tốt dẫn tội nhân đến Vua Diêm-la; đến nơi, liền thưa: "Bây là người mà thiên sứ đòi. Vậy cúi xin Đại vương hãy hỏi cung hắn!" Vua Diêm-la hỏi tội nhân: "Ngươi không thấy sứ giả thứ nhất sao?" Tôi nhan đáp: “T6i không thay." Vua Diêm-la nói tiếp: "Khi nhà ngươi còn ở trần thế, có thấy người nào già nua, đầu bạc, răng rụng, mắt mờ, da thịt nhăn nheo, lưng còm chống gậy, đi đứng lụm cụm, thân thể run rẩy, sức khỏe hao mòn. Ngươi có thấy người như thế kh6ng?" Tôi nhân đáp: “C6 thấy!” Vua Diêm-la nói tiêp: “Tại sao ngươi không tự nghĩ: 'Ta cũng sẽ như vậy?,^, Tội nhan đáp: "Vì lúc đó, tôi buông lung, không tự biết duqc.” Vua Diêm-la nói: "Ngươi buông lung, không tu tập về thân, khẩu và ý9 không từ bỏ việc ác mà thực hành điều thiện. Nay ta sẽ cho ngươi biết cái khổ của sự buông lung.” Vua Diêm-la lại nói: "Nay ngươi phải chịu tội, không phải là lỗi của cha mẹ,

không phải là lỗi của anh em, cũng không phải lỗi của Thiên dế, cũng không phải lỗi của Tổ tiên, cũng không phải lỗi của hàng tri thức, đây tớ, sứ giả, cũng không phải lôi của Sa-môn9 Bà-la-môn. Chính ngươi làm ác nên chính ngươi phải chịu tội.,, Bấy giờ, vua Diêm-la cho vị thiên sứ thứ nhất hỏi cung tội nhân xong, lại cho vi thiên sứ thứ hai hỏi cung tội nhân: “Thế nào, nhà ngươi có thấy vị thiên sứ thứ hai không?^ Tội nhân đáp: "Không thấ!” Vua Diêm-la hỏi tiếp: "Khi ngươi còn là người, ngươi có thấy kẻ bệnh tật, khốn đốn, nằm lăn lóc trên giường, thân thể lăn lộn trên phẩn dãi hôi thối, không thể đứng dậy được,

30. KINH THẾ KÝ >409

Cần phải có người đút cơm cho, đau nhức từng lóng xương, nước mắt chảy dầm dề5 không thể nói năng được. Ngươi có thấy người như thế chng?" Tôi nhân đáp: “C6 thấy!” Vua Diêm-la nói tiếp: “Tại sao nhà ngươi không tự nghĩ: 'Rồi đây ta cũng sẽ bệnh hoạn như vậy?9,5 Tôi nhan đáp: "Vi khi buông lung, tôi không tự biết được/9 Vua Diêm-la nói tiếp: "Vi chính ngươi buông lung, cho nên không thể tu tập về thân, khẩu và ý, không từ bỏ việc ác mà thực hành điều thiện. Nay ta sẽ cho ngươi biết thế nào là cái khổ của sự buông lung.” Vua lại nói: “Nay nhà ngươi phải chiu tội, không phải là tội của cha mẹ, không phải là tội của anh em, cũng không phải tội của Thiên đế, cũng không phải tội của Tổ tiên, cũng không phải tội của hàng tri thức, đầy tớ, sứ giả, cũng không phải tội của Sa-môn, Bà-la-môn. Vì chính ngươi làm ác nên chính ngươi phải chịu toi.” Khi Vua Diêm-la cho vị thiên sứ thứ hai hỏi cung tội nhân xong, bấy giờ cho vi thiên sứ thứ ba hỏi cung: "Thế nào, nhà ngươi có thấy vị thiên sứ thứ ba kh6ng?” Tôi nhân đáp: "Không thấy!” Vua Diêm-la hỏi tiếp: “Khi còn làm người ngươi cỏ thây người chét, thân hư hoại, mạng chung, các giác quan đều diệt hẳn, thân thể ngay đơ cũng như cây khô, vứt bỏ ngoài gò mả để cho cầm thú ăn thịt hoặc để trong quan tài, hoặc dùng lửa thiêu đốt chang?99 Tôi nhan đáp: "Thật có thay!" Vua Diêm-la nói tiếp: "Tại sao nhà ngươi không tự nghĩ: 'Rồi đây ta cũng sẽ chết giống như người đó, chẳng khác gi?"' rr^ A' 1 A J. r Tôi nhan đáp: "Vi khi buông lung, tôi không thể tự biết được.,, Vua Diêm-la nói: "Vi chính ngươi buông lung, cho nên không thể tu tập về thân, khẩu và ý, không cải đổi việc ác mà làm theo điều thiện. Nay ta sẽ cho ngươi biết thế nào là cái khổ của sự buông lung.”

410 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Vua lại nói: "Nay ngươi phải chịu tội, không phải là tội của cha mẹ, không phải là tội của anh em, cũng không phải tội của Thiên dế, không phải tội của Tổ tiên, cũng không phải tội của hàng tri thức, đầy tớ, sứ giả, cũng không phải tội của Sa- môn, Bà-la-môn. Vì chính ngươi làm ác nên chính ngươi phải chiu toi." Bấy giờ, Vua Diêm-la cho vị thứ ba hỏi cung xong thì giao lại cho ngục tốt. Khi đó, ngục tốt liền dẫn đến địa ngục lớn. Địa ngục lớn này ngang dọc một trăm do-tuân, chiêu sâu một trăm do-tuân. Khi ấy, đức Thế Tôn bèn nói bài kệ: Bốn hướng có bốn cửa, Ngõ ngách đều giống nhau, Dùng sắt làm tường ngục, Trên che màn lưới sắt, Dùng sắt làm nền ngục, Tự nhiên lửa bộc phát, Ngang dọc trăm do-tuần. Đứng yên, không di động, Lửa đen phừng phục cháy, Dữ dội, không thể thấy. Có mười sáu ngục nhỏ, Lửa cháy do ác hạnh. Đức Phật dạy: Này các

Tỳ-kheo, khi ây Vua Diêm-la tự nghĩ: "Chúng sanh ở thê gian vì mê lâm, không ý thức nên thân làm ác, miệng nói lời độc ác, ý nghĩ điêu ác. Do đó, sau khi lâm chung ít có ai không chịu khổ ở địa ngục này. Nếu như, những chúng sanh ở thế gian, cải đổi điều ác, dùng thân, khẩu, ý để thực hiện theo điều lành, sau khi lâm chung sẽ được an vui như hàng chư thiên vậy. Nếu ta lâm chung mà được sanh vào cõi người, gặp được đức Như Lai, sẽ ở trong Chánh pháp, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo, đem lòng tin trong sạch đê tu hành Phạm hạnh. Những điều cần làm đã làm xong, đã đoạn trừ sanh tử, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại, không còn tái sanh." Bấy giờ, đức Thế Tôn đọc bài kệ sau đây: Dù đã thấy thiên sứ, Nhưng vẫn còn buông lung, Họ ôm lòng lo sợ, Sanh vào chốn ti tiện. Nếu người có trí tuệ, Khi thấy thiên sứ đền, Liên gân pháp Hiên thánh, Mà không còn buông lung, Thấy thọ sanh thì sợ, Vì còn già, bệnh, chết. Không thọ sanh, giải thoát, Hết sanh, già, bệnh, chết, Người đó được an ổn. Hiện tại chứng vô vi, Đã vượt qua lo sợ, Chắc chắn đạt Niết-bàn.

30. KINH THẾ KÝ 411

5. PHẨM LONG ĐIỂU

Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, có bốn loại rồng. Bốn loại rồng là gì? Một là sanh từ trứng, hai là sanh ra từ bào thai, ba là sanh ra từ nơi âm tháp, bôn là hóa sanh. Đó là bốn loại rồng. Lại có bốn loại chim Kim Si. Bốn loại chim Kim Si là gì? Một là sanh từ trứng, hai là sanh ra từ bào thai, ba là sanh ra từ nơi ẩm thấp, bốn là hóa sanh. Đó là bốn loại chim Kim Si. Này các Tỳ-kheo5 ở đáy đại dương có cung điện của vua rồng Ta-kiệt? ngang dọc tám vạn do-tuần, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc cùng ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Lại nữa, giữa núi chúa Tu-di và núi Khư-đà-la có cung điện của vua rồng Nan-đà và vua rông Bạt-nan-đà. Môi cung điện ngang dọc sáu mươi do-tuân, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Phía Bắc bờ đại dương có một loại cây lớn tên Cứu-la-diêm-ma-la. Cả rồng chúa và chim Kim Si cũng có loại cây này, thân cây to bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, nhánh lá phủ bốn bề năm mươi do-tuần. Phía Đông cây lớn này có cung điện của loài rồng chúa sanh ra từ trứng, cung điện của loài chim Kim Si sanh ra từ trứng. Mỗi cung điện ngang dọc sáu ngàn do-tuần, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng, đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc cùng ca hót líu lo, cũng như các cảnh khác. Phía Nam cây Cứu-la-diêm-ma-la có cung điện của loài rồng chúa và loài chim Kim Si sanh ra từ bào thai. Mỗi cung điện ngang dọc sáu ngàn do-tuần, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng, đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cảnh khác. Phía Tây cây Cứu-la-diêm-ma-la có cung điện của loài rồng chúa và loài chim Kim Si sanh ra từ chỗ ẩm thấp. Mỗi cung điện ngang dọc sáu trăm do- tuần, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng, đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cảnh khác.

Phía Băc cây Cứu-la-diêm-ma-la có cung điện của loài rông chúa và loài chim Kim Si từ hóa sanh. Mỗi cung điện ngang dọc sáu ngàn do-tuần, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng, đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cảnh khác. r r 7 A

Nêu khi loài chim Kim Si sanh ra từ trứng muôn băt rông sanh ra từ trứng để ăn thịt thì từ nhánh ở hướng Đông của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuống, dùng đôi cánh quạt nước đại dương, rẽ nước hai bên rộng hai trăm do-tuần, đồng thời bắt loài rong sanh ra từ trứng đe ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Nhưng chúng không thê bát các loài rông sanh ra từ bào thai, từ chô âm tháp, từ hóa sanh. Nếu khi loài chim Kim Si sanh ra từ bào thai muốn bắt loài rồng sanh ra từ trứng để ăn thịt thì từ nhánh ở hướng Đông của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xu6ĩìg, dùng đôi cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng hai trăm do-tuần5 rồi băt loài rồng sanh ra từ trứng đê ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Nếu khi loài chim Kim Si sanh ra từ bào thai muốn ăn thịt loài rồng sanh ra từ bào thai thì từ nhánh ở hướng Nam của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuốriẸ, dùng đôi cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng bốn trăm do-tuần, roi bát loài rông sanh ra từ bào thai đê ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Nhung chúng không thể bắt ăn thịt các loài rồng sanh ra từ chỗ ẩm thấp, từ hóa sanh. Nếu khi loài chim Kim Si sanh ra từ chỗ ẩm thấp muốn ăn thịt loài rồng sanh ra từ trứng thì từ nhánh ở hướng Đông của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuống, dùng cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng hai trăm do-tuần, bắt loài rồng sanh ra từ trứng để ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Nếu loài chim Kim Si sanh ra từ chỗ ẩm thấp muốn ăn thịt loài rồng sanh ra từ bào thai thì từ nhánh ở hướng Nam của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuống, dùng cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng bốn trăm do-tuần5 rồi bắt loài rồng sanh ra từ bào thai để ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Nếu khi loài chim Kim Si sanh ra từ chỗ ẩm thấp muốn ăn thịt loài rồng sanh ra từ chỗ ẩm thấp thì từ nhánh ở hướng Tây của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuống, dùng cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng tám trăm do- tuần, rồi bắt loài rồng sanh ra từ chỗ ẩm tháp đê ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Nhưng chúng không thể bắt loài rồng từ hóa sanh để ăn thịt. Nếu khi loài chim Kim Si từ hóa sanh muốn ăn thịt loài rồng sanh ra từ trứng thì từ nhánh ở hướng Đông của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuống, dùng cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng hai trăm do-tuần, bắt loài rồng sanh ra từ trứng để ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Nếu khi loài chim Kim Si từ hóa sanh muốn ăn thịt loài rồng sanh ra từ bào thai thì từ nhánh ở hướng Nam của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuống, dùng cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng bôn trăm do-tuân, roi bắt loài rồng sanh ra từ bào thai đe ăn thịt một cách tùy ý tự tại.

Nếu khi loài chim Kim Si từ hóa sanh muốn ăn thịt loài rồng sanh ra từ chỗ ẩm thấp thì từ nhánh hướng Tây của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuống, dùng đôi cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng tám trăm do-tuần, rồi bắt loài rồng sanh ra từ chỗ ẩm thấp để ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Nếu loài chim Kim Si từ hóa sanh muốn ăn thịt

loài rồng từ hóa sanh thì từ nhánh ở hướng Bắc của cây Cứu-la-diêm-ma-la bay xuống, dùng đôi cánh quạt đại dương, rẽ nước ra hai bên rộng một ngàn sáu trăm do-tuân, roi bát loài rông từ hóa sanh để ăn thịt một cách tùy ý tự tại. Đó là các loài rồng bi loài chim Kim Si ăn thịt. Tuy nhiên, có những loài rông lớn mà loài chim Kim Si không thê ăn thịt được. Những loài rông đó là gì? Là các rồng chúa Ta-kiệt-la, Nan-đà, Bạt-nan-đà, Y-na-bà-la, Đề-đầu-lại-tra, Thiện Kiến, A-16, Ca-câu-la, Ca-tỳ-la, A-bà-la, Ca-nậu, A-nậu-đạt, Thiện Trú, Ưu-diệm-ca-bà-đầu 5 Đắc-xoa-ca. Đó là các loài rong chúa lớn không bị các loài chim Kim Si bắt ăn thịt. Những loài rồng khác ở gần chúng cũng không bị loài chim Kim Si bat an thī

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Nêu có chúng sanh nào giữ giới rông, tâm ý nghĩ đên rông, đây đủ phép rồng thì sẽ sanh về loài rồng. Nếu có chúng sanh nào giữ giới chim Kim Si, đầy đủ những pháp chim Kim Si thì sẽ sanh vào loài chim Kim Si. Nếu có chúng sanh nào giữ giới thỏ, giới chim kiêu, tâm nghĩ đến thỏ, đến chim kiêu, đầy đủ phép tắc về thỏ, về chim kiêu thì sẽ sanh vào loài thỏ, loài chim kiêu. Nếu có chúng sanh nào giữ giới chó, giữ giới bò, hoặc giữ giới nai, hoặc giữ giới câm, hoặc giữ giới Ma-ni-bà-đà, hoặc giữ giới lửa, hoặc giữ giới mặt trăng, hoặc giữ giới mặt trời, hoặc giữ giới nước, hoặc giữ giới cúng dường lửa, hoặc tu pháp khổ hạnh ô uế. Thế rồi, họ nghĩ rằng: "Ta giữ pháp câm, pháp Ma-ni-bà-đà, phép thờ lửa, thờ mặt trời, mặt trăng, phép tê lửa, các thứ khô hạnh như thê và ta giữ

Hoặc họ quan niệm: "Bản ngã và thê gian là hữu biên; chỉ có điêu này là dúng, ngoài ra đều sai Hoặc họ nói: "Bản ngã và thê gian là vô biên; chỉ có điêu này là đúng, ngoài ra đều sai lầm.,^ Hoặc họ nhận đinh: "Bản ngã và thế gian vừa hữu biên vừa vô biên; chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm." Hoặc họ lập luận: "Bản ngã và thế gian không phải vừa hữu biên vừa vô biên; chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đêu sai lầm." Hoặc họ chủ trương: "Mạng sông và thân thê là một; chỉ có điêu này là đúng, ngoài ra đều sai Hoặc họ cho rằng: "Mạng sống và thân thể là khác; chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai Hoặc họ quan niệm: "Chăng phải có mạng sông, chăng phải không có thân thể; chỉ có điêu này là đúng, ngoài ra đều sai lầm.^, Hoặc họ cho răng: “Kh6ng có mạng sông, không có thân thê; chỉ có điêu này là đúng, ngoài ra đều sai lâm.,, Hoặc họ nói rằng: UCÓ cái chết của đời khác như thế; chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai Hoặc họ lập luận: "Không có cái chết của đời khác như thế; chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm.,, e Ị" e r

Hoặc có người chủ trương: "C6 cái chét của đời khác như thê, không có cái chết của đời khác như thế; chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai 9 7 r Hoặc có người nhận định: "Chăng phải có, chăng phải không có cái chét của đời khác như thế; chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm.” Những Sa-môn5 Bà-la-môn nào có lập luận, có những kiên giải như sau: "Thế gian là thường, chỉ có điều này là đúng, ngoài ra đều sai lầm” những nệười đó đối với các hành (các pháp hữu vi) thì có kiến chấp về ngã, kiến chấp ve mạng sống, kiến chấp về thế gian, kiến chấp về thân. Vì thế họ mới nói: "Bản ngã và the gian là thuơng." Còn những người cho rằng: "V6 thuơng", những người đó đối với

các hành (các pháp hữu vi) thì có kiến chấp về ngã, kiến chấp về thân, kiến chấp về mạng sống, kiên chấp về thế gian. Vì thế họ nói: "Bản ngã và thế gian là vô thuơng.” Còn những người cho răng: “Thuơng và vô thuơng", những người ây đôi với các hành (các pháp hữu vi) thì có kiến chấp về ngã, về mạng sống, về thân, về thế gian. Vì the, họ nói: "Thế gian là thường, là vô thuơng." Còn những người cho rằng: "Chẳng phải thường, chẳng phải vô thường^, những người đó đối với các hành (các pháp hữu vi), có kiên chấp về ngã, về mạng sông, vê thân, vê thê gian. Vì thê, họ nói: “Ngãi và thế gian chăng phải thường, chẳng phải vô thường."

30. KINH THẾ KÝ 415

Còn những người cho răng: "Thê gian là hữu biên,\ những người đó đôi với các hành (các pháp hữu vi) thì có kiến chấp về ngã, về mạng sống, về thân, về thế gian. Vì thế, họ nói: "Mạng sống là hữu biên, thân là hữu biên, thế gian là hữu biên.,, Vì sao? Vì từ khi mới thọ thai cho đến khi vứt bỏ ngoài gò mả5 thân tứ đại này đã xoay vần như thế trải qua bảy đời. Thân mạng và hành động hết thì tự ngã nhập cõi thanh tịnh. Cho nên họ quan niệm: "Bản ngã là hữu biên.,^ Còn những người chủ trương: "Bản ngã và thê gian là vô biên”những người đó đoi với các hành (các pháp hữu vi) thì có kiến chấp ve ngã, ve mạng sống, về thân, về thế gian. Bởi vậy, họ chủ trương: "Mạng sống là vô biên, thân thể là vô biên, thế gian là vô biên." Vì sao? Vì từ khi mới thọ thai cho đến khi vứt bỏ ngoài gò mả, xác thân tứ đại này đã xoay vần như vậy cho đến bảy đời. Thân mạng và hành động chấm dứt thì bản ngã nhập vào cõi thanh tịnh. Cho nên họ chủ trương: "Thế gian là vô bien?9 Còn những người nói: "Thế gian là hữu biên, là vo biên,\ những người đó đối với các hành (các pháp hữu vi) thì có kiến chấp về ngã, về mạng sống, về thân, về thế gian. Cho nên họ nói: “Mạng sống là hữu biên, là vô biên.^, Vì sao? Vì từ khi mới thọ thai cho đến khi vứt bỏ ngoài gò mả, xác thân tứ đại này đã xoay vần như thế cho đến bảy đời. Thân mạng và hành động chấm dứt thì bản ngã nhập vào cõi thanh tịnh. Cho nên họ nói: “Bản ngã là hữu biên, là vô biên.,, Còn những chủ trương: "Bản ngã và thế gian không phải hữu biên, không phải vô biên", những người đó đối với các hành (các pháp hữu vi) thì có kiến chấp về ngã, về mạng sống, về thân, về thế gian. Cho nên họ nói: "Mạng sống và thân thể chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biOn.” Vì sao? Vì từ khi mới thọ thai cho đến lúc vứt bỏ ngoài gò mả, thân tứ đại này đã xoay vần như thế cho đến bảy đời. Thân mạng và hành động chấm dứt thì bản ngã nhập vào cõi thanh tịnh. Cho nên họ nói: "Ngãi chẳng phải là hữu biên, chẳng phải là vô biên.” Còn những người chủ trương: "Thân thể và mạng sống là mộf, thì đối với thân này, họ có kiến chấp về mạng sống; đối với thân khác, họ có kiến chấp về mạng sống. Cho nên họ nói: “Thân thể và mạng sống là m0t?9 Còn những người chủ trương: "Mạng sông và thân thê là khác” thì đôi với thân này, họ có kiến chấp về mạng sống; đối với thân khác, họ không có kiến chấp vê mạng sông. Cho nên họ nói: "Mạng sông và thân thê là khác." Có những người chủ trương: "Thân thể, mạng sống chẳng phải có, chẳng phải không,, thì ở nơi thân này, họ không có kiên châp vê mạng sông; đôi với thân khác, họ có kiến chấp về mạng sống. Cho nên họ nói: "Thân thể và mạng sống chẳng phải có, chẳng phải kh6ng." Hoặc có người cho rằng: "Không có thân thể và mạng s6ng" thì đối với thân này5 họ không có kiến chấp về mạng sống; đối với thân khác, họ cũng không có kiến chấp về

mạng sống. Cho nên họ nói: "Không có thân thể và không có mạng s6ng.”

CÓ người nói: "C6 cái chết của đời khác như thế." Vì sao? Vì người đó thấy là hiện đời nay có sanh mạng và đời sau cũng có thân, có sanh mạng hoạt động. Cho nên họ nói: "C6 cái chết ở đời khác như thế." CÓ những người cho răng: "Không có cái chét của đời khác như the." Vì sao? Vì họ có kiên châp đời nay có sanh mạng, đời sau không có sanh mạng. Cho nên họ nói: "Không có cái chết của đời khác như thế." Hoặc có những người quan niệm: "Có cái chết của đời khác và không có cái chét của đời khác như the." Vì sao? Vì họ có kiên châp sanh mạng đời này chấm dứt, sanh mạng đời sau còn hoạt động. Cho nên họ nói: "C6 sanh mạng của đời khác, không có sanh mạng của đời khác như thế." Có hạng người cho rằng: "Chẳng phải có, chẳng phải không có cái chết của đời khác như the." Vì họ có kiên châp thân thê và sanh mạng đời này bi châm dứt; thân thê và sanh mạng đời sau cũng châm dứt. Cho nên họ nói: "Chăng phải có, chăng phải không có cái chét của đời khác như thê." Bấy giờ, đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Ve thời quá khứ lâu xa, có vị vua tên là Cảnh Diện tập hợp những người mù lại một nơi và hỏi: "Những người mù kia, các ngươi có biết con voi không?^ Họ đáp: “Tâu Đại vương, chúng tôi không biết.” Nhà vua hỏi tiếp: "Các ngươi có muốn biết hình dáng của voi kh6ng?" Họ đáp: "Muốn biết!” Khi ấy, nhà vua liền ra lệnh cho người hầu dắt con voi đến và bảo những người mù hãy tự lấy tay sờ thử. Trong những kẻ mù đó9 có người sờ trúng lỗ mũi; có người sờ trúng ngà; có người sờ trúng lỗ tai; có người sờ trúng đầu; có người sờ trúng lưng; có người sờ trúng bụng; có người sờ trúng bắp đùi; có người sờ trúng cái chân; có người sờ trúng bàn chân; có người sờ trúng đuôi. Khi mọi người sờ trúng mỗi bộ phận thì nhà vua liền nói: "Đó là con voi dấy." Lúc ấy, Vua Cảnh Diện ra lệnh dắt con voi đi và hỏi những người mù: "Hinh dáng con voi thế nào?" Những người mù đáp: "Con voi như cái tù và”nêu họ sờ trúng lô mũi. "Con voi như cái chy", nếu họ sờ trúng cái ngà. “Con voi như cái nia", nếu họ sờ trúng lỗ tai. r y "Con voi như cái dính”nêu họ sờ trúng cái đâu.

"Con voi như gò đất", nếu họ sờ trúng cái lưng. "Con voi như bức tường", nếu họ sờ trúng cái bụng. "Con voi như gốc cây", nếu họ sờ trúng bắp đùi. "Con voi như cây cộf\ nêu họ sờ trúng cái chân. "Con voi như cái cốf\ nếu họ sờ trúng bàn chân. "Con voi như cây chổr\ nếu họ sờ trúng cái đuôi. Họ tranh cãi với nhau vê vân đê đúng sai. Chăng hạn như người này nói: "N6 như thế này"; người kia nói: "Không dúng..Tranh tụng liên miên không thôi, thậm chí còn ẩu dả, đấu tranh lẫn nhau. Bấy giờ, Vua Cảnh Diện trông thấy như thế, hoan hỷ và cười to, đồng thời nói bài kệ: Những người mù họp lại, Đê tranh cãi vê voi, Thân voi vôn một thê, Tưởng khác, tranh đúng sai. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, các hàng ngoại đạo tà kiến cũng the, vì không biết kho đế, không biết tập đế, không biết diệt đế và không biết đạo đế, cho nên có kiến giải khác nhau, tranh luận đúng sai, cho rang tôi đúng nên tranh tụng lẫn nhau. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào có thể biết đúng như thật về khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế và khổ xuất yếu Thánh đế. Vi ấy tư duy về việc cùng nhau hòa hợp, vì cùng một thây,

cùng một sự lãnh thọ, cùng như nước với sữa, Phật pháp sẽ phát triển, an lành và trường tồn. Khi ấy, đức Thế Tôn nói bài kệ: Nếu người không biết khổ, Không biết chỗ khổ sanh, Cũng lại không biết khổ, Và chỗ khổ diệt tận, Đồng thời cũng không biết, Con đường diệt khổ, tập, Xa lìa tâm giải thoát, Huệ giải thoát cũng mất. Không biết được gốc khổ, Nguồn sanh, lão, bệnh, tử, Nếu biết rõ khổ đế, Và nguyên nhân của kho, Nhận thức được khổ ấy, Và chỗ khổ diệt tận, Lại hay khéo phân biệt, Con đường diệt khổ, tập, Thì tâm được giải thoát, Huệ giải thoát cũng thế. Người ấy dứt hết được, Căn bản của khổ ấm, Hết sanh, lão, bệnh, tử, Nguôn góc của thọ, hữu. Này các Tỳ-kheo, thế nên các ông hãy khéo tìm phương tiện tư duy về khổ Thánh dế, khổ tập Thánh dế, khổ diệt Thánh đế và khổ xuất yếu Thánh đế.

418 KINH TRƯỜNG A-HÀM

6. PHẢMA-TU-LUÂN

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -về phía Bắc núi Tu-di dưới đáy đại dương có thành A-tu-luân La-ha ngang dọc tám mươi ngàn do-tuần, có bảy lớp thành, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành; thành cao ba ngàn do-tuần9 rộng hai ngàn do-tuần; cửa thành cao hai ngàn do-tuần? rộng một ngàn do-tuần; thành bằng vàng thì cửa bằng bạc; thành bằng bạc thì cửa bằng vàng,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cảnh khác. Vua a-tu-luân cai tri thành nhỏ, thành này ở trong thành lớn, tên là Luân- thâu-ma-bạt-tra ngang dọc sáu mươi ngàn do-tuần5 có bảy lớp thành, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành; thành cao ba ngàn do-tuần, rộng hai ngàn do-tuần; cửa thành cao hai ngàn do-tuần, rộng một ngàn do-tuần; thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành băng bạc thì cửa bằng vàng,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cảnh khác. ở trong thành ấy có xây riêng một nghĩa đường, tên là Thất-thi-lợi-sa; điện đường có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành; nền của nghĩa đường toàn bằng xà cừ; cột kèo toàn bảy báu; những cây cột trong điện đường to ngàn do-tuần, cao mười ngàn do-tuần; dưới mỗi gốc cột đều có tòa Chánh pháp ngang dọc bảy trăm do-tuần5 điêu khắc, chạm trổ đẹp đẽ, do bảy báu tạo thành; nhà có bốn cửa và đều có lan can bao quanh, có bảy lớp sân, bảy lớp tầng cấp, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đêu do bảy báu tạo thành,... có vô so chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Vê phía Bác nghĩa đường có cung điện a-tu-luân ngang dọc một vạn do- tuần9 cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác, về phía Đông nghĩa đường có vườn rừng Sa la ngang dọc một vạn do-tuần, vườn có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng, đêu do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác, về phía Nam nghĩa đườnẹ có vườn Cực Diệu ngang dọc một vạn do-tuần9 phong cảnh như vườn Sa-la. Ve phía Tây nghĩa đường có vườn Diệm-ma ngang dọc một vạn do-tuần, cảnh trí cũng như vườn Sa-la. Phía Bắc nghĩa đường có vườn Lạc Lâm ngang dọc một vạn do-tuần, phong cảnh cũng như vườn Sa-la.

Giữa vườn Sa-la và vườn Cực

30. KINH THẾ KÝ 419

Diệu CÓ sanh loại cây Trú Độ gốc cây to bảy do-tuần, cao trăm do-tuần, nhánh lá phủ bốn bề năm mươi do-tuần9 chung quanh cây có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Lại giữa khu vườn Diệm-ma và vườn Lạc Lâm có ao Bạt-nan-đà, nước ao trong mát, không có vẩn đục, có bảy lớp hào báu và bậc đá bao quanh, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành. Hơn nữa, trong ao lại sanh bốn thứ hoa; hoa lá lớn một do-tuần, mùi hương thơm xa một do-tuần9 gốc hoa lớn như bánh xe, tiết ra một chất màu trăng như sữa, vị ngọt như mật, lại có vô sô chim chóc ca hót líu lo. Lại nữa, bên bờ ao có bảy lớp thêm? sân có bảy lớp tường, cửa, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,.. có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Lại có cung điện thuộc hạ thần của vua a-tu-luân ngang dọc mười ngàn do- tuần, có loại chín ngàn do-tuần, có loại tám ngàn do-tuần? cung điện nhỏ nhất là một ngàn do-tuần, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Hơn nữa, cung điện của tiểu a-tu-luân ngang dọc một ngàn do-tuần5 có loại chín trăm do-tuần, có loại tám trăm do-tuần, loại nhỏ nhất là một trăm do-tuần; mỗi cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Vê phía Bác nghĩa đường có đường tam cáp băng bảy báu dân vào trong cung. Lại có con đường tam cáp dân đên vườn Sa-la và có con đường tam cáp dẫn đến vườn Cực Diệu, có con đường tam cấp dẫn đến vườn Diệm-ma, có con đường tam cấp dẫn đến vườn Lạc Lâm, có con đường tam cấp dẫn đến vườn cây Trú Độ, có con đường tam cấp dẫn đen ao Bạt-nan-đà, có con đường tam cấp dẫn đến cung điện các vi đại thần, có con đường tam cấp dẫn đến cung điện tiểu a-tu-luân. Nếu khi vua a-tu-luân muốn đi đến vườn Sa-la để ngoạn cảnh, liền nghĩ đến Vua Tỳ-ma-chât-đa A-tu-luân; đông thời, Vua Tỳ-ma-chât-đa A-tu-luân cũng lại tự nghĩ: "Nay Vua La-ha A-tu-luân đang nghĩ đến ta", liền tự trang sức lấy và ngự trên xe báu có đại chúng vô số hầu cận chung quanh, đi đến trước mặt vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Khi ấy, vua a-tu-luân lại nghĩ đen Vua La- ha A-tu-luân, đồng thời Vua La-ha A-tu-luân lại tự nghĩ: “Nay vua a-tu-luân đang nghĩ đến ta”, liền tự trang sức lấy và ngự trên xe báu, có vô số đại chúng theo hầu chung quanh đi đến trước mặt vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Lúc đó, vua a-tu-luân lại nghĩ đến Vua Diệm-ma-la A-tu-luân; đồng thời, Vua Diệm-ma-la A-tu-luân cũng tự nghĩ: "Nay vua a-tu-luân đang nghĩ đên ta5\ liên

420 « KINH TRƯỜNG A-HÀM

tự trang sức lây và ngự trên xe báu, có vô sô đại chúng theo hâu chung quanh đi đến trước mặt vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Khi đó, vua a-tu-luân lại nghĩ đên đại thân của vua a-tu-luân; đông thời, các đại thần ấy cũng tự nghĩ: "Nay nhà vua đang

nghĩ đến ta", lin tự trang sức lấy và ngự trên xe báu, có vô số đại chúng theo hầu chung quanh, đi đến trước mặt vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Lúc ấy, vua a-tu-luân lại nghĩ đến các tiểu a-tu-luân; tiểu a-tu-luân cũng tự nghĩ: "Nay nhà vua đang nghĩ về ta", liền tự tay trang sức và ngự lên xe báu, có vô số đại chúng theo hầu chung quanh, đi đến trước mặt vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Khi vua a-tu-luân tự thân mặc y báu và ngự trên xe báu, cùng vô số đại chúng theo hầu chung quanh, đi đến vườn Sa-la, tự nhiên có cơn gió thổi đến làm cho cánh cửa tự mở; tự nhiên có cơn gió thổi đến làm cho đất sạch sẽ; tự nhiên có cơn gió thổi làm cho hoa rơi trên mặt dát, xác hoa lên đên đâu gói. Khi vua a-tu-luân đã vào khu vườn này xong, họ cùng nhau vui chơi, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đen bảy ngày. Sau khi vui chơi xong, họ trở lại cung điện. Sau đó, họ lại đi du ngoạn cảnh vườn Cực Diệu, vườn Diệm-ma, vườn rừng Lạc Lâm, với những phong cảnh cũng như trên. Nhất là vua a-tu-luân thường xuyên có năm Đại A-tu-luân túc trực hầu cận hai bên. Một là Tróc Trì, hai là Hùng Lực, ba là Võ Di, bốn là Đầu Thủ, năm là Tồi Phục. Năm Đại A-tu-luân này còn thường hầu hạ hai bên. Cung điện của vua a-tu-luân ở dưới đáy biển, còn nước thì ở trên, đồng thời được bôn ngọn gió duy trì: Một là Trụ phong, hai là Trì phong, ba là Bát Động phong, bốn là Kiên cố phong. Chúng giữ cho nước biển treo lơ lửng trong hư không, cũng như mây nổi, cách cung điện a-tu-luân một vạn do-tuần, không bao giờ rớt xuống. \ r Vua a-tu-luân có phúc báu, công dức, uy thân như thê.

30. KINHTHẾKÝ* 421

7. PHÀM TỨ THIÊN VƯƠNG

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Cách phía Đông núi Tu-di một ngàn do-tuần thì có thành của Đề-đầu-lại- tra Thiên vương tên là Hiền Thượng, ngang dọc sáu ngàn do-tuần, thành này có bảy lớp, với bảy lớp lan can, bảy lớp hàng cây, bảy lớp màn lưới trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Cách phía Nam núi Tu-di một ngàn do-tuần, có thành của Tỳ-lâu-lặc Thiên vương tên là Thiện Kiến, ngang dọc sáu ngàn do-tuần, thành này có bảy lớp, với bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Cách phía Tây núi Tu-di một ngàn do-tuần, có thành của Tỵ-lâu-bác-xoa Thiên vương tên là Châu-la Thiện Kiến, dọc ngang sáu ngàn do-tuần5 thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Cách phía Bác núi Tu-di một ngàn do-tuân, có ba thành của Tỳ-sa-môn Thiên vương. Một là tên Khả úy; hai tên là Thiên Kỉnh; ba tên là Chúng Quy. Mỗi thành ngang dọc sáu ngàn do-tuần, thành này có bảy lớp, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Phía Bắc thành Chúng Quy có khu vườn rừng tên Già-tỳ-diên-đầu ngang dọc bốn mươi do-tuần5 chung quanh có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Giữa khu vườn và thành này có ao Na-lân-ni ngang dọc bốn mươi do-tuần? nước

ao trong trẻo không có vẩn đục; hào bằng bảy báu; bờ ao bằng dá, với bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành, trong ao có hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, màu sắc hỗn hợp, ánh sáng chiêu tỏa nửa do-tuân, mùi hương phảng phát cả nửa do-tuân5 cuông hoa lớn như trục xe và đồng thời tiết ra một chất nước màu trắng như sữa, vi ngọt như mật,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Ngoại trừ cung điện Nhật Nguyệt, còn các cung điện của Tứ Thiên Vương đều ngang dọc bốn mươi dotuần, cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can,

bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc ca hót líu lo, cũng như các cõi khác. Ngoài các cung điện ấy, có cung điện ngang dọc bốn mươi do-tuàn? hoặc hai mươi do-tuân và cung điện nhỏ nhát ngang dọc năm do-tuân. Từ thành Chúng Quy có con đường tam cáp băng báu dân đên thành Hiên Thượng; lại có các con đường tam cap dân đên thành Thiện Kiên; lại có con đường tam cap dân đến thành Châu-la Thiện Kiến; lại có con đường tam cấp dẫn đến thành Khả Úy, thành Thiên Kỉnh; lại có con đường tam cấp dẫn đến vườn Già-tỳ-diên-đầu; lại có con đường tam cấp dẫn đến ao Lân-ni; lại có con đường tam cấp dẫn đến cung điện thuộc các đại thần của Tứ Thiên Vương. Nêu khi Tỳ-sa-môn Thiên vương muôn ngự giá đên vườn Già-tỳ-diên-đâu đê ngoạn cảnh, liền nghĩ đến Đề-đàu-lại Thiên vương; đồng thời, Đề-đàu-lại Thiên vương cũng tự nghĩ: "Nay Tỳ-sa-môn Thiên vương đang nghĩ đến ta9\ liền tự tay trang sức lây và ngự frên xe báu, có vô sô thân càn-thát-bà hâu cận chung quanh đi đến trước Tỳ-sa-môn Thiên vương và đứng qua một bên. Khi đó, Tỳ-sa-môn Thiên vương lại nghĩ đến Tỳ-lâu-lặc Thiên vương; đồng thời Tỳ-lâu-lặc Thiên vương cũng tự nghĩ: "Nay Tỳ-sa-môn Thiên vương đang nghĩ về ta", liền tự tay trang sức lây và ngự trên xe báu, có vô sô thân cưu-bàn-trà hâu cận chung quanh, đi đến trước Tỳ-sa-môn Thiên vương và đứng qua một bên. Bấy giờ, Tỳ-sa-môn Thiên vương lại nghĩ đến Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương; đồng thời Tỳ-lâu-bác-xoa Thiên vương cũng tự nghĩ: "Nay Tỳ-sa-môn Thiên vương đang nghĩ về ta", liền tự tay trang sức lấy và ngự trên xe báu, có vô số thần ròng hầu cận chung quanh đi đến trước Tỳ-sa-môn Thiên vương và đứng qua một bên. Khi đó, Tỳ- sa-môn Thiên vương lại nghĩ đên các đại thân; đông thời các vị đại thân cũng tự nghĩ: "Nay Tỳ-sa-môn Thiên vương đang nghĩ đên ta9\ liên tự tay trang sức lây và ngự trên xe báu, có vô sô vi thiên hâu cận chung quanh, đi đên trước Tỳ-sa- môn Thiên vương và đứng qua một bên. Lúc ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương lập tức mặc y phục băng báu và ngự trên xe báu cùng với vô sô trăm ngàn thiên thân đi đến vườn Già-tỳ-diên-đầu, tự nhiên có cơn gió thổi đến làm cho cánh cửa tự mở; lại tự nhiên có gió thổi làm sạch sẽ đất đai và tự nhiên gió thổi làm cho hoa rụng ĩ r r y r r kháp mặt đát, xác hoa lên đên đâu gói. Bây giờ, Tỳ-sa-môn Thiên vương ở trong ngự uyển cùng nhau vui chơi từ một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày. Sau khi ngoạn cảnh xong thì trở lại trong cung. Hơn nữa, Tỳ-sa-môn Thiên vương thường xuyên có năm đại quỷ thần hầu cận hai bên, một là Bác-xà-lâu, hai là Đàn-đề-la, ba là Hê-ma-lạt-đà, bốn là Đe- yêt-la, năm là Tu-dật-lộ-ma. Năm vị quỷ thân này thường xuyên đi theo hâu cận Tỳ-sa-môn Thiên vương. Tỳ-sa-môn Thiên vương có

phúc báu, công đức và uy thần lớn lao như thế.

30. KINH THẾ KÝ 423

8. PHẨM ĐAO-LỢI THIÊN

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: —Trên đỉnh núi chúa Tu-di có thành Tam Thập Tam thiên, ngang dọc rộng tám vạn do-tuần, thành ấy có bảy lớp và bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành. Thành cao trăm do-tuần, trên rộng sáu mươi do-tuần. Cửa thành cao sáu mươi do-tuần, rộng ba mươi do-tuần. Cứ cách nhau năm trăm do-tuàn thì có một cửa và mỗi cửa đều có năm trăm quỷ thần phòng thủ để bảo vệ Tam Thập Tam thiên. Nếu thành bằng vàng thì cửa băng bạc, thành băng bạc thì cửa băng vàng,... vô số chim chóc hòa ca, cũng như các cảnh khác. Trong thành lớn ây lại có một thành nhỏ, ngang dọc rộng sáu vạn do-tuân, thành này có bảy lớp và bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo nên. Thành cao trăm do-tuần, rộng sáu mươi do-tuần. Cứ cách nhau năm trăm do-tuần thì có một cửa thành cao sáu mươi do-tuần, rộng ba mươi do-tuần. Mỗi cửa đều có năm trăm quỷ thần đứng giữ ben cửa phòng thủ để bảo vệ Tam Thập Tam thiên. Thành bằng vàng thì cửa bằng bạc, thành bằng bạc thì cửa bằng vàng; thành bằng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly; thành bằng lưu ly thì cửa bằng thủy tinh; thành bằng xích châu thì cửa bang mã não; thành bang mã não thì cửa bang xích châu; thành bang xà cừ thì cửa bằng các thứ báu. Vê lan can, lan can băng vàng thì tay vịn băng bạc; lan can băng bạc thì tay vịn bằng vàng; lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly; lan can bằng lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh; lan can bằng xích châu thì tay vịn bằng mã não; lan can bằng mã não thì tay vịn bằng xích châu; lan can bằng xà cừ thì tay vịn bằng các thứ báu. Phía trên lan can có các lưới báu, dưới lưới vàng thì treo chuông bạc; dưới lưới bạc thì treo chuông vàng; dưới lưới bằng lưu ly thì treo chuông thủy tinh; dưới lưới bằng thủy tinh thì treo chuông bằng lưu ly; dưới lưới bằng xích châu thì treo chuông bằng mã não; dưới lưới bằng mã não thì treo chuông bằng xích châu; dưới lưới xà cừ thì treo chuông bằng các thứ báu. Vê các hàng cây, cây băng vàng thì góc băng vàng, cành băng vàng, lá, hoa, trái bằng bạc; cây băng bạc thì góc băng bạc, cành băng bạc, lá, hoa, trái bằng vàng; với cây bằng thủy tinh thì gốc, cành bằng thủy tinh, lá, hoa, bằnệ liru ly; cây bằng lưu lỵ thì gốc, cành bằng lưu ly, hoa, lá băng thủy tinh; cây băng xích châu thì gốc bằng xích châu, hoa, lá, bằng mã não; cây bằng mã não thì gốc,

424 KINH TRƯỜNG A-HÀM

cành bằng mã não, hoa, lá bằng xích châu; cây bằng xà cừ thì gốc, cành bằng xà cừ, hoa, lá, trái bang các thứ báu. về bảy lớp thành, thành có bốn cửa và mỗi cửa có lan can. Trên bảy lớp thành đều có lâu đài, nhà cửa bao bọc chung quanh; lại có rừng cây và ao tắm, có hoa các thứ báu với màu sắc xen kẽ. Cây báu xếp hàng, hoa trái sum suê, gió thơm phảng phất khắp bốn bề làm cho lòng người khoan khoái; lại có vô số các chim kỳ lạ, như cưu, nhạn, uyên ương cùng hòa ca, cũng như các cõi khác. Và giữa hai thành nhỏ có Long cung Y-la-bát? ngang dọc sáu ngàn do-tuần, gom có bảy lớp tường,

bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo nên... vô số chim chóc cùng hòa ca cũng như các cõi khác. Trong thành Thiện Kiến có Thiện Pháp đường, ngang dọc một trăm do-tuần, với bảy lớp lan can, bảy lớp lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành. Nen móng của Thiện Pháp giảng đường làm toàn bằng vàng ròng, trên phủ lưu ly, thân cột trong giảng đường có chu vi mười do-tuần, cao một trăm do-tuần, dưới mỗi gốc cột trong giảng đường đều thiết trí một pháp tòa đê cho Thiên đê ngự, ngang dọc một do-tuân, màu sác xen kẽ do bảy báu tạo thành. Pháp tòa mềm mại tựa như áo trời. Hai bên pháp tòa thì có mười sáu pháp tòa khác. Giảng đường này có bốn cửa và có lan can bao quanh do bảy báu tạo thành. Con đường thềm của giảng đường rộng năm trăm do-tuần, có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cõi khác. Phía Bác Thiện Kiên đường thì có cung điện Đê-thích ngang dọc một ngàn do-tuần, cũng có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cõi khác. Phía Đong Thiện Kiến đường có khu vườn tên Thô Sáp, ngang dọc một ngàn do-tuần và có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cõi khác. Trong vườn Thô Sáp có hai tảng đá được trang trí bằng vàng trên trời: Một gọi là Hiên, hai là Thiện Hiên, môi tảng đêu rộng năm mươi do-tuân, tảng đá ấy mềm mại như áo trời. Phía Nam cung Thiện Kiến có khu vườn Họa Lạc, ngang dọc một ngàn do- tuần, vườn có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cõi khác. Trong khu vườn Họa Lạc có hai tảng đá do bảy báu tạo thành: Một là Họa, hai là Thiện Họa, mỗi tảng đá rộng năm mươi do-tuần5 tảng đá ấy mềm mại như áo trời.

30. KINH THẾ KÝ 425

Phía Tây Thiện Kiến đường có khu vườn tên là Tạp, ngang dọc một ngàn do-tuần. Vườn này có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,.. vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cõi khác. Trong khu vườn Tạp có hai tảng đá: Một là Thiện Kiến, hai là Thuận Thiện Kiến được trang trí bằng vàng trên trời, do bảy báu tạo thành. Mỗi tảng đá rộng năm mươi do-tuần, những tảng đá ấy mềm mại như áo trời. Phía Bắc Thiện Kiến đường có khu vườn tên là Đại Hỷ, ngang dọc một ngàn do-tuần. Vườn này có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... vô so chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cõi khác. Trong vườn Đại Hỷ lại có hai tảng đá: Một là Hỷ, hai là Đại Hỷ được trang trí bằng xà cừ, ngang dọc năm mươi do-tuần. Những tảng đá ấy mềm mại như áo trời. Giữa vườn Thô Sáp và vườn Họa Lạc có ao Nan-đà, ngang dọc một do-tuần. Nước ao trong xanh, không có van đục, có bảy lớp hào báu vây quanh lũy đá. Có bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lóp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành. Bốn mé ao đều có bốn bậc thang và có lan can bao quanh, do bảy báu tạo thành,...có vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cõi khác. Trong ao Nan-đà có bôn thứ hoa xanh, vàng, đỏ, trăng, màu sác xanh, đỏ

chen nhau. Mỗi đóa hoa và mỗi chiếc lá phủ cả một do-tuần, mùi hương thơm phảng phát cả một do-tuân. Cọng hoa lớn như trục xe, tiêt ra một loại nước màu trắng như sữa, vị ngọt như mật. Bon phía ao lại có những khu vườn, giữa vườn Tạp và Đại Hỷ có cây ten là Trú Độ. Thân cây to bảy do-tuần, cao một trăm do- tuần, cành lá tỏa bốn bề năm mươi do-tuần. Ke bên cây có nhà nghỉ mát ngang dọc năm trăm do-tuần. Có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô so chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cảnh khác. Ngoài ra có các cung điện của Đao-lợi thiên khác đều ngang dọc một ngàn do-tuần, gồm có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cảnh khác. Các cung điện của chư thiên ngang dọc chín trăm, hoặc tám trăm do-tuần và loại nhỏ nhất là trăm do-tuần. Có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cảnh khác. Còn có các cung điện của tiểu thiên ngang dọc một trăm do-tuần, hoặc chín mươi, tám mươi do-tuần và loại nhỏ nhất là mười hai do-tuàn. Cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây trang trí giáp vòng đều do bảy báu tạo thành,... có vô số chim chóc cùng hòa ca, cũng như các cảnh khác.

426 « KINH TRƯỜNG A-HÀM

Phía Bắc Thiện Kiến đường có hai con đường dẫn đến cung Đế-thích. Phía Đông Thiện Kiên đường có hai con đường dân đên vườn Thô Sáp, lại có con đường dẫn đến nhà mát Họa Lạc. Lại có con đường dẫn đến vườn Tạp. Lại có con đường dẫn đen vườn Đại Hỷ. Lại có con đường dẫn đen ao Đại Hỷ. Lại có con đường dẫn đến cây Trú Độ. Lại có con đường dẫn đến cung Tam Thập Tam thiên. Lại có con đường dẫn đến cung chư thiên. Lại có con đường dẫn đến cung Y-la-bát long vương. Nếu Đế-thích muốn ngự giá đến vườn Thô Sáp để ngoạn cảnh thì liền nghĩ đến các đại thần của Tam Thập Tam thiên. Các đại thần ấy cũng tự nghĩ: "Nay Đế-thích đang nghĩ đến ta.” Họ liền tự trang sức và cưỡi xe báu có vô số thiên chúng vây quanh đến trước Đế-thích và đứng một bên. Đế-thích lại nghĩ đến chư thiên khác. Chư thiên ấy cũng tự nghĩ: “Nay Đế-thích đang nghĩ đến ta.” Họ liền tự trang sức cùng với thiên chúng tự tay trang sức lấy và ngự trên xe báu, có vô số thiên chúng cùng nhau đen trước Đe-thích và đứng một bên. Đế-thích lại nghĩ đến Y-la-bát long vương, Y-la-bát long vương cũng tự nghĩ: "Nay Đế-thích đang nghĩ đến ta." long vương liền biến hóa ra ba mươi ba _ r * JL Á Tk < Ạ • JL Á JL Á ĩ / _ Ạ • r • _ JL Ạ fl? r• .w • cai đau. Moi đau đêu co sau cai răng; moi cai răng đêu co bay cai ao tăm; moi ao tăm đêu có bảy đóa hoa sen lớn, môi hoa sen có một trăm chiêc lá. Hơn nữa, trên mỗi hoa lá ấy đều có bảy ngọc nữ đánh trống, trỗi nhạc, đàn ca và khiêu vũ. Sau khi long vương biến hóa xong, bèn đến trước De-thich và đứng một bên. r A

Bây giờ, Thích-đê-hoàn-nhân trang sức các thứ ji r báu nhưe anh lạc X vào thân roi ngự trên đâu long vương Y-la-bat bậc nhát, tiêp theo hai bên đêu có mười sáu vị Thiên vương theo thứ tự mà ngự trên đầu long vương ấy. Khi Đế-thích, cùng chư thiên và

quyến thuộc bao quanh, đi đến vườn Thô Sáp thì cơn gió tư nhiên thôi đến làm cho cánh cửa tự mở ra, đông thời có cơn gió tự nhiên thôi đên làm cho đát đai sạch sẽ và cũng có cơn §i6 tự nhiên thôi đên làm cho hoa rải khắp mặt đất. Các hoa xếp lớp lên đến đau gối. Lúc đó Đế-thích ngự trên hai tảng đá Hiền và Thiện Hiền, một cách tùy ý. Chư Tam Thập Tam thiên cũng theo thứ tự an tọa. Trong khi đó có một so chư thiên không được hau cận, cũng thấy được ngôi vườn ấy nhưng không vào được để vui hưởng ngũ dục. Tại sao? Vì do công đức và hạnh nghiệp không đông. Lại cũng có một sô chư thiên khác cũng được thấy khu vườn ấy nhưng không được vào và không được cung vui hưởng ngũ dục. Tại vì sao? Vì do công đức và hạnh nghiệp không đồng. Lại có một số chư thiên khác, được thấy, được vào khu vườn ấy nhưng không được vui hưởng ngũ dục. Tại vì sao? Vì do công đức và hạnh nghiệp không đồng. Lại có một số chư thiên khác, được thây, được vào khu vườn áy và được vui hưởng ngũ dục. Tại sao? Bởi vì do công đức và hạnh nghiệp không đồng nhau. Thế rồi, Đế-thích và thiên chúng du ngoạn trong khu vườn ây tự vui hưởng ngũ dục từ một ngày, hai ngày, cho đen bảy ngày. Sau khi vui hưởng ngũ dục xong, tất cả trở vê cung. Và vê sau, Đê-thích cũng du ngoạn các khu vườn khác như vườn Họa Lạc, vườn Tạp, vườn Đại Hỷ, sự việc cũng như trên.

30. KINH THẾ KÝ 427

Vì sao gọi là vườn Thô Sáp? Vì khi vào vườn này thì thân thể trở nên thô tháp. Vì sao gọi là vườn Họa Lạc? Vì khi vào khu vườn này thì thân thể tư nhiên có những nét vân sặc sỡ và lấy đó làm vui thích. Vì sao gọi là vườn Tạp? Vì Đê-thích thường lây ngày mùng tám, mười bôn và rằm mỗi tháng, cho phép các thể nữ, trừ các a-tu-luân, cùng với thiên tử dạo chơi tập thể trong khu vườn nên gọi là vườn Tạp. Vì sao gọi là vườn Đại Hỷ? Vì khi vào khu vườn này thì vô cùng vui vẻ nên gọi là Đại Hỷ. Vì sao gọi là Thiện Pháp đường? Vì ở trên nhà này để suy tư về diệu pháp và cảm thọ niềm vui thanh tịnh nên gọi là Thiện Pháp đường. Vì sao gọi là cây Trú Độ? Vì cây này có vị thần tên Mạn-đà thường trỗi nhạc mà tự vui nên gọi là Trú Độ. Vả lại, cành cây đại thọ này tỏa bốn bề, hoa lá sum suê, như vầng mây báu lớn nên gọi là cây Trú Độ. Hai bên Thích-đề-hoàn- nhân thường có mười vị đại thiên tử theo hầu cận, bảo vệ. Mười vi ấy là ai? Đó là: (1) Nhân-đà-la; (2) Cù-di; (3)Tỳ-lâu; (4) Tỳ-lâu-bà-để; (5) Đà-la; (6) Bà-la; (7) Kỳ-bà; (8) Linh-ê-nậu; (9) yật-la; (10) Nan-đầu. Thích-đề-hoàn- nhân có đại thần lực, có đại uy đức như thế. Lại nữa, châu Diêm-phù-đề có các loại hoa sống dưới nước mà người châu ấy rất quý, như hoa ưu-bát-la, hoa bát- đầu-ma, câu-vật-đầu, phân-đà-lợi, tu-càn-đầu, các hoa này mềm mại, thơm tho tinh khiết. Còn có các loại hoa sống ở trên đất như: Hoa giải thoát, hoa chiêm- bặc, hoa bà-la-đà, hoa tu-mạn-châu-na, hoa bà-sư, hoa đong nữ. Và các châu khác như Câu-da-ni, uất-đơn-việt, Phất-vu-đãi, Long cung, Kim Si điểu cung, cũng có các loại hoa sống dưới nước và trên đất như thế. ở cung a-tu-luân, có các loại hoa sống dưới nước như hoa ưu-bát-la, bát-đầu-ma, câu-vật-đầu, phân- đà-lợi, mềm mại thơm tho, tinh khiết, ở đây có các loại hoa sống ở trên đát như hoa thù-hảo, hoa tần-phù? hoa già-già-lợi, hoa đại già-già-lợi, hoa mạn-đà-la5 hoa đại mạn-đà-la. Và các cõi khác như Tứ Thiên Vương, Tam Thập Tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên, cũng có các loại hoa sống dưới

nước và trên đất như thế. Chư thiên thì có mười phép. Mười phép ấy là gì? (1) Bay đi không giới hạn là bao xa; (2) Bay lại không giới hạn là bao xa; (3) Bay đi vô ngại; (4) Bay lại vô ngại; (5) Thân chư thiên không có da, xương, gân, mạch máu, thịt; (6) Thân không có sự dại, tiểu tiện bất tịnh; (7) Thân không mỏi mệt; (8) Thiên nữ không sanh sản; (9) Thiên nhãn quan sát không bị chướng ngại; (10) Thân thể màu sắc tùy y, nếu thích xanh thì xanh, thích vàng thì vàng; các màu đỏ, trắng theo ý mà xuất hiện. Đó là mười phép của chư thiên. Thân thì có bảy màu. Bảy màu ấy là gì? (1) Có vi thiên thì màu vàng của vàng; (2) Có vị thiên thì màu lửa; (3) Có vị thiên thì màu xanh; (4) Có vị thiên thì màu vàng; (5) Có vị thiên thì màu đỏ; (6) Có vị thiên thì màu đen; (7) Có vị thiên thì màu trang.

Chư thiên a-tu-luân cũng có đủ bảy màu như thế. Này các Tỳ-kheo? ánh sáng đom đóm không bằng ánh sáng đèn đuốc; ánh sáng đèn đuốc không bằng ánh sáng bó đuốc to; ánh sáng bó đuốc to không bằng ánh sáng đông lửa; ánh sáng đông lửa không băng ánh sáng của màu sác, thân thể, y phục, anh lạc thành quách, cung điện của Tứ Thiên Vương; và ánh sáng màu săc thân thê, y phục, thành quách, anh lạc của Tứ Thiên Vương không băng ánh sáng của Tam Thập Tam thiên; ánh sáng Tam Thập Tam thiên không bằng ánh sáng Diệm-ma thiên; ánh sáng Diệm-ma thiên không bằng ánh sáng Đâu- suất thiên; ánh sáng Đâu-suất thiên không băng ánh sáng của Hóa Tự Tại thiên; ánh sáng Hóa Tự Tại thiên không bằng anh sáng của Tha Hoa Tự Tại thiên; ánh sáng của Tha Hóa Tự Tại thiên không bang ánh sáng màu sắc, thân the, y phục, cung điện của Phạm-ca-di thiên; ánh sáng, màu sắc, thân the, y phục, cung điện của Phạm-ca-di thiên không bằng ánh sáng của Quang Âm thiên; ánh sáng của Quang

trăm tuổi, tăng thì ít, giảm thì nhiều. Người châu Cù-da-ni sống hai trăm tuổi tăng ít giảm nhiêu. Người châu Phât-vu-đãi sông ba trăm tuôi, tăng thì ít giảm thì nhiều. Người châu uất-đơn-việt song đúng ngàn tuổi, không tăng không giảm. Nga quỷ sống bảy vạn tuổi, tăng thì ít giảm thì nhiều, long vương, Kim Si điểu sống một kiếp, hoặc ít hơn. A-tu-luân sống một ngàn tuổi trời, tăng thì ít giảm thì nhiều. Tứ Thiên Vương sống năm trăm tuổi trời, tăng thì ít giảm thì nhiều. Đao-lợi thiên sống một ngàn tuổi trời, tăng thì ít giảm thì nhiều. Diệm- ma thiên sống hai ngàn tuổi trời, tăng ít giảm nhiều. Đâu-suất thiên sống bốn ngàn tuổi trời, tăng ít giảm nhiều. Hóa Tự Tại thiên sống tám ngàn tuổi trời, tăng ít giảm nhiêu. Tha Hóa Tự Tại thiên sông một vạn sáu ngàn tuôi trời, tăng ít giảm nhiều. Phạm-ca-di thiên sống một kiếp, hoặc ít hơn. Quang Âm thiên sống hai kiếp, hoặc ít hơn. Biến Tịnh thiên sống bốn kiếp hoặc ít hơn. Vô Tưởng thiên sông năm trăm kiêp hoặc ít hơn. Vô Tạo thiên sông một ngàn kiêp hoặc ít hơn. Vô Nhiệt thiên sống hai ngàn kiếp hoặc ít hơn. Thiện Kiến thiên sống ba ngàn kiếp hoặc ít hơn. Đại Thiện Kiến thiên sống bốn ngàn kiếp hoặc ít hơn. Sắc Cứu Cánh thiên sống năm ngàn kiếp hoặc ít hơn. Không Xứ thiên sông một vạn kiêp hoặc ít hơn, Thức Xứ thiên sông hai vạn một ngàn kiếp hoặc ít hơn. Bất Dụng Xứ thiên sống bốn vạn hai ngàn kiếp hoặc ít hơn, về Hữu Tưởng Vô Tưởng thiên sống tám vạn bốn ngàn kiếp hoặc ít hơn. Chúng

sanh ngang đây là thọ mạng, ngang đây là thê giới, ngang đây gọi là con đường qua lại sanh lão, bệnh tử, là nhóm, tụ, ấm, giới, xứ. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Các chúng sanh đêu do bôn thứ ăn mà sanh tôn. Bôn thứ ăn là gì? Một là đoàn thực, hai là xúc thực, ba là niệm thực, bốn là thức thực. Sự ăn uống của chúng sanh không đồng. Con người Diêm-phù-đề thì lấy các thức ăn như gạo, mì, cá, thịt làm thức ăn đoàn thực. Lay y phục, tam gội làm thức ăn trơn mịn. Con người châu Cù-da-ni, Phất-vu-đãi cũng lấy các thứ gạo, mì, cá, thịt làm thức ăn đoàn thực và lấy y phục, tắm gội làm thức ăn trơn mịn. Con người châu uất-đơn-việt thì chỉ dùng loại gạo thơm tự nhiên đầy đủ hương vi trời, làm thức ăn đoàn thực và lấy y phục, tắm gội làm thức ăn trơn min. long vương, Kim Si điểu thì lay cá, ba ba... làm thức ăn đoàn thực và lay y phục tam gội làm thức ăn trơn min. về a-tu-luân thì lấy thức ăn thanh tịnh (nhẹ) làm thức ăn đoàn thực và lấy y phục, tắm gội làm thức ăn trơn min. Tứ Thiên Vương, Đao-lợi thiên, Diệm- ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên thì lấy thức ăn thanh tịnh làm thức ăn đoàn thực và lay y phục, tắm gội làm thức ăn trơn mịn. Từ đây trở lên, chư thiên dùng thiền định, hỷ lạc làm thức ăn. Còn những loại chúng sanh nào thuộc xúc thực? Là các chúng sanh loài noãn sanh thuộc về xúc thực. Những loại chúng sanh nào thuộc về niệm thực? Có những chúng sanh dùng thức ăn bằng niệm mà tồn tại, các căn tăng trưởng, mạng sống kéo dài không dứt. Đó là niệm thực. Những loại chứng sanh nào thuộc về thức thực? Chúng sanh trong địa ngục và chư thiên cõi Vô sác, thuộc về thức thực.

y y Con người ở Diêm-phù-đê thì dùng vàng bạc, của báu, lúa, vải, đây tớ làm nghề nghiệp buôn bán để tự sinh sống. Con người Cù-da-ni thì dùng trâu, dê5 châu báu đổi chác để sinh sống. Con người châu Phất-vu-đãi thì dùng lúa, vải, châu ngọc để buôn bán hoặc làm sự sinh sống. Con người châu Uất-đơn-việt thì sinh sông không buôn bán. Con người châu Diêm-phù-đê thì có hôn nhân, có nam nữ qua lại cưới hỏi. Con người châu Cù-da-ni, Phất-vu-đãi cũng có hôn nhân, có nam nữ cưới hỏi. Người uất-đơn-việt không có hôn nhân, không có trai gái qua lại cưới hỏi. A-tu-luân, Kim Si điểu cũng có hôn nhân, có nam nữ cưới hỏi. Tứ Thiên Vương, Đao-lợi thiên cho đến Tha Hóa Tự Tại thiên cũng có hôn nhân, nam nữ cưới hỏi. Từ đây trở lên, chư thiên không còn phân biệt nam nữ. Người châu Diêm-phù-đê thì nam nữ giao hợp nhau, thân thê tiêp xúc nhau thì thành ra âm dương. Người châu Phất-vu-đãi9 Cù-da-ni và uất-đơn-việt thì thân thể tiếp xúc nhau mà thành ra âm dương. Loài rồng, Kim Si điểu thì thân thể cũng tiếp xúc nhau mà thành ra âm dương. A-tu-luân thì thân thể gần nhau mà thành ra âm dương. Tứ Thiên Vương, Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên cũng như vậy. Chư thiên ở Đâu-suất thiên nắm tay nhau thì thành ra âm dương. Chư thiên ở Hóa Tự Tại thiên nhìn kỹ nhau thì ra âm dương. Chư thiên ở Tha Hóa Tự Tại thiên liếc nhau thì thành ra âm dương. Từ đây trở lên, chư thiên không còn dâm dục. Nếu có chúng sanh, tạo ác về thân, về khẩu, về ý thì sau khi lâm chung, hậu thức diệt, sơ thức địa ngục sanh khởi. Nhân thức mà có danh sắc; nhân danh sắc mà có lục nhập. Hoặc có chúng sanh tạo ác về thân, khẩu, ý thì sau khi mạng chung bị đọa vào loài súcr sanh; ở đây, hậu , thức diệt, sơ thức súc sanh sanh khởi. Nhân thức mà có danh sác; nhân danh sác mà có lục

nhập.. Hoặc có chúng sanh làm ác vê thân, khâu, ý thì sau khi mạng chung bị đọa vào loài nga quỷ; ở đây, hậu thức diệt, sơ thức nga quỷ sanh khởi. Nhân thức mà có danh sắc; nhân danh sắc mà có lục nhập... Hoặc có chúng sanh nào hành thiện về thân, khẩu, ý thì sau khi mạng chung được sanh vào loài người; ở đây, hậu thức diệt, sơ thức loài người sanh khởi. Nhân thức mà có danh sắc, nhân danh sắc mà có lục nhập... Hoặc có chúng sanh hành thiện vê thân, khâu, ý thì sau khi mạng chung được sanh về cõi Tứ Thiên Vương, ở đây, hậu thức diệt, sơ thức Tứ Thiên Vương sanh khởi. Nhân thức mà có danh sắc, nhân danh sắc mà có lục nhập... Vi thiên sơ sanh ấy cũng như đứa hài nhi mới một, hai tuổi ở thế gian này. Vị ây tự nhiên hóa hiện và ngôi trên đâu gói của vị thiên khác. Vị này nói: "Dây là con ta." Hài nhi này do hạnh nghiệp và phước báu nên tự nhiên trí tuệ phát sanh, tức thì liền nghĩ: "Ta do làm điều gì mà sanh về cõi này?" Lại nghĩ tiếp: "Xua kia ta ở nhân gian hành thiện về thân, về khẩu, về y, vì do hành động đó nên nay được sanh thiên. Ta dù mạng chung tại đây mà sanh lại cõi the gian đi nữa thì

cũng phải giữ gìn trong sạch về thân, về khẩu, về ý, phải siêng năng tu thiện hạnh hơn trước.,, Hài nhi ấy, sau khi chào đời không lâu thì có cảm giác đói, tự nhiên trước mặt liền có một vật báu chứa đầy cơm thơm tinh khiết, đủ cả trăm hương vị trời. Nếu là người phúc nhiều thì cơm màu trắng; nếu là người phúc trung bình thì cơm màu xanh; nếu là người phúc kém thì cơm màu đỏ. Hài nhi dùng tay bốc cơm để vào miệng. An xong, cơm tự nhiên tiêu hóa cũng như bỏ vào lửa. • . * e 5

Hài nhi ây sau khi ăn xong có cảm giác khát thì tự nhiên có vật báu đây cả nước cam lồ. Nếu là người phúc nhiều thì nước màu trắng; nếu là người phúc trung bình thì nước màu xanh; nêu là người phúc kém thì nước màu đỏ. Hài nhi ây lấy nước mà uống, nước tự nhiên hóa như bơ bỏ vào lửa. Hài nhi ấy sau khi ăn uống xong, thân thể cao lớn và cùng chư thiên khác đi vào ao tắm để rửa ráy, tắm gội mà tự vui thú. Vui thú xong vị thiên ấy bèn ra khỏi ao, đến dưới cây Hương thì cây ây cong rũ xuống, vi thiên ây dùng tay lây các thứ hương đê xoa vào thân. Vị thiên ấy lại đến cây Kiếp-bối, cây này liền cong rũ xuống, vị thiên bèn lay các thứ y phục mặc vào thân. Lại đen cây Trang Sức thì cây này lập tức cong rũ xuống, vị thiên bèn lấy các vật trang sức để trang sức thân thể. Lại đến cây Tràng Hoa, cây này lập tức cong rũ xuống, vị thiên bèn lấy tràng hoa cài lên đâu. Lại đên cây Khí Cụ thì cây này lập tức cong rũ xuống, vị thiên có các vật báu. Lại đến cây Quả thì cây này lập tức cong rũ xuống, vị thiên hái trái cây tự nhiên, hoặc là ăn, hoặc là ngậm, hoặc vắt lấy nước để uống. Lại đến cây Nhạc Khí tức thì cây này cong rũ xuông, vị thiên lây các nhạc khí đê hòa tâu những âm thanh tuyệt diệu mà ca hát. Rồi vị thiên hướng về khu vườn khác, trông thấy có vô số thiên nữ, cùng ca hát, nói năng, đùa vui với nhau. Sau khi vị thiên ấy đi du ngoạn xong bèn sanh tâm đắm nhiễm, nhìn hướng Đông quên hướng Tây, nhìn hướng Tây quên hướng Đông. Khi mới sanh ra miệng thường nói: "Ta do làm điều gì mà nay được sanh về cõi nay?^ Trong khi du ngoạn, vi ấy quên hết tâm niệm ây, do đây mà có sự việc thê nữ theo hâu. Nếu có chúng sanh hành thiện về thân, về khẩu, về ý thì sau khi mạng chung

được sanh về cõi Đao-lợi. ở đây hậu thức diệt, sơ thức sanh về cõi ấy. Nhân nơi thức mà có danh sắc, nhân danh sắc mà có lục nháp... Vị thiên sơ sanh ấy cũng như đứa bé hai, ba tuổi ở cõi Diêm-phù-đề. Vị ấy tự nhiên hóa hiện ngồi trên đầu gối của vi thiên khác, vị này nói: "Đây là con trai ta, đây là con gái ta.” Sự việc ấy cũng giống như ở cõi Tứ Thiên Vương... Hoặc có chúng sanh hành thiện vê thân, vê khâu, vê ý thì sau khi mạng chung được sanh vê cõi Diệm-ma thiên. Vị thiên sơ sanh ây cũng như đứa bé ba, bốn tuổi ở cõi Diêm-phù-đề... Hoặc có chúng sanh hành thiện về thân, về khẩu, về ý thì sau khi mạng chung được sanh vê Đâu-suất thiên. Vi thiên sơ sanh ây cũng như đứa bé bôn, năm tuôi ở cõi thê gian này...

Hoặc có chúng sanh hành thiện vê thân, vê khâu, vê ý sau khi mạng chung được sanh Hóa Tự Tại thiên. Vị thiên sơ sanh ấy cũng như đứa bé mới năm, sáu tuổi ở thê gian này... Hoặc có chúng sanh hành thiện về thân, về khẩu, về ý thì sau khi mạng chung được sanh về Tha Hóa Tự Tại thiên. Vị thiên sơ sanh ấy cũng như đứa bé mới sáu, bảy tuổi ở thế gian này... Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Chư thiên ở cõi ấy cứ mỗi nửa tháng thì có ba ngày trai giới. Ba ngày trai ấy là ệì? Ngày mùng tám, mười bốn, rằm của tháng là ba ngày trai giới. Vì sao lại nhăm ngày mùng tám của tháng? Vì vào ngày mùng tám, Tứ Thiên vương bảo sứ giả: "Các người hãy đi kháp thê gian, hãy quan sát muôn dân, coi ai hiêu thuận với cha mẹ, cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, tôn trọng các vi bô lão, trai giới, bo thí, cửu giúp những người nghèo kh6!“ Bấy giờ, sứ giả nghe Tứ Thiên vương bảo thể, bèn đi khắp thế gian để coi ai hiếu thảo cha mẹ, cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, tôn trọng các vị bô lão, trai giới, bố thí cho người nghèo khổ. Sau khi quan sát kỹ, các sứ giả nhận thấy thế gian bất hiếu cha mẹ, khônẹ cung kính thầy tổ, không tu trai giới, không bố thí cho người nghèo đói. Họ liên trở vê tâu: "Tâu Đại vương, ở thế gian những người hiếu thuận cha mẹ, tôn thờ Sư trưởng, tu hành trai giới thanh tịnh, bố thí cho người nghèo khó thì rất ít, rất ít.” Khi Tứ Thiên vương nghe xong, trong lòng buôn khô, không vui và nói: "Oi ra là thê! Chúng sanh phân nhiêu là độc ác, không hiêu thảo với cha mẹ? không thờ kính thây tô, không tu trai giới, không bô thí cho người nghèo khô thì chúng trời sẽ giảm thiểu, chúng a-tu-luân sẽ gia tảng." Nếu sứ giả trông thấy ở thế gian có ĩiệười thuận thảo với cha mẹ, tôn thờ Sư trưởng, siêng năng tu hành trai giới, bô thí cho người nghèo khó thì trở lại thưa với Thiên vương: "d thế gian có người hiếu thảo với cha mẹ5 cung kính, tôn thờ thầy tổ, siêng năng tu hành trai giới, bố thí cho người nghèo.,, Tứ Thiên vương nghe xong, vô cùng vui vẻ và nói: "Lành thay! Ta nghe được tin lành. Nếu như thế gian có thể có người hiếu thảo với cha mẹ, tôn thờ Sư trưởng, siêng tu trai giói, đồng thời bố thí cho người nghèo khổ thì chúng trời sẽ gia tăng, chúng a-tu-luân sẽ giảm thiểu.” Vì sao lấy ngày mười bốn là ngày trai giới? Vì vào ngày trai giới mười bốn, Tứ Thiên vương bảo thái tử: "Ngươi hãy đi khắp thiên hạ quan sát muôn dân để xem có ai hiếu thảo với cha mẹ, tôn thờ Sư trưởng, siêng tu trai giới, bố thí cho người nghèo khó hay không !,9

Thái tử vâng lệnh xong, liền phi hành khắp thế gian quan sát muôn dân, thái tử nhận thấy ở thế gian có người bất hiếu cha mẹ, không tôn kính Sư trưởng, không tu trai giới, không bố thí cho người nghèo khó. Khi quan sát xong, thái tử bèn trở lại thưa với Thiên vương: "Tâu Đại vương, ở thế gian người hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính Sư trưởng, tu hành trai giới thanh tịnh, cứu giúp những người nghèo khó thì rất ít, rất ít.” Tứ Thiên vương nghe xong, trong lòng lo buồn không vui nói rằng: "Oi, ra là the! Người đời phần nhiều độc ác, không hiếu thảo với cha mẹ, không tôn thờ Sư trưởng, không tu trai giới, không bố thí cho người nghèo khổ thì chúng trời sẽ giảm thiểu, chúng a-tu-luân sẽ gia tang?9 Nêu như thái tử nhận thây thê gian có người hiêu thảo với cha mẹ, cung kính Sư trưởng, siêng tu trai giới, bố thí cho người nghèo khổ thì về thưa với Thiên vương: "Tâu Đại vương, ở thế gian, có người hiếu thảo với cha mẹ, cung kính thầy tổ, siêng tu trai giới và bố thí cho những người nghèo kh6.” Tứ Thiên vương nghe xong, trong lòng vui vẻ nói rằng: "Lành thay! Ta nghe được tin lành. Nếu ở thế gian có người hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính Sư trưởng, siêng tu trai giới, bố thí cho người nghèo khó thì chúng trời sẽ gia tăng, chúng a-tu-luân sẽ giảm thiểu." Cho nên gọi ngày mười bốn là ngày trai giới. Vì sao lây ngày răm là ngày trai giới? Vì vào ngày răm, Tứ Thiên vương đích thân du hành khắp thiên hạ mà quan sát muôn dân xem có ai hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính Sư trưởng, siêng tu trai giới và bố thí cho những người nghèo khó không? Nếu như thấy thế nhân phần nhiều là bất hiếu với cha mẹ, không tôn kính Sư trưởng, không siêng tu trai giới, không bố thí cho những người nghèo khó thì Tứ Thiên vương đến Thiện Pháp đường mà thưa với Đế-thích: "Tâu Đại vương, chúng sanh ở thế gian phần nhiều là bất hiếu với cha mẹ, không tôn thờ Sư trưởng, không siêng tu trai giới và không bố thí cho người nghèo kh6." Đe-thích và chư thiên cõi Đao-lợi nghe xong trong lòng buồn tủi không vui, nói rằng: "Ôi ra là the! Chúng sanh ở thế gian phần nhiều là ác độc, không hiếu thuận cha mẹ, không tôn thờ Sư trưởng, không siêng tu trai giới, không bố thí cho những người nghèo khó thì chúng trời sẽ giảm thiểu, chúng a-tu-luân sẽ gia tang?9 Nếu như Tứ Thiên vương nhận thấy có chúng sanh hiếu thảo với cha mẹ, cung kính Sư trưởng, siêng tu trai giới, có bố thí cho người nghèo khó thì trở lại Thiện Pháp đường tàu với Đế-thích:

"Tâu Đại vương, ở thế gian có chúng sanh hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính Sư trưởng, siêng tu trai giới, bố thí cho người nghèo kh6." Đế-thích và chư thiên Đao-lợi nghe xong trong lòng rất vui vẻ nói rằng: "Lành thay! Vì chúng sanh ở thế gian có hiếu thuận với cha mq, tôn kính Sư trưởng, siêng tu trai giới và bố thí cho người nghèo khó. Do đó, chúng trời sẽ gia tăng, chúng a-tu-luân sẽ giảm thiểu." Vì thế cho nên gọi ngày rằm là ngày trai giới. Vì lý do đó mà gọi là ba ngày trai giới vậy. Bấy giờ, Đế-thích muốn khiến cho chư thiên càng thêm vui vẻ, liền nói bài kệ: Người nào lây ngày tám, Mười bôn, răm môi tháng Đe tu hành trai giới, Người ấy đồng với ta. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:
Đế-thích nói bài kệ ấy, lời lẽ không phải là đáng lãnh thọ, không phải là tốt đẹp. Ta không chấp nhận. Tại vì sao? Vì Đế-thích chưa dứt hết dâm dục, sân hận, ngu si, chưa thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử và lo buồn, khổ não. Ta bảo đó là . 9 L í _ người chưa thoát ly được căn bản của khô. Nêu Tỳ-kheo nào đệ tử của Ta là bậc Lậu tận A-la-hán,

những điêu cân làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuồng, việc tự lợi đã xong, không còn các kiết sử trong ba cõi, bình đẳng giải thoát, vị Tỳ-kheo như thế mới nên nói bài kệ này: Người nào lấy ngày tám, Mưòd bốn, rằm mỗi tháng, Đe tu hành trai giới, Người ấy đồng với Ta. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Vị Tỳ-kheo ấy nói bài kệ này, lời lẽ mới là đáng lãnh thọ, mới gọi là đúng, được Ta chấp nhận. Tại vì sao? Vì Tỳ-kheo đó đã dứt dâm dục, sân hận, ngu si, đã thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử và lo buồn, khổ não. Ta bảo đó là bậc đã thoát ly được nguôn góc của khô. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Tất cả nhà cửa mà nhân dân ở đều có quỷ thần, không có chỗ nào là không có. Tất cả ngõ hẻm, ngã tư, hàng thịt, chợ búa và bãi tha ma cũng đều có quỷ thân, không chô nào là không có. Các loại quỷ thân đêu tùy theo nơi nương tựa mà có tên. Nếu nương tựa vào người thì gọi thần người. Nếu nương tựa vào thôn thì gọi thân thôn. Nêu \ nương tựa L e ANêur nương vào thành thì gọi rthân thành. X tựa vào nước thì gọi thân nước. Nêu nương tựa vào đát thì gọi thân đát. Nêu nương tựa vào núi thì gọi thần núi. Nếu nương tựa vào sông thì gọi thần sông. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Tát cả cây côi, loại nhỏ nhát như trục xe cũng đêu có quỷ thân nương tựa, không chỗ nào là không có. Tất cả nam, nữ khi mới chào đời đều có quỷ thần

theo ủng hộ. Nếu khi họ chết thì quỷ thần ủng hộ họ, thu nhiếp tinh khí người đó. Vì thê, người ây chét ngay. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Giả sử có Phạm chí ngoại đạo hỏi: "Này chư Hiên, nêu tát cả nam, nữ khi sanh ra đều có quỷ thần theo thủ hộ thì khi ngươi muốn chết, những quỷ thần thủ hộ ấy sẽ thu nhiếp tinh khí của người ấy, thế là người ấy chết. Nhimg sao lại có người bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bi quỷ thần quấy nhi3u?" Nếu có ai hỏi như thế thì các ông hãy đáp với họ: "Vi người đời hành động phi pháp, tà kiến điên đảo, thực hiện mười điều ác, những người như thế dù có trăm ngàn thì chỉ có một vị quỷ thần theo hộ vệ; cũng như một bầy trâu, bầy dê có cả trăm con, ngàn con nhtmg chỉ có một người chăn mà thôi, việc ủng hộ con người cũng vậy; con người làm ác, hành động phi pháp, tà kiến điên đảo, thực y r hiện mười điêu ác; những người như thê, hoặc là trăm, hay là ngàn cũng chỉ có một quỷ thần ủng hộ?9 Nếu có người tu hành thiện pháp, có chánh kiến, chánh tín, chánh hạnh, đầy đủ mười điêu thiện. Một người như thê thì có trăm ngàn vi thân ủng hộ, ví như quốc vương, đại thần của quốc vương thì được hàng trăm, hàng ngàn người hộ vệ một người. Thế nên, người hành thiện được quỷ thần ủng hộ. Vì tu hành thập thiện và đây đủ mười điêu thiện, cũng như một người có trăm ngàn quỷ thân ủng hộ. Vì lý do đó nên người đời có người thì bị quỷ thần quấy nhiễu, có người không bị quỷ thần quấy nhiễu. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Người Diêm-phù-đê có ba điêu hơn người châu Cù-da-ni. Ba điêu ây là gì? Một là mạnh mẽ, nhớ dai, có khả năng tạo tác hành nghiệp; hai là mạnh mẽ, nhớ dai, cần mẫn tu hành Phạm hạnh; ba là mạnh mẽ, nhớ dai về đức Phật ra đời ở châu ấy. Người châu Cù-da-ni có ba điều hơn người Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là nhiêu bò; hai là nhiêu dê; ba là nhiêu châu ngọc. Do ba điêu này mà người ở châu Cù-da-ni hơn người ở châu Diêm-phù-đề. Người Diêm-phù-đề có ba điều hơn người Phất-vu-đãi. Ba điều ấy là gì? Một là mạnh mẽ, nhớ dai, có khả năng tạo tác hành nghiệp; hai là mạnh mẽ, nhớ dai, có khả năng tu hành Phạm hạnh; ba là mạnh mẽ, nhớ

dai về đức Phật ra đời ở châu ây. Do ba điêu trên nên người Diêm-phù-đê hơn người ở châu Phất-vu-đãi. Người châu Phất-vu-đãi có ba điều hơn châu Diem-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là đất rất rộng; hai là đất rất lớn; ba là đất rất tốt. Do ba điều này mà người châu Phất-vu-đãi hơn người châu Diêm-phù-đề. Người Diêm-phù-đề hơn người uất-đơn-việt ba điều. Ba điều ấy là gì? Một là mạnh mẽ, nhớ dai, có khả năng tạo tác hành nghiệp; hai là mạnh mẽ,

nhớ dai, có khả năng tu hành Phạm hạnh; ba là mạnh mẽ, nhớ dai về đức Phật xuất thế ở châu ấy. Do ba điều ấy nên người Diêm-phù-đề hơn người uất- đơn-việt. Người châu Uât-đơn-việt có ba điêu hơn người châu Diêm-phù-đê. Ba điêu ấy là gì? Một là không bị ràng buộc, lệ thuộc; hai là không có vật sở hữu; ba là tuôi thọ nhát đinh một ngàn năm. Do ba điêu ây mà người Uât-đơn-việt hơn người Diêm-phù-đê. Người Diêm-phù-đề cũng có ba điều trên hơn nga quỷ; ngược lại, nga quỷ cũng có ba điều hơn người Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là trường thọ; hai là thân hình to lớn; ba là người khác làm mà mình nhận lãnh. Do ba điều này mà nga quỷ hơn Diêm-phù-đề. y A -. 2 Người Diêm-phù-đê cũng có ba điêu trên hơn long vương và Kim Si điêu; long vương, Kim Si điểu cũng có ba điều hơn người Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là trường thọ; hai là thân hình to lớn; ba là có cung điện. Do ba điều này mà long vương và Kim Si điểu hơn người Diêm-phù-đề. Lại nữa, người châu Diêm-phù-đề cũng có ba điều trên hơn a-tu-luân; a-tu- luân cũng có ba điều hơn người Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là cung điện Ã cao rộng; hai là cung điện trangnghiêm; ba là cung điện thanh tịnh. Do ba điêu này mà hơn người Diêm-phù-đê. Người Diêm-phù-đề cũng có ba điều trên mà hơn Tứ Thiên Vương; Tứ Thiên Vương cũng có ba điều hơn người Diêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là trường . thọ; hai là đoan chánh; bay là nhiêu: sự an vui. Do y ba điêu trên mà y Tứ Thiên Vương hơn người Diêm-phù-đê. Người Diêm-phù-đê cũng có ba điêu trên hơn Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên. Chư thiên ở đấy cũng có ba điều hơn người piêm-phù-đề. Ba điều ấy là gì? Một là trường thọ; hai là đoan chánh; ba là nhiều sự an vui. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Có mười hai loại chúng sanh ở Dục giới. Mười hai loại ấy là gì? (1) Địa ngục; (2) Súc sanh; (3) Nga quỷ; (4) Nhân; (5) A-tu-luân; (6) Tứ Thiên Vương; (7) Đao-lợi thiên; (8) Diệm-ma thiên; (9) Đâu-suất thiên; (10) Hóa Tự Tại thiên; (11) Tha Hóa Tự Tại thiên; (12) Ma thiên. Có hai mươi hai loại chúng sanh ở sắc giới. Hai mươi hai loại ấy là gì? (1) Phạm Thân thiên; (2) Phạm Phụ thiên; (3) Phạm Chúng thiên; (4) Đại Phạm thiên; (5) Quang thiên; (6) Thiểu Quang thiên; (7) Vô Lượng Quang thiên; (8) Quang Âm thiên; (9) Tịnh thiên; (10) Thiểu Tịnh thiên; (11) Vô Lượng Tịnh thiên; (12) Biến Tinh thiên; (13) Nghiêm Sức thiên; (14) Tiểu Nghiêm Sức thiên; (15) Vô Lượng Nghiêm Sức thiên; (16) Nghiêm Thắng Quả Thật thiên; (17) Vô Tưởng thiên; (18) Vô Phiền thiên; (19) Vô Nhiệt thiên; (20) Thiện Kiến thiến; (21) ĐÍ Thiện Kiên thiên; (22) A-ca-ni-trá thiên.

CÓ bốn loại chúng sanh ở cõi Vô sắc. Bốn loại ấy là gì? (1) Không Trí thiên; (2) Thức Trí thiên; (3) Vô Sở Trí thiên; (4) Hữu Tưởng Vô Tưởng Trí thiên. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

Có bốn đại thiên thần. Bốn vị ấy là ai? (1) Địa thần; (2) Thủy thần; (3) Phong thần; (4) Hỏa thần. Ngày xưa, địa thần phát sanh ý niệm sai lầm rằng: “Trong đất không có nước, lửa5 gi6.” Ta biết tâm niệm của địa thần, liền đến đó bảo: "Ông đang phát sanh ý niệm: 'Trong đất không có nước, lửa, gio9 chăng?^ Địa thần đáp: "Bạch, vâng, trong đất quả thật không có nước, gi6, lửa!” Lúc đó, Ta nói: "Ngươi chớ sinh ý niệm: 'Trong đất không có nước, lửa, gi6' như thế. Tại sao? Vì trong đất có nước, lửa, gió, chỉ vì thành tố đất nhiều nên gọi là đất” (địa đại). Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Khi ấy, Ta vì địa thần mà tuần tự nói pháp, dứt trừ ác kiến, chỉ bày những điều lợi ích hoan hỷ về thực hành bố thí, nói về trì giới, về sự sanh thiên. Đồng thời, nói dục là bất tịnh, nói lậu hoặc là khổ đau, pháp giải thoát là trên hết và trình bày tường tận về hạnh thanh tịnh. Lúc ấy, Ta biết tâm địa thần đã thanh tịnh, nhu nhuyến, hoan hỷ5 không còn năm triền cái, dễ dàng được khai hóa. Ta cũng theo thường pháp chư Phật mà khai thị, chỉ bày và giảng rộng về khổ dế, tập đế, diệt đế và đạo đế. Bấy giờ, địa thần ngay tại chỗ ngồi, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Ví như chiếc áo trắng sạch sẽ thì dễ nhuộm thắm màu. Địa thần cũng vậy, tín tâm đã thanh tịnh, đã được pháp nhãn, không còn nghi ngờ, thấy pháp rõ ràng, không còn đọa vào đường ác, không còn khuynh hướng theo đạo khác, thành tựu pháp vô úy, liền nói với Ta: "Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, trọn đời nguyện không sát sanh, không trộm cap, không tà dâm, không nói dôi và không uông rượu. Con xin đức Thê Tôn hãy châp nhận cho con ở trong Chánh pháp của Ngài làm một vi ưu-bà-di!" Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Thuở xưa, thủy thần phát sanh ý niệm sai làm rằng: "Trong nước không có đất, lửa, gio?9 Khi đó? địa thần biết thủy thần sinh ý niệm này, bèn đến nói với thủy thần: "Ngươi thật có khởi ý niệm: 'Trong nước không có đất, gió, lửa' chng?” Thủy thần đáp: "Thất co!"

Bấy giờ, địa thần nói: “Nguôi chớ nên sanh ý niệm ấy mà cho rằng trong nước không có đất, lửa, gió. Tại sao? Vì trong nước có đất, lửa, gió, chẳng qua vì thành tố nước nhiều, cho nên gọi là nước,, (thủy đại). Khi ấy, địa thần vì thủy thần mà nói pháp, dứt trừ ý niệm sai lầm, trình bày về giáo pháp, được lợi ích hoan hỷ, luận về bố thí, luận về trì giới, về sự sanh thiên, nói dục là bất tịnh, các lậu hoặc là khổ dàu, pháp giải thoát là trên hết, trình bày tường tận về hạnh thanh tịnh. Lúc ấy, địa thần biết tâm thủy thần đã nhu nhuyến, hoan hỷ, tin hiểu, thanh tinh, không bị ngăn che, dễ dàng được khai hóa. Địa thần theo thường pháp của chư Phật mà thuyết pháp giảng về khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế một cách sâu rộng. Bây giờ, thủy thân tức thì xa lìa trân câu, được pháp nhãn thanh tịnh. Ví như chiếc áo trắng sạch sẽ thì dễ nhuộm thắm màu. Thủy thần cũng như vậy, tín tâm đã thanh tinh, được sự thanh tinh của pháp nhãn, không còn nghi ngờ, chắc chắn chứng quả, không còn đọa vào đường ác, không còn khuynh hướng theo đạo khác, thành tựu pháp vô úy9 liền nói với địa thần: "Nay tôi xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y T2ng, trọn đời nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dôi và không uống rượu. Hãy chấp nhận tôi ở trong Chánh pháp làm một vị ưubàdi!" Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: - Thuở xưa, hỏa thần phát sanh ý niệm sai lầm rằng: "Trong lửa không có đất, nước, gi6." Khi đó, địa thần, thủy thần biết được hỏa thần phát sanh kiến giải như the, bèn nói với hỏa than: "Ngươi thật có khởi ý niệm:

'Trong lửa không có đất, nước, gi6' chng?" Hỏa thần đáp: “That c6!” Bấy giờ, địa thần, thủy thần nói: "Ngươi chớ nên sanh ý niệm ấy mà cho rằng: 'Trong lửa không có đất, nước, gió/ Tại vì sao? Vì trong lửa có đất, nước và gió, chỉ vì thành tố lửa nhiều, cho nên gọi là lửa" (hỏa đại). Khi ấy, hai vị thần vì hỏa thần mà nói pháp, dứt trừ kiến giải sai lầm, trình bày những điều lợi ích hoan hỷ, luận về bố thí, trì giới, về sự sanh thiên, nói dục là bất tịnh, các lậu hoặc là đau khổ, pháp giải thoát là trên hết, trình bày tường tận về hạnh thanh tịnh. Lúc ấy, hai vị thần biết tâm niệm hỏa thần đã nhu nhuyến, hoan hỷ, thanh tịnh, không còn bị ngăn che, dễ dàng được khai hóa. Hai vi ấy cũng theo thông lệ của chư Phật mà trình bày rộng rãi về khổ Thánh dế, tập Thánh dế, diệt Thánh đế và đạo Thánh đế. Bây giờ, hỏa thân tức thì xa lìa trân câu, được sự thanh tịnh của pháp nhãn. Ví như chiếc áo trắng sạch sẽ thì dễ nhuộm tham màu. Hỏa than lúc đó cũng

30. KINH THẾ KÝ 439

vậy, tín tâm đã thanh tịnh, đã được pháp nhãn không còn nghi ngờ, chắc chắn chứng quả, không còn đọa vào đường ác, không còn khuynh hướng theo đạo khác, thành tựu pháp vô úy, liền nói với hai vị thần: "Nay tôi xin quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, trọn đời nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Hãy chấp nhận tôi ở trong Chánh pháp làm một vị uu-ba-di!^ Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Thuở xưa, phong thân phát sanh kiên giải sai lâm, bảo răng: "Trong gió không có đất, nước, lửa." Khi đó, ba vị địa thần, thủy thần, hỏa thần biết phong thần phát sanh kiến giải như thế, bèn đến nói với phong thần: "Ngươi thật có phát sanh kiến giải rằng: 'Trong gió không có đất, nước, lỉra' chng?" Phong thần đáp: "Thật co!" Ba vi than nói: "Ngươi chớ nên sanh kiến giải ấy. Tại vì sao? Vì trong gió có đất, nước, lửa. Chỉ vì thành tố gió nhiều, cho nên gọi là gi6” (phong đại). Khi đó, ba vi thần vì phong thần mà nói pháp, dứt trừ kiến giải sai lầm, trình bày sự lợi ích hoan hỷ và luận về bố thí, trì giới và về sanh thiên, nói dục là bất tinh, các lậu hoặc là đau khổ, pháp giải thoát là trên hết, trình bày tường tận về Phạm hạnh. Lúc đó, ba vị thần biết tâm niệm phong thần đã nhu nhuyến, hoan hỷ, tin hiểu, không còn bị ngăn che, dễ dàng được khai hóa. Ba vị ấy cũng theo thông lệ của chư Phật mà trình bày rộng rãi về khổ Thánh dế, tập Thánh đế, diệt Thánh đế, đạo Thánh đế. Bấy giờ, phong thần liền xa lìa trần cấu, được sự thanh tịnh của pháp nhãn. . r y r A Ví như chiêc áo trăng sạch sẽ thì dê nhuộm thăm màu. Phong thân cũng vậy, tín tâm đã thanh tịnh, được pháp nhãn, không còn nghi ngờ, chắc chắn chứng quả, không còn đọa vào đường ác, không còn khuynh hướng theo đạo khác, thành tựu 5 .v pháp vô úy9 liên nói với ba vị thân: "Nay tôi xin quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, trọn đời nguyện không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Hãy chấp nhận tôi ở trong Chánh pháp làm một vi iru-bà-di, có tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh, không còn phá phách chúng sanh!" Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Mây có bốn thứ. Bốn thứ ấy là gì? Một là màu trắng, hai là màu đen, ba là màu đỏ, bôn là màu hông. Nêu mây màu trăng là vì địa đại nhiêu hơn. Nêu mây màu đen là vì thủy đại nhiều hơn. Nếu mây màu đỏ là vì hỏa đại nhiều hơn. Nêu mây màu hông là vì phong đại nhiêu hơn. Mây cách mặt đất mười dặm, hai

r • r L 9 9 r mươi dặm, ba mươi dặm, bôn mươi dặm, cho đên bôn ngàn dặm. Từ khi kiêp SÔ mới thành lập mây lên đên Quang Am thiên. Chớp có bốn loại. Bốn loại ấy là gì? Chớp ở phương Đông gọi là Thần Quang. Chớp ở phương Nam gọi là Nan Hủy. Chớp ở phương Tây gọi là Lưu Diệm. Chớp ở phương Bác gọi là Định Minh. Vì sao mây trong hư không lại có ánh chớp này? Có khi Than Quang và Nan Hủy chạm nhau, hoặc có khi Than Quang và Lưu Diệm chạm nhau, hoặc có khi Thần Quang và Đinh Minh chạm nhau, hoặc có khi Nan Hủy và Lưu Diệm chạm nhau, hoặc có khi Nan Hủy và Đinh Minh chạm nhau. Do đó nên trong hư không có ánh chớp sanh khởi. Vì sao trong mây ở hư không có tiếng sấm sét? Vì mây trong hư không có khi địa đại và thủy đại chạm nhau, hoặc có khi địa đại cùng hỏa đại chạm nhau, hoặc có khi địa đại cùng phong đại chạm nhau, hoặc có khi thủy đại cùng hỏa đại chạm nhau, hoặc có khi thủy đại cùng phong đại chạm nhau. Vì lý do đó nên trong mây ở hư không có tiếng sét sanh khởi. Có năm trường hợp mà các thày tướng tiên đoán về mưa không thể biết được một cách chác chăn mà vướng sai lâm. Năm trường hợp ây là gì? Một là mây có sấm chớp, thầy tướng đoán rằng: "Sắp mưa.,, Nhưng vì hỏa đại nhiều, cho nên thiêu hủy mây đi, do đó không mưa. Đó là lý do thứ nhất làm cho thầy tướng đoán sai lâm. Hai là mây có sâm chớp, thây tướng đoán răng: "Sp mua.” Nhưng vì có phong đại nôi lên thôi mây bay đi tứ tán vào trong các núi. Đó là lý do thứ hai làm cho thầy tướng đoán sai lầm. Ba là có sấm chớp, thầy tướng đoán rằng: “Sắp mưa.99 Nhưng bấy giờ Đại A-tu-luân đem mây frôi lơ lửng đặt giữa . 2 X . __ r X ỉ biên cả. Đó là lý do làm cho thây tướng đoán sai lâm. Bôn là mây có sâm chớp, các thây tướng bảo: uSăp mua." Nhưng vì thân mây, thân mưa mải lo phóng túng, dâm loàn nên cuôi cùng không làm mưa xuông. Đó là lý do làm cho thây tướng đoán sai lâm. Năm là mây có sâm chớp, các thây tướng đoán răng: "Sáp mua." Nhưng vì thế nhân hành động phi pháp, phóng tủng, thực hành bất tịnh, xan tham, tật đố, tà kiến, điên đảo, cho nên khiến trời không mưa. Vì lý do đó nên thầy tướng đoán sai lầm. Đó là năm trường hợp làm cho thầy tướng đoán ve mưa không biết chắc được có mưa hay không.

30. KINH THẾ KÝ* 441

9. PHẨM TAM TAI

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Có bốn sự kiện trường cửu, không có hạn lượng, không thể dùng ngày, tháng, năm mà tính được. Bôn sự kiện ây là gì? Một là hỏa tai ở thê gian dân dần bộc phát, trong khi tiêu hủy thế gian này thì khoảng thời gian để thành lập thế gian khác thật lâu dài, không có hạn lượng, không thể dùng ngày, tháng, năm mà tính được. Hai là sau khi thế gian này tiêu hoại cho đến khi thành hình trở lại thì thế giới có một sự trống không, không có thế gian rất lâu dài, không thể dùng ngày, tháng, năm mà có thể tính được. Ba là khi trời đất bắt đầu thành lập trở lại thì khoảng trung gian đó thật lâu dài, không có thể dùng ngày, tháng, năm mà tính được. Bốn là khi trời đất thành lập xong thì tồn tại lâu dài, không bị tiêu hủy, không thê dùng ngày, tháng, năm mà tính được. Đó là bôn sự kiện lâu dài, không thể dùng ngày, tháng, năm mà tính được. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Thế gian có ba tai nạn. Ba tai nạn ấy là gì? Một là

hỏa tai; hai là thủy tai; ba là phong tai. Có ba cối trên có ba tai nạn. Ba cõi ấy là gì? Một là Quang Âm thiên; hai là Biến Tịnh thiên; ba là Quả Thật thiên. Nếu khi hỏa tai bộc phát lên đến cõi Quang Âm thiên thì lấy Quang Âm thiên làm giới hạn. Nếu khi thủy tai phát khởi lên đến Biến Tịnh thiên thì lấy cõi Biến Tinh thiên làm giới hạn. Nếu như phong tai nổi lên đến Quả Thật thiên thì lấy Quả Thật thiên làm giới hạn. Thể nào là hỏa tai? Nghĩa là khi hỏa tai sắp phát khởi thì có những người ở thê gian này tu hành theo Chánh pháp, có chánh kiên, không điên đảo, tu hành thập thiện. Khi thực hành các pháp ây thì có người chứng Đệ nhị thiên, tức thời hớn hở, thân bay lên hư không, cộng trú với Thánh, với trời, với Phạm thiên và nói lớn: "Này chư Hiền, nên biết, không giác, không quán là niềm hoan lạc ở Nhị thiền thiên.” Bây giờ, người ở thê gian nghe âm thanh ây thời liên ngước lên không mà nói với người ấy: "Lành thay, lành thay! Xin hãy vì tôi mà nói đạo lý của Đệ nhị thiền không giác, không quán!^, Khi ấy, trên hư không người đó nghe xong, liền vì họ mà nói đạo lý của Đệ nhị thiền không giác, không quán. Lúc đó người thế gian khi nghe nói như thế

xong liên tu tập Đệ nhị thiên không giác, không quán, roi sau khi lâm chung được sanh về Quang Âm thiên. Bấy giờ, chúng sanh ở địa ngục hết tội lỗi thì qua đời, lại sanh vào nhân gian và tu tập Đệ nhị thiền không giác, không quán. Khi qua đời, họ được sanh về Quang Ảm thiên. Cho đến loài súc sanh, nga quỷ, a-tu-luân, Tứ Thiên Vương, Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên, Phạm thiên, chúng sanh qua đời và sanh lại nhân gian tu tập pháp Đệ nhị thiền không giác, không quán. Sau khi họ qua đời, được sanh về Quang Âm thiên. Do nhân duyên này nên chúng sanh ở địa ngục, súc sanh, nga quỷ, a-tu-luân, cho đến Phạm thiên đều hết. Lúc đó, đầu tiên là địa ngục hết, sau đó súc sanh hết. Súc sanh hết rồi thì nga quỷ hết. Nga quỷ hết rồi thì a-tu-luân hết. A-tu-luan hết rồi thì Tứ Thiên Vương hết. Tứ Thiên Vương hết rồi thì Đao-lợi thiên hết. Đao-lợi thiên hết rồi thì Diệm-ma thiên hết. Diệm-ma thiên hết rồi thì Đâu-suất thiên hết. Đâu-suất thiên hết rồi thì Hóa Tự Tại thiên hết. Hóa Tự Tại thiên hết rồi thì Tha Hóa Tự Tại thiên hết. Tha Hóa Tự Tại thiên hết rồi thì Phạm thiên hết. Phạm thiên hết rồi thì sau đó loài người hết, không còn một cái gì khác. Khi con người hết, không còn cái gì cả thì thế gian này bắt đầu bị tiêu hoại. Lúc đó thành ra hỏa tai. Sau trời không mưa, các loại lúa mạ, cỏ cây đều bị khô cháy mà chết. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Do đó nên biết tất cả các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu tìm đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó khá lâu, có một trận gió dữ bộc khởi thổi biển nước lớn. Nước biển với chiều sâu tám mươi bon ngàn do-tuần bi gió thoi vẹt qua hai bên. Trận gió đem cung điện mặt trời đặt vào lưng chừng núi Tu-di, cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuân và đê mặt trời giữa nhật đạo. Do đó, thê gian có hai mặt trời xuất hiện. Hai mặt trời xuất hiện khiên cho thê gian này, bao nhiêu sông nhỏ, kênh, rạch, dòng nước nhỏ đều bị khô cạn. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Do đó nên biết tất cả các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hau ra khỏi the gian này. Sau đó khá lâu, có một trận gió dữ phát sanh. Nước biển với chiều sâu tám vạn bốn ngàn

do-tuần9 bi trận gió thổi cơn gió đem cung điện mặt trời đặt ở lưng chừng núi Tu-di cách mặt đất bốn vạn hai ngàn do-tuần và để mặt trời giữa nhật đạo. Do đó, thế gian có ba mặt trời xuất hiện. Khi ba mặt trời xuất hiện thì sông Hăng, sông Da-bà-na, sông Bà-la, sông A-di-la-bà-đê, sông A-na-khiêp, sông Tân-đà, sông cố-xả đều khô cạn, không còn gì cả.

30. KINH THẾ KÝ 443

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: . £ r y .k # Do đó nên biêt tát cả các hành đêu vô thường, biên dịch, hư hoại, không y đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải câu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó khá lâu, có một trận gió dữ bộc phát thổi nước biển với chiều sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần khiến nước biển vẹt qua hai bên, đem cung điện mặt trời đặt vào lưng chừng núi Tu-di và để vào nhật đạo. Do đó, thế gian có bốn mặt trời xuất hiện. Khi bôn mặt trời xuất hiện thì các ao ở thê gian như ao Thiện Kiến, ao A-nậu-đạt, ao Tứ phương Đà-diên, ao Ưu-bát-la, ao Câu-vật-đầu, ao Phân-đà-lợi ngang dọc năm mươi do-tuân thảy đêu khô cạn. Do đó nên biết các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hàu thoát khỏi thế gian này. Sau đó khá lâu, có một trận gió dữ phát khởi, thổi nước biển làm vẹt nước qua hai bên, đem cung điện mặt trời đặt vào lưng chừng núi Tu-di và để vào nhật đạo. Do đó, thế gian có năm mặt trời xuất hiện. Khi đã có năm mặt trời thì nước các biển lớn giảm dần từ trăm do-tuần cho đến bảy trăm do-tuần. Do đó nên biêt các hành là vô thường, biên dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cau đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. r e 7 y x r Bây giờ, nước biên cả dân dân cạn hét, chỉ còn lại khoảng bảy trăm do- tuân, sáu trăm do-tuân, năm trăm do-tuân, bôn trăm do-tuân, cho đên một trăm do-tuần. Thê nên phải biêt các hành đêu vô thường, biên dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán. Vậy phải càu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Bây giờ, nước biên giảm dân từ bảy do-tuân, sáu do-tuân, năm do-tuân9 cho đến còn một do-tuần. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: .L y 9 r —Do đó nên biêt các hành đêu vô thường, biên dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cau đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó, nước biển lớn giảm dần đến bảy cây đa-la, sáu cây đa-la, cho đến một cây đa-la. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Do đó phải biết các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này.

444 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Sau đó, nước biển cạn dần, cho đến còn bằng chiều cao của bảy người, sáu người, năm người, bốn người, ba người, hai và một người. Nhẫn đến ngang lưng, ngang đâu gói, ngang bàn chân. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Do đó nên biết các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó, nước biển cạn dần cũng như cơn mưa vào mùa xuân, rồi như nước trong dâu chân trâu, cho đên hét,

không còn quá một ngón tay người. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Do đó nên biết các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tưa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó khá lâu, có một trận gió dữ bộc phát thổi cát đáy biển, sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần bay lên nằm trên hai mé bờ, gió đem cung điện mặt trời đặt vào lưng chừng núi Tu-di và ngay nhật đạo. Do đó, thế gian thấy sáu mặt trời xuất hiện. Khi sáu mặt trời đã xuất hiện thì bốn chau thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác và các núi, núi lớn, núi chúa Tu-di đều bốc khói cháy tiêu. Cũng như người thợ gốm khi mới bắt đàu đun đò gốm, lúc sáu mặt trời xuất hiện cũng vậy. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Do đó nên biêt các hành đêu vô thường, biên dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó khá lâu thì có một trận gió dữ bộc phát thổi cát đáy biển sâu tám mươi bốn ngàn do-tuần9 bay lên nằm trên hai mé bờ. Gió đem cung điện mặt trời đặt vào lưng chừng núi Tu-di, và để vào nhật đạo. Do đó5 thế gian thấy có bảy mặt trời xuất hiện. Khi đã có bảy mặt trời thì bốn châu thiên hạ, tám vạn thiên hạ khác và các núi, núi lớn, núi chúa Tu-di thảy đều bừng cháy. Cũng như người thợ gôm đót lửa trong lò, lúc bảy mặt trời xuất hiện cũng vậy. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Do đó nên biết tất cả các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Khi mà bốn châu thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác và các núi, núi Tu- di thảy đều tiêu rụi, đồng thời cung điện Tứ Thiên Vương, Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên và cung điện cũng đều cháy cả.

30. KINH THẾ KÝ 445

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Do đó nên biết tất cả các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Bấy giờ, bốn thiên hạ cho đến Phạm thiên đã bị lửa đốt cháy tiêu tan. Gió thổi lửa cháy lên đến Quang Âm thiên, các vị thiên tử mới sanh ở cõi đó trông thấy lửa cháy lấy làm lo sợ và nói: “Oi! vát gi dây?” Các vị thiên sanh trước nói với các vi thiên sanh sau: r r "Dừng sợ! Lửa ây chỉ đên ngang đây là dừng lại." Do vì chỉ nghĩ đến lửa trước mặt nên gọi là Quang Niệm thiên. Khi bốn thiên hạ cho đến Phạm thiên, lửa đã đốt cháy tiêu tan thì núi chúa Tu-di dân dân đô nát từ một trăm do-tuân, hai trăm do-tuân, cho đên bảy trăm do-tuân. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Do đó nên biết tất cả các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Bây giờ, bôn thiên hạ cho đên Phạm thiên đã bị đót cháy tiêu tan, sau đó địa đại và núi Tu-di đều cháy tiêu chẳng còn gì. Do đó nên biêt, tát cả các hành đêu vô thường, biên dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Khi lửa thiêu cháy hết đất thì tất cả nước dưới đất hết, gió dưới nước hết. Do đó nên biêt các hành đêu vô thường, biên dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hâu thoát khỏi thê gian này. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Khi hỏa tai khởi lên thì trời không mưa

nữa. Trăm giống lúa, cỏ cây đều chết khô. Ai mà tin được việc ấy? Chỉ có người thấy mới tự biết mà thôi. Cứ như thế cho đến nước dưới đất hết, gió dưới nước hết. Ai tin việc đó? Chỉ có người thấy mới tự biết mà thôi. Đó là hỏa tai. Thế nào là hỏa kiếp? Sau đó khá lâu, bỗng có vầng mây đen ở trong hư không lên đến Quang Âm thiên làm cho mưa khắp nơi, hạt mưa to như bánh xe, mưa như thế cho đến trăm ngàn năm, mực nước tăng dân dân lên, cao đên không biêt bao nhiêu là trăm ngàn do-tuần, cho đến Quang Âm thiên. Lúc đó5 có bốn trận gió lớn bộc

phát làm mực nước dừng lại. Bốn trận gió ấy là gì? Một là Trụ phong, hai là Trì phong, ba là Bất Động phong, bốn là Kiên cố phong. Sau đó, mực nước giảm khoảng một trăm ngàn do-tuân, giảm vô sô trăm ngàn vạn do-tuân. Nước ây bôn bề đều có trận gió lớn tên là Tăng-già khởi lên, gió thổi làm nước động mà nổi sóng, bọt nước tích tụ lại. Gió thổi làm bọt nước rời khỏi vi trí, bay lên trên hư không, tự nhiên rắn chắc, biến thành thiên cung được trang trí bằng bảy báu. Do nhân duyên này mà có cung Phạm-ca-di thiên. Rồi mực nước giảm xuống một trăm ngàn do-tuân cho đên vô sô trăm ngàn vạn do-tuân, bôn bê nước có trận gió lớn tên là Tăng-già khởi lên. Gió thổi làm cho nước động mà nổi sóng, bọt nước tích tụ lại. Gió thổi làm bọt nước rời khỏi vi trí, bay lên trên hư không, tự nhiên , , , \ răn chác, biên thành thiên cung được trang trí băng bảy báu. Do nhân duyên này mà có cung Tha Hóa Tự Tại thiên. Roi mực nước giảm dân cho đên vô sô trăm ngàn vạn do-tuần. Bốn bề nước có trận gió lớn tên là Tăng-già khởi lên. Gió thổi làm cho nước động mà nổi sóng, bọt nước tích tụ lại. Gió thổi làm bọt nước rời : e L r r khỏi vi trí, bay lên trên hư không, tự nhiên răn chác, biên thành thiên cung, được trang trí băng bảy báu. Do nhân duyên này mà có cung Hóa Tự Tại thiên. Roi mực nước giảm dần cho đến vô số trăm ngàn do-tuần. Có trận gió Tăng-già thổi làm cho nước động mà nổi sóng, làm bọt nước tích tụ lại. Gió thổi làm bọt nước rời khỏi vị trí, bay lên trên hư không, tự nhiên răn chác, biên thành thiên cung được trang trí băng bảy báu. Do nhân duyên này mà có cung Đâu-suất thiên. Roi mực nước giảm dân cho đên vô sô trăm ngàn do-tuân. Có trận gió Tăng-già thổi làm cho nước động mà nổi sóng, bọt nước tích tụ lại. Gió thổi làm bọt nước rời khỏi vi trí, bay lên hư không, tự nhiên ran chắc và biến thành thiên cung. Do nhân duyên này mà có cung Diệm-ma thiên. Roi mực nước giảm xuông dân cho đên vô sô trăm ngàn do-tuân. Trên mặt nước có bọt, sâu sáu mươi vạn tám ngàn do-tuần9 bốn bề không có giới hạn; ví như các dòng nước ở thê gian này, trên nước có bọt, đây cũng như thê. Vì sao có núi Tu-di? Vì có trận gió lốc nổi lên, thổi bọt nước ấy chụm lại mà thành núi Tu-di cao mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, rộng tám mươi bốn ngàn do-tuần9 do bốn báu tạo thành, đó là vàng, bạc, thủy tinh, lim ly. Vì sao có bốn cung điện a-tu-luân? Sau khi gió xoáy thổi vào nước lớn, các bọt nước bay lên ở bôn bên núi Tu-di tạo thành các cung điện lớn, mỗi cung điện ngang dọc tám vạn do-tuần, tự nhiên biến thành cung điện bảy báu. Vì sao có cung điện Tứ Thiên Vương? Vì sau đó cơn gió lóc thôi các bọt của biển lớn bay lên lưng chừng núi Tu-di, cao tám vạn hai ngàn do-tuần5 tự nhiên biến thành cung điện bằng bảy báu. Vì thế nên gọi là cung điện Tứ Thiên Vương. Vì sao có cung điện Đao-lợi thiên? Vì sau đó có cơn gió lốc thổi các bọt nước biển bay lên trên đỉnh núi Tu-di rồi tự nhiên biến thành cung điện

bằng bảy báu.

30. KINH THẾ KÝ 447

Vì sao có núi Già-đà-la? Vì sau đó có cơn gió lốc thổi các bọt nước biển cách núi Tu-di không xa, tư nhiên biến thành núi báu, chân núi ăn sâu vào lòng đất bốn vạn hai ngàn do-tuần5 ngang dọc rộng bon mươi hai ngàn do-tuần, giáp vòng núi bao la gom có những màu sắc hỗn hợp do bảy báu tạo thành. Do nhân duyên đó nên có núi Già-đà-la. Vì lý do gì lại có núi Y-sa? Vì sau đó, gió lốc nổi lên thổi các bọt nước biển cách núi Già-đà-la không xa rồi tự nhiên biến thành núi Y-sa, cao hai vạn một ngàn do-tuần, ngang dọc rộng hai vạn một ngàn do-tuàn9 giáp vòng núi bao la có màu sắc xen kẽ? do bảy báu tạo thành. Do nhân duyên đó nên có núi Y-sa. Sau đó, có trận gió lóc nôi lên, thôi bọt nước biên cách núi Y-sa không xa, tự nhiên biến thành núi Thọ-thần-đà-la, cao một vạn hai ngàn do-tuần, ngang dọc rộng một vạn hai ngàn do-tuần, giáp vòng núi bao la có màu sắc xen kẽ do bảy báu tạo thành. Vì nhân duyên đó nên có núi Thọ-thần-đà-la. Sau đó, có trận gio lốc nổi lên thổi bọt nước biển cách núi Thọ-thần-đà-la không xa, tự nhiên biến thành núi A-bát-nê-lâu, cao sáu ngàn do-tuần, ngang dọc sáu ngàn do-tuần, giáp vòng núi bao la có màu sắc xen kẽ do bảy báu tạo thành. Vì nhân duyên đó nên có núi A-bát-nê-lâu. Sau đó5 có trận gió lốc nổi lên thổi bọt nước biển, cách núi A-bát-nê-lâu không xa, tự nhiên biến thành núi Ni-lân-đà-la, cao ba ngàn do-tuần? ngang dọc rộng ba ngàn do-tuần, giáp vòng núi bao la có màu sắc xen kẽ do bảy báu tạo thành. Vì nhân duyên đó nên có núi Ni-lân-đà-la. Sau đó, có trận gió lốc thổi bọt nước biển, cách núi Ni-lân-đà-la không xa, tự nhiên biến thành núi Tỳ-ni-đà cao một ngàn hai trăm do-tuần, ngang dọc rộng một ngàn hai trăm do-tuần, giáp vòng núi bao la do bảy báu tạo thành, màu sắc xen kẽ. Vì nhân duyên đó nên có núi Tỳ-ni-đà. Sau đó, có trận gió lóc thôi các bọt nước biên, cách núi Tỳ-ni-đà không xa, tự nhiên biến thành núi Kim Cang Luân, cao ba trăm do-tuần? ngang dọc rộng ba trăm do-tuần? giáp vòng núi bao la có màu sắc xen kẽ do bảy báu tạo thành. Vì lý do đó nên có núi Kim Cang Luân. Vì sao có một mặt trăng và bảy mặt trời? Sau đó có cơn gió lốc thổi các bọt nước biển, tự nhiên biến thành một cung điện mặt trăng, bảy cung điện mặt trời, có màu sắc xen kẽ do bảy báu tạo thành, rồi bị gió dữ thổi trở lại vị trí cũ. Vì nhân duyên đó nên có cung điện mặt trời, mặt trăng. Sau đó, có trận gió lớn thổi bọt biển, tự nhiên biến thành bốn thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác. Vì lý do đó mà có bốn thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác. Sau đó, có trận gió lốc thổi các bọt nước ở trên mặt của bốn châu thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác, tự nhiên biến thành núi Đại Kim Cang Luân cao mười sáu vạn tám ngàn do-tuần9 ngang dọc rộng mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, giáp vòng núi bao la do kim cang rắn chắc tạo thành, không thể phá hoại. Vì nhân duyên đó nên có núi Đại Kim Cang Luân.

448 KINH TRƯỜNG A-HÀM

.v thời gian khá lâu thì tự nhiên có mây kháp cả hư không, mưa Sau rđó, một 9

lớn đô khăp nơi, hạt mưa lớn như bánh xe, mực nước lan tràn, mênh mông làm chìm đắm bốn châu thiên hạ và núi Tu-di... Sau đó, có cơn gió lốc thổi đại địa làm thành hố

lớn và nước rút hết vào r e 9 2 • 2

trong đó, nhân đây mà có biên. Vì nhân duyên đó nên có nước bôn biên. Có ba nhân duyên khiến nước biển mặn chát. Ba nhân duyên ấy là gì? r __ A Một là có mây tự nhiên bao phủ cả hư không cho đên Quang Am thiên, mưa khắp mọi nơi, rửa sạch thiên cung, quét sạch thiên hạ. Từ Phạm-ca-di thiên cung, Tha Hóa Tự Tại thiên cung, xuống đên Diệm-ma thiên cung, bôn thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác cùng các núi, núi lớn, núi chúa Tu-di cũng đều bị quét sạch. Trong đó, có những nơi gồm có những chất mặn đắng, bất tịnh \ 9 . • 9 J

đêu chảy vào biên, hợp thành một vị. Cho nên nước biên có vị mặn. Hai là thuở xưa, có vị đại tiên niệm chú làm cho nước biển mặn mãi khiến người ta không uống được. Cho nên nước biển mặn. Ba là trong biển cả có rất nhiều loại chúng sanh ở5 thân vừa to, vừa dài, hoặc trăm do-tuần9 hai trăm do-tuần, cho đến bảy trăm do-tuần? hô hấp bài tiết ở trong đó. Cho nên nước biển mặn. Đó là hỏa tai. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: —Thế nào là thủy tai? Khi thủy tai phát khởi thì con người ở thế gian này thực hành theo Chánh pháp, có chánh kiến, không tà kiến, tu thập thiện. Sau khi đã thực hành các thiện hạnh thì có người đác Đệ tam thiên vô hỷ, nhảy lên hư không cộng trú với Thánh, trời, Phạm thiên và nói lớn: —"Này chư Hiền, nên biết, Đệ tam thiền vô hỷ là vui! Đệ tam thiền vô hỷ là vui!” Khi những người ở thế gian nghe âm thanh ấy, liền ngước đầu lên hư không mà nói: "Lành thay, lành thay! Cúi xin ngài hãy vì tôi mà nói pháp Đệ tam thiền vô hỷ!" Khi ây, người trên hư không nghe như thê, liên vì họ mà nói vê Đệ tam thiên vô hỷ. Các người thế gian sau khi nghe xong bèn tu Đệ tam thiền. Rồi sau khi mạng chung được sanh về Biến Tịnh thiên. Bấy giờ, các chúng sanh ở địa ngục đã hết tội lỗi, bèn sanh vào nhân gian mà tu Đệ tam thiền. Sau khi mạng chung được sanh về Biến Tịnh thiên. Các loài súc sanh, nga quỷ, a-tu-luân? Tứ Thiên Vương, Đao-lợi thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên, Phạm thiên, Quang Âm thiên, sau khi mạng chung lại sanh vào nhân gian tu Đệ tam thiền. Sau khi mạng chung được sanh vê cõi Biên Tịnh thiên. Do nhân duyên đó mà chúng sanh ở địa ngục đều hết. Chúng sanh thuộc súc sanh, nga quỷ, a-tu-luân, Tứ Thiên Vương cho đến Quang Âm thiên đều hết.

30. KINH THẾ KÝ 449

Trong khi đó, trước tiên là chúng sanh ở địa ngục hết, sau đó súc sanh hết. Súc sanh hết thì đến nga quỷ hết; nga quỷ hết thì đến a-tu-luân hết; a-tu-luan hết thì đến Tứ Thiên Vương hết; Tứ Thiên Vương hết thì đến Đao-lợi thiên hết; Đao-lợi thiên hết thì đến Diệm-ma thiên hết; Diệm-ma thiên hết thì đến Đâu- suất thiên hết; Đâu-suất thiên hết thì đến Hóa Tự Tại thiên hết; Hóa Tự Tại thiên hết thì đến Tha Hóa Tự Tại thiên hết; Tha Hóa Tự Tại thiên hết thì đến Quang Âm thiên hết; Quang Ầm thiên hết thì đến người hết, không còn gì. Thế gian này tiêu hoại mà thành ra hỏa tai. Sau đó khá lâu, có vầng mây đen bộc khởi, lên cho đến Biến Tinh thiên và mưa khắp cả pháp giới, mưa toàn nước nóng, nước nóng văng lên như mũi tên nóng, nước văng lên đến cung điện chư thiên làm cho cháy rụi, không còn gì cả. Cũng như dầu, bơ bỏ vào trong lửa liền bị cháy tiêu, không còn gì cả; ở cung Quang Âm thiên cũng vậy. Do đó nên biết rằng tất cả

hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó, nước mưa tràn ngập cung điện Phạm-ca-di thiên và làm cháy tiêu tan, không còn gì. Cũng như dầu, bơ bỏ vào lửa thì chẳng còn gì cả, cung Phạm- ca-di thiên cũng vậy. Sau đó5 nước mưa tran ngập cung Hóa Tự Tại, Tha Hóa Tự Tại, Đâu-suất, Diệm-ma thiên. Tất cả đều cháy tiêu, không còn gì. Cũng như dầu, bơ bỏ vào lửa thì chẳng còn gì cả, các thiên cung bị cháy cũng vậy. Sau đó, nước mưa này tràn ngập bốn thiên hạ và tám vạn thiên hạ khác, cũng như các núi, núi lớn, núi chúa Tu-di, tất cả đều bi cháy rụi, không còn gì cả. Cũng như dầu, bơ bỏ vào lửa thì không còn gì cả, các thứ trên bị cháy tiêu cũng thế. Do đó nên biêt răng tát cả hành đêu vô thường, biên dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó, nước mưa này làm tiêu cả đại địa không còn gì cả. Nước dưới đất hết. Gió dưới nước hết. Do đó nên biết rằng tất cả hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm các pháp hữu vi thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Cung Biên Tịnh thiên bị cháy tiêu tan, ai mà tin được? Chỉ có ai riêng thây thì tự mình biết. Cung Phạm-ca-di thiên bi cháy tiêu tan, cho đến nước dưới đất hết, gió trong nước hết, ai mà tin được? Chỉ có ai riêng thấy thì tự mình biết. Đó là thủy tai.

Thế nào là thủy tai lần thứ hai? Sau đó, khá lâu thì có vầng mây đen lớn phủ khắp cả hư không, cho đến Biến Tịnh thiên, mưa đổ khắp nơi. Hạt mưa như bánh xe, mưa đến vô số trăm ngàn vạn năm. Nước cao dần dần đến Biến Tịnh thiên thì có bốn ngọn gió chặn đứng lại. Bốn ngọn ệiỏ ấy là gì? Một là Trụ phong, hai là Trì phong, ba là Bất Động, bốn là Kiên Co. Sau đó nước mưa giảm xuống dần vô số trăm ngàn do-tuần. Bốn bề đều có gió lớn nổi lên, tên là Tăng-già thổi nước dao động, phát sanh sóng, bọt nước kết tụ lại. Gió thổi nước ra khỏi vị trí bay lên hư không, tự nhiên biến thành cung Quang Âm thiên, được trang trí bằng bảy báu. Do nhân duyên đó mà có Quang Âm thiên. Nước giảm vô số trăm ngàn do-tuần. Cơn gió tên là Tăng-già ấy thổi làm nước động, phát sanh sóng, bọt nước kết tụ lại. Gió thổi nước rời khỏi vị trí lên trên hư không, tự nhiên biến thành cung Phạm-ca-di thiên, được trang trí bằng bảy báu, như thế cho đến nước biển toàn một vị mặn, cũng như trường hợp lúc hỏa tai bộc phát lần thứ hai. Đó là thủy tai. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Thế nào là phong tai? Khi phong tai khởi lên thì con người ở cõi này đều tu hành theo Chánh pháp, có chánh kiến, không có tà kiến, tu thập thiện. Khi tu hành các thiện hạnh thì có người chứng được Đệ tứ thiền hộ niệm thanh tinh, bay lên hư không cộng trú với Thánh nhân, trời, Phạm thiên và nói lớn: "Này chư Hiền, Đệ tứ thiền hộ niệm thanh tịnh là vui." Bay giơ, ngươi ơ the gian nghe cau ay liên nhìn len hư không va noi: “Lành thay, lành thay! Cúi xin ngài hãy vì tôi mà giảng về con đường Đệ tứ thiền hộ niệm thanh tjnh!" LÚC đó, ở hư không, người ây bèn vì những người thê gian mà nói con đường Đệ tứ thiên hộ niệm thanh tịnh. Các người thê gian khi nghe giảng xong liền tu hành theo con đường Đệ tứ thiền hộ niệm thanh tịnh. Sau khi mạng chung được sanh về Quả Thật thiên. Bấy ệiờ? chúng sanh ở địa ngục đã hết tội lỗi bèn sanh vào nhân gian lại tu Đệ tứ thiên. Sau khi mạng

chung được sanh về Quả Thật thiên, cho đen các loài chúng sanh thuộc nga quỷ5 a-tu-luân, Tứ Thiên Vương cho đến Biến Tịnh thiên, các chung sanh này sau khi mạng chung được về cõi người, tu Đệ tứ thiền, sau khi mạng chung được sanh về cõi Quả Thật thiên. Do nhân duyên đó mà không còn chúng sanh ở địa ngục, súc sanh, nga quỷ, a-tu-luân, Tứ Thiên Vương cho đến Biến Tịnh thiên đều hết. Bấy giờ, chilng sanh ở địa ngục hết trước rồi đến súc sanh hết; súc sanh hết rồi đến nga quỷ hét; nga quỷ hết thì đến a-tu-luân hết; a-tu-luan hết thì đến Tứ Thiên Vương hết; Tứ Thiên Vương hết... cứ thế cho đến Biến Tịnh thiên hết; Biến Tịnh thiên hết thì sau đó người hết, không còn ai. Người hết không còn ai cả thì the gian tiêu hủy.

Sau đó khá lâu có frận gió lớn nổi lên, tên là Đại Tăng-già. Gió thổi đến Quả Thật thiên. Gió nổi dậy bốn bề, thổi cung Biến Tịnh thiên, Quang Âm thiên, làm cho các cung điện va chạm nhau, tan nát như bụi cám. Cũng như người lực sĩ cầm hai chày đồng đập vào nhau mà làm cho tan nát không còn gì, hai cung điện va chạm nhau cũng như thế. Do đó nên biết rằng tất cả các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó trận gió này thổi đến các cung Phạm-ca-di thiên, Hóa Tự Tại, Tha Hóa Tự Tại làm cho các cung điện va chạm vào nhau tan nát như bụi cám, không còn gì. Ví như lực sĩ cầm hai chày đồng đánh vào nhau, hai cung va chạm vào nhau cũng như thế. Do đó nên biêt răng tát cả các hành đêu vô thường, biên dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật đáng nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó, ngọn gió này thổi đến các cung Hóa Tự Tại, Đâu-suất thiên, Diệm- ma thiên làm cho các cung va chạm vào nhau tan nát như bụi cám mà chẳng còn gì. Cũng như lực sĩ cầm hai chày đồng đập vào nhau làm cho tan nát, không còn gì cả. Các cung điện ấy khi va chạm vào nhau cũng vậy. Do đó nên biết rằng tất cả các hành cả đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật là nhàm chán, phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó, cũng chính ngọn gió này thổi đến bốn thiên hạ, tám vạn thiên hạ khác, các núi, núi lớn, núi chúa Tu-di? đều bi bay lên hư không, cao trăm ngàn do-tuần? các hòn núi tung lên, va chạm vào với nhau mà tan nát như bụi cám. Cũng như lực sĩ tay nắm trấu nhẹ rải trong không trung. Bốn thiên hạ, các núi, núi Tu-di cũng đều phân tán như vậy. Do đó nên biết rằng tất cả các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật là nhàm chán. Vậy phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Sau đó thì cơn gió này thổi tiêu hết đất. Nước dưới đất hết. Gió dưới nước hết. Do đó nên biết rằng tất cả các hành đều vô thường, biến dịch, hư hoại, không đáng nương tựa. Phàm là các pháp hữu vi thì thật là nhàm chán. Vậy phải cầu đạo giải thoát, hầu thoát khỏi thế gian này. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Khi cung Quang Âm thiên và cung Biến Tịnh thiên va chạm vào nhau tan nát như bụi cám. Ai có thể tin việc ấy? Chỉ riêng người nào nhìn thấy thì mới biết được mà thôi. Như thế, cho đến nước dưới đất hết, gió trong nước hết. Ai

CÓ thể tin việc ấy? Chỉ người nào nhìn thấy thì mới biết được mà thôi. Đó là phong tai. Thế nào là phong tai lần thứ hai? Sau đó khá lâu thì có vầng mây đen lớn trùm khắp hư không cho đến Quả Thật thiên. Đồng thời mưa xuống, hạt mưa to như bánh xe và mưa như thế đó vô số trăm ngàn vạn năm. Nước mưa tăng dần lên đến Quả Thật thiên. Lúc đó thì có bôn ngọn gió chặn nước lại. Bôn ngọn gió ấy la gì? Một là Trụ phong, hai là Trì phong, ba là Bất Động phong, bốn là Kiên Cố phong. Sau đó, nước giảm xuống dần còn vô số do-tuần9 ngàn do-tuần. Bốn bề nước có gió lớn nôi dậy, tên là Tăng-già thôi nước dao động, phát sanh sóng, bọt nước két tụ lại. Gió thôi nước rời khỏi vị trí bay lên hư không, tự nhiên biên thành cung điện Biến Tịnh thiên có màu sắc xen kẽ do bảy báu tạo thành. Do nhân duyên đó nên có cung Biến Tịnh thiên. Nước ấy giảm xuống vô số trăm ngàn do-tuần. Cơn gió lớn Tăng-già ấy thổi làm cho nước động, phát sanh sóng, bọt nước kết tụ lại. Gió thổi nước rời khỏi vị trí bay lên hư không, tự nhiên biến thành cung Quang Âm thiên có màu sắc xen kẽ, do bảy báu tạo thành. Cho đến nước biên toàn mặn, cũng như trường hợp hỏa tai tái phát lần thứ hai. Đó là phong tai. Những hiện tượng trên là tam tai, cũng là tam phục (ba sự tái phát).

30. KINH THẾ KÝ 453

10. PHẨM CHIẾN ĐẤU

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Thuở xưa, khi chư thiên cùng a-tu-luân đánh nhau, Thích-đề-hoàn-nhân ra lệnh cho chư thiên Đao-lợi: “Nay các ngươi đi đánh với a-tu-luân, nếu đắc thắng phải bắt a-tu-luân Tỳ- ma-chất-đa-la, dùng năm dây trói chặt lại rồi dẫn về giảng đường Thiện Pháp, ta muốn xem tận mặt n6." Khi ấy, chư thiên Đao-lợi vâng lệnh Đế-thích? mỗi cá nhân đều trang bi sẵn sàng. Lúc đó, a-tu-luân Tỳ-ma-chât-đa-la cũng ra lệnh cho các a-tu-luân: "Nay các ngươi đi đánh với chư thiên Đao-lợi, nếu thắng trận phải bắt Thích-đề-hoàn-nhân, dùng năm dây trói chặt lại, rồi dẫn về giảng đường Thất Diệp. Ta muốn xem tận mặt n6.” Khi ấy, các a-tu-luân vâng lệnh a-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la5 mỗi cá nhân đều trang bị sẵn sàng. Bấy giờ, chư thiên và các a-tu-luân đánh nhau. Chư thiên thắng trận, chúng a-tu-luân bỏ chạy. Lúc đó, chư thiên Đao-lợi liền bắt sống vua của a-tu-luân? dùng năm dây trói lại và dẫn về giảng đường Thiện Pháp để trình diện Đế-thích. Lúc đó vua a-tu-luân trông thấy cõi trời vui quá nên sanh tâm ưa thích, liền tự nghĩ: "Cõi này quá đẹp đẽ, ta có thê sông ở đây, roi sau đó ta sẽ vê lại cung a-tu-luân cũng duve." Khi ý niệm ấy phát sanh thì sợi dây đang buộc liền tự mở, đồnệ thời năm thứ dục lạc bỗng nhiên xuất hiện trước mặt. Nếu khi a-tu- luân muốn trở lại bổn cung thì năm sợi dây liền siết lại và năm thứ dục lạc đều biến mất. Lúc đó, a-tu-luân bị trói buộc càng chặt thêm. Nhimg sự trói buộc của ma còn chắc chắn hơn nữa. Chẳng hạn, chấp ngã, nhân thì bị ma trói buộc. Không chấp ngã, nhân thì được giải thoát. Chấp thọ, ngã thì bị trói buộc. Chấp thọ, ái thì bị trói buộc. Chấp ngã là có thì bi trói buộc. Chấp ngã là không cũng bị trói buộc. Chấp ngã là có sắc thì bi trói buộc. Chấp ngã là không có sắc thì bị trói buộc. Chấp nệã là có tưởng thì bị trói buộc. Chấp ngã là không có tưởng thì bị trói buộc. Châp ngã là vừa có tưởng, vừa không có tưởng thì bị trói buộc. Ngã là tai hại lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Cho nên đệ tử Hiền thánh biết ngã là tai hại lớn, là ung nhọt, là gai nhọn và xả bỏ cái tưởng về ngã

mà tu hạnh vô ngã, xem ngã ấy là gánh nặng, là phóng túng.

454 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Chấp hữu vi là có ngã, hay hữu vi là không có ngã; hoặc hữu vi là có sắc, hữu vi là không có sắc; hay hữu vi là vừa có sắc vừa không có sắc; hoặc hữu vi là có tưởng hay hữu vi là không có tưởng; hoặc hữu vi là vừa có tưởng vừa không có tưởng. Cho nên, hữu vi là tai hại lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Thế nên, các đệ tử Hiền thánh biết hữu vi là tai hại lớn, là ung nhọt, là gai nhọn. Vậy phải từ bỏ hữu vi và tu hạnh vô vi. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Thuở xưa, khi chư thiên và a-tu-luân đánh nhau thì Thích-đề-hoàn-nhân ra lệnh cho chư thiên Đao-lợi: uCác ngươi nay hãy đi đánh với a-tu-luân, nêu thăng trận thì phải bát a-tu- luân Tỳ-ma-chất-đa-la5 dùng năm sợi dây trói lại rồi đem về giảng đường Thiện Pháp. Ta muốn nhìn thấy n6!" Khi ấy, chư thiên Đao-lợi vâng lệnh Đế-thích mỗi cá nhân đều trang bị sẵn sàng. Lúc đó, a-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la cũng ra lệnh cho các a-tu-luân: “Nay các ngươi hãy đi đánh với chư thiên Đao-lợi? nếu thắng trận phải bắt Thích-đề-hoàn-nhân9 dùng năm sợi dây trói lại, rồi đem về giảng đường Thất Diệp. Ta muốn nhìn thấy 116!" Khi ấy, các a-tu-luân vâng lệnh Tỳ-ma-chất-đa-la? mỗi cá nhân đều trang bị sẵn sàng. Bấy giờ, chư thiên và a-tu-luân đánh nhau. Chư thiên thắng trận, a-tu-luân bỏ chạy. Chư thiên Đao-lợi bắt sống a-tu-luân Tỳ-ma-chất-đa-la, dùng năm sợi dây trói lại, rồi đem về giảng đường Thiện Pháp để trình diện Đế-thích. Khi ấy, Đế-thích đi qua đi lại trên giảng đường Thiện Pháp, a-tu-luân từ xa trông thấy Đế-thích, mặc dù bị trói nhưng vẫn thốt ra lời ác, mắng nhiếc Đế-thích. Lúc đó, người hầu Đế-thích đến trước mặt Đế-thích và nói bài kệ: Tại sao Thiên đế sợ, Tự tỏ mình yếu kém, Tu-chất mắng trước điện, vẫn im lặng để nghe? Bấy giờ, Đấ-thích liền dùng bài kệ để đáp người hầu cận: Nó chẳng có sức mạnh, Ta nào có sợ chi, Lẽ đâu hàng đại trí, Cùng kẻ ngu tranh luận. Khi ấy, người hầu Đế-thích bèn nói bài kệ thưa Đế-thích: Nay không trị người ngu, Sợ sau này khó nhẫn. Hãy trừng tri nó thêm, Cho nó tự cải lỗi. Lúc d6, Đế-thích nói bài kệ đáp người hầu: Ta thường nói người trí, Không tranh với người ngu, Họ mắng, người trí nhịn, Thì đã thắng kẻ ngu.

30. KINH THẾ KÝ 455

Bấy giờ, người hầu đọc bài kệ trình Đế-thích: Sở dĩ Thiên đế nhịn, Sợ tổn hạnh người trí. Nhưng người ngu khờ khạo, Cho là vua sợ hãi. r t Ả 1 r Ẩ Người ngu không tự xét, CÓ thê chông với vua, Liều lĩnh đến xúc phạm, Muốn vua, như trâu thua. Khi đó, Đế-thích dùng bài kệ đáp lời người hầu: Người ngu không hiểu biết, Cho là ta sợ hãi, Ta quán đệ nhất nghĩa, Nhẫn nhục là bậc nhất, Ác trong điều ác là, Với sân lại sanh sân. Với sân mà không sân, Là chiến thắng tột đỉnh. Con người có hai việc, Vì mình và vì người, Nếu có người tranh luận, Nhượng bộ là hơn hết. Phàm người có hai việc, Vì mình và vì người, Thấy người không tranh luận, Cho là họ ngu ngốc. Nếu là người sức lớn, Nên nhịn người không sức, Sức ấy là bậc nhất, Hơn hết trong sự nhẫn. Người ngu bảo có sức, Sức ấy không phải sức, Nếu người được sức nhẫn, Sức ấy là vô địch. Bấy giờ, đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Đế-thích thuở đó đâu phải người nào khác mà chính là Ta đấy. Ta lúc đó tu hạnh nhẫn nhục, không làm điều thô bạo, cũng thường tán dương

người tu hạnh nhẫn nhục. Nếu người có trí muốn hoằng dương đạo pháp của Ta thì phải tu hạnh nhẫn nhục, chớ mang lòng tranh luận! Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Thuở xưa, chư thiên Đao-lợi cùng a-tu-luân đánh nhau, bấy giờ Thích-đề- hoàn-nhân nói với a-tu-luân Chất-đa-la: "Ny các khanh, cần gì phải trang bi vũ khí và ôm lòng sân hận, ham đánh phá lẫn nhau. Nay ta sẽ cùng các khanh bàn luận về đạo lý để xem ai thắng, ai bại?" Lúc đó, a-tu-luân Chất-đa nói với Đế-thích: "Giả sử có bỏ vũ khí, có đình chỉ sự tranh đấu để cùng nhau luận bàn đạo lý thì làm sao biết ai thắng, ai bại?" Đế-thích nói: "Chi bàn luận thôi, trong chúng của ngươi và trong hàng chư thiên của ta tất : < .N . , 9 có những người có trí tuệ thì sẽ biêt được ai thăng, ai b@i" Khi ấy, a-tu-luân Chất-đa nói với Đế-thích: "Ngươi hãy nói kệ trước di!" Đế-thích đáp: "Ngươi nguyên là trời, vậy ngươi hãy nói trước !,9

Bấy giờ, a-tu-luân Chất-đa liền vì Đế-thích mà nói kệ: Nay không trị người ngu, E sau này khó nhịn, Hãy trừng trị nó ngay, Cho nó tự sửa lỗi. Khi a-tu-luân Chất-đa nói bài kệ ấy xong, tất cả chúng a-tu-luân đều vui mừng khen hay, còn chư thiên thì im lặng không nói. Bấy giờ, vua a-tu-luân nói với Đế-thích: "Bây giờ đến phiên ngươi nói ke." Khi d6, Đế-thích vì a-tu-luân mà nói kệ rằng: Ta thường nói người trí, Không tranh với người ngu, Họ măng, người trí nhịn, Người trí thăng kẻ ngu. Khi Đế-thích nói bài kệ ấy, chư thiên Đao-lợi đều vui mừng và lớn tiếng khen hay. Lúc đó, chúng a-tu-luân im lặng không nói. Đế-thích nói với a-tu-luân: "Bây giờ đến phiên ngươi nói ke." A-tu-luân lại nói kệ: Sở dĩ Thiên vương nhịn, E tổn hạnh người trí, Mà người ngu lẩn thẩn, Cho là vua sợ hãi, 9 r

Người ngu không tự xét, CÓ thê chông với vua, Liều lĩnh đến xúc phạm, Muốn vua như trâu thua. Khi a-tu-luân nói kệ ấy xong, chúng a-tu-luân hớn hở vui mừng, lớn tiếng khen hay. Khi ấy, chư thiên Đao-lợi im lặng không nói. Vua a-tu-luân nói với Đế-thích: uBây giờ đến phiên ngươi nói ke." Bấy giờ, Đế-thích vì a-tu-luân mà nói kệ: Người ngu không hiểu biết, Nói là ta sợ hãi. Ta quán đệ nhất nghĩa, Nhẫn nhục là bậc nhất. Ác trong điều ác là, Với sân lại sanh sân, Với sân không sanh sân, Là chiến thắng tột đỉnh. Con người có hai việc: Vì mình và vì người, Nếu có người tranh luận, Không đáp là hơn hết. Con người có hai việc: Vì mình và vì người, Thấy người không tranh luận, Cho là họ ngu ngốc. Nếu người có sức lớn, Nhịn được người không sức, Sức ấy là bậc nhất, Hơn hết trong sự nhẫn. Người ngu bảo có sức, Sức ấy không phải sức. Có sức nhẫn đúng pháp, Sức ấy là vô địch. Thích-đề-hoàn-nhân nói bài kệ ấy, chư thiên Đao-lợi hớn hở vui mừng, lớn tiếng khen hay. Chúng a-tu-luân thì im lặng không nói. Khi ấy, chúng a-tu-luân đều lùi bước và nói với nhau:

"Vua a-tu-luân nói bài kệ ấy, có chỗ xúc phạm sẽ sanh đao kiếm oán thù mà tranh đấu lẫn nhau và nuôi lớn lòng oán hận, nuôi dưỡng nguồn gốc ba cõi. Bài kệ của Đe-thích thì không có chỗ xúc phạm, không khởi đao kiếm, không sanh tranh dấu, không nuôi lớn oán giận, chấm dứt nguồn gốc ba cõi. Điều Đế-thích nói là thiện, điêu vua a-tu-luân

nói là bát thiện. Chư thiên thăng, a-tu-luân bại.” Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Chớ nghĩ Thích-đề-hoàn-nhân lúc đó là ai khác. Vì sao? Vì đấy chính là Ta. Lúc đó Ta dùng lời nhu hòa mà thắng chúng a-tu-luân. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: —Thuở xưa, chư thiên cùng a-tu-luân đánh nhau. Khi a-tu-luân thắng thì chư thiên không kháng cự. Khi đó, Thích-đề-hoàn-nhân ngự trên xe báu ngàn căm và sợ hãi chạy dài. Giữa đường vị ấy thay trên cây Diệm-bà"la có một tổ chim, trong tổ chim ấy có hai con. Do đó, vị ấy liền nói kệ để bảo người đánh xe. Bài kệ ấy là: Trên cây có đôi chim, Ngươi hãy quay xe tránh, Dù giặc có giết ta, Cũng chớ làm hại chim. Người đánh xe nghe Đế-thích nói xong bèn dừng xe lại và cho xe quay tránh tổ chim. Khi ấy, xe chạy về phía của a-tu-luân đang đuổi theo. Chúng a-tu-luân trông thây xe báu đang chạy vê hướng cánh quân mình liên nói với nhau: "Nay Thiên đê ngự xe báu có ngàn căm đang chạy vê hướng chúng ta, chác sẽ muôn chiên đâu lại, chúng ta chông không nôi dàu." Chúng a-tu-luân bèn rút lui và chạy tán loạn. Chư thiên thắng, a-tu-luân bại. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: —Bấy giờ Đế-thích là ai? Chớ nghĩ như thế. Vì sao? Vì đấy chính là Ta. Đối với chúng sanh phải khởi lòng thương xót, từ bi. Này các Tỳ-kheo, các ông xuất gia, tu đạo ở trong giáo pháp của Ta, phải khởi lòng từ bi, thương xót tất cả chúng sanh. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: —Thuở xua, chư thiên cùng a-tu-luân đánh nhau. Chư thiên thắng, a-tu-luân bại. Khi ấy, Đấ-thích chiến thắng bèn trở về lại giảng đường nội cung và tạo lập một tòa nhà tên là Tối Thắng. Đông Tây dài một trăm do-tuần, Nam Bắc rộng sáu mươi do-tuàn. Giảng đường có trăm gian. Mỗi gian có bảy đài lộ thiên liên kết nhau và trên mỗi đài có bảy ngọc nữ, mỗi ngọc nữ có bảy người hầu. Thích-đề-hoàn-nhân cũng không quan tâm đến sự cung cấp thực phẩm, y phục, dụng cụ trang sức cho các ngọc nữ, vì tùy theo nhân đã tạo mà thụ hưởng phúc báu. Vua do vì chiên thăng a-tu-luân nên tâm hoan hỷ mà thiêt lâp điện đường này nên gọi là Toi Thắng đường. Bao nhiêu cung điện trong ngàn thế giới cũng không so sánh được với tòa nhà này, cho nên gọi là Tối Thắng.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Thuở xưa a-tu-luân tự nghĩ: "Ta có đại uy đức, có thần lực không phải ít nhung chư thiên Bao-lọd, mặt trời, mặt trăng và chư thiên khác thường ở trên hư không và đi trên đầu ta một cách tự tại. Nay ta nên lấy mặt trời, mặt trăng ấy để làm vòng tai và du hành tự tại." Lúc đó? vua a-tu-luân sân hận nổi lên dữ dội bèn nghĩ đến các a-tu-luân r ĩ eZ r z T r chiên đâu; các a-tu-luân chiên đâu cũng nghĩ: “Nay vua a-tu-luân đang nghĩ đên chúng ta, chúng ta nên mau chuẩn bj." Các a-tu-luân ấy bèn ra lệnh tả hữu trang bi binh trượng, xe báu và cùng vô SÔ a-tu-luân trước sau, đi đên trước vua a-tu-luân roi đứng qua một bên. Khi đó vua a-tu-luân lại nghĩ đên a-tu-luân Xá-ma-lê. A-tu-luân Xá-ma-lê cũng tự nghĩ: "Nay vua a-tu-luân đang nghĩ vê ta, vậy ta nên mau chuân bj.” Xá- ma-lê liên ra lệnh tả hữu trang bị binh trượng đây đủ, roi cưỡi xe báu cùng vô số chúng a-tu-luân trước sau mà đến trước vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Khi ây, vua a-tu-luân lại nghĩ đên a-tu-luân Tỳ-ma-chât-đa. A-tu-luân Tỳ- ma-chất-đa cũng tự nghĩ: “Nay vua a-tu-luân đang nghĩ về ta. Vậy ta mau chuẩn bj." Tỳ-ma-chât-đa bèn ra lệnh cho tả hữu trang bi binh trượng đây đủ, roi cưỡi xe báu có vô số chúng a-tu-luân trước sau đi đến trước vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Lúc đó, vua a-tu-luân nghĩ đến các a-tu-luân đại thần; đồng thời, các a-tu- luân đại

thần cũng tự nghĩ: “Nay vua đang nghĩ về chúng ta. Vậy chúng ta mau chuẩn bị." Các a-tu-luân đại thần ra lệnh cho tả hữu trang bi binh trượng đầy đủ, rồi cưỡi xe báu cùng vô số chúng a-tu-luân trước sau, đi đến trước mặt vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Khi ây, vua a-tu-luân nghĩ đên các tiêu a-tu-luân. Các tiêu a-tu-luân cũng nghĩ: “Nay vua đang nghĩ về ta. Vậy chúng ta nên mau chuẩn bị.^, Các tiểu a-tu- luân ra lệnh cho tả hữu trang bị binh trượng đầy đủ, rồi cưỡi xe báu, có vô số a-tu-luân trước sau, đi đến trước vua a-tu-luân và đứng qua một bên. Bấy giờ, vua a-tu-luân liền tự trang bi, thân mặc áo giáp báu và ngự trên xe báu, có vô số trăm ngàn a-tu-luân vây quanh trước sau, với binh trượng đầy đủ, đi ra khỏi cứ địa để giao chiến với chư thiên. Khi đó, long vương Nan-đà, long vương Bạt-nan-đà, dùng thân cuốn quanh núi Tu-di bảy vòng làm chân động cả núi non, hang hóc, mây mỏng bủa giăng làm cho mưa xối xả, sóng biển vọt lên đến đỉnh núi Tu-di. Lúc ây, chư thiên Đao-lợi liên nghĩ: “Nay mây mỏng bủa giăng, trời mưa xối xả, sóng biển dâng lên đến cõi này. Hẳn là a-tu-luân muốn đến đây chiến đấu nên mới có hiện tượng my.” Trong khi đó5 vô sô binh chúng thuộc loài rông ở trong biên đêu câm mâu, giáo, cung tên, đao kiếm và mặc áo giáp báu, với vũ khí nghiêm chỉnh mà chiến

đấu cùng a-tu-luân. Nếu long chúng thắng thì đuổi a-tu-luân chạy vào cung. Nếu long chúng thua thì long chúng không thối lui mà chạy đến chỗ quỷ thần Già-lâu-la và nói: "Chúng a-tu-luân muốn đánh chư thiên. Chúng tôi chống lại nhirng nay chúng đang thăng. Các ông nên chuân bị binh trượng đê chúng ta cùng ra sức chống lại chilng.” Khi các quỷ thân nghe xong, liên trang bị các vũ khí đây đủ và mặc áo giáp báu cùng với long chúng đánh a-tu-luân. Khi long chúng thắng thì đuổi a-tu- luân chạy vào cung. Nếu như long chúng thua thì không thối lui mà chạy đến chỗ quỷ thần Trì Hoa và nói: "Chúng a-tu-luân muốn đánh chư thiên. Chúng tôi đã chống lại nhưng nay chúng đang thắng, các ông mau trang bị vũ khí đầy đủ để cùng chúng tôi chiến đấu với chúng." Khi quỷ thần Trì Hoa nghe long chúng nói xong, liền trang bị vũ khí đầy đủ, mặc áo giáp báu, hợp sức mà đánh với a-tu-luân. Nếu long chúng thắng thì đuổi a-tu-luân vào cung. Nếu a-tu-luân thắng trận thì long chúng không lui về cung của mình mà chạy đên chô quỷ thân Thường Lạc và nói: 66A-tu-luân muốn đánh chư thiên, chúng tôi đã chống lại nhưng nay chúng đang thắng; các ông mau trang bị vũ khí sẵn sàng hợp sức cùng chúng tôi để chiến đấu với chúng?5 Quỷ thần Thường Lạc nghe xong liền trang bi vũ khí và mặc áo giáp báu, hợp sức cùng long chúng đánh với a-tu-luân. Nếu long chúng thắng thì đuổi a-tu-luân vào cung. Ngược lại, a-tu-luân thắng trận thì long chúng không lui về cung của mình mà chạy đến chỗ Tứ Thiên vương và báo: 64A-tu-luân muốn đánh chư thiên, chúng tôi đã chống lại chúng nhưng nay chúng đang thắng; các ông hãy mau trang bị vũ khí hợp cùng chúng tôi chiến đấu với chúng !,9 Khi Tứ Thiên vương nghe xong, liền tự trang bị vũ khí và mặc áo giáp báu hợp lực cùng long chúng đánh a-tu-luân. Nếu long chúng thắng thì đuổi a-tu- luân vào cung. Ngược lại, a-tu-luân thắng thì Tứ Thiên vương liền đến giảng đường Thiện Pháp mà thưa Đế-thích và chư thiên Đao-lợi rằng: C6A-tu-luân muốn đánh chư thiên. Nay chư thiên Đao-lợi nên chuẩn bị vũ khí, chung sức với binh lực này để đến đó chiến đấu với chúng.,, Khi Đế-thích nghe

xong ra lệnh cho người hầu cận: "Người hãy thay lời ta mà đi báo cho Diệm-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa Tự Tại thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên biết và nói: 'Vua a-tu-luân cùng vô sô bộ hạ sẽ đên đánh. Vậy chư thiên hãy trang bị vũ khí đầy đủ hầu giúp ta chiến đấu!9,9

460 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Người hầu cận vâng lời Đế-thích đi đến Diệm-ma thiên cho đến Tha Hóa Tự Tại thiên, thay lời Đế-thích mà nói với họ: "A-tu-luân cùng với vô số bộ hạ sắp đến đánh. Vậy chư thiên hãy trang bị vũ khí đầy đủ để giúp Đế-thích chiến dấu!" Khi vua trời Diệm-ma nghe nói như thê, liên trang bi vũ khí đây đủ và mặc áo giáp báu, ngự trên xe báu, có vô số trăm ngàn các thiên chúng vây quanh trước sau, đi đên đóng quân ở phía Đông núi Tu-di. Bây giờ, vua trời Đâu-suất nghe nói như thê cũng liên trang bi các vũ khí và mặc áo giáp báu, ngôi xe báu có vô số trăm, ngàn, ức thiên chúng vây quanh trước sau, đi đến đóng quân ở phía Nam núi Tu-di. Bấy giờ, vua trời Hóa Tự Tại nghe như thế, cũng trang bị đầy đủ các thứ, đi đến đóng quân ở phía Tây núi Tu-di. Bấy giờ, vua trời Tha Hóa Tự Tại, nghe nói như thê, cũng trang bị đây đủ các thứ, đi đên đóng quân ở phía Bắc núi Tu-di. Khi ấy, Đế-thích nghĩ đến Tam Thập Tam thiên và Đao-lợi thiên, Tam Thập Tam thiên và Đao-lợi thiên cũng tự nghĩ: “Nay Đế-thích đang nghĩ về chúng ta. Vậy chúng ta mau trang bi sẵn sàng!" Rồi ra lệnh cho hầu cận trang bị đây đủ các vũ khí và ngôi trên xe báu, cùng với vô sô ức thiên chúng vây quanh trước sau, đi đến trước Đế-thích và đứng qua một bên. Bấy giờ, Đe- thích lại nghĩ đen chư thiên Đao-lợi khác. Và chư thiên Đao-lợi cũng tự nghĩ: "Nay Đế-thích đang nghĩ đến chúng ta. Vậy chúng ta mau trang bị sẵn sàng!” Roi ra lenn cho hau cạn trang bị đay đu vũ khí va ngoi trên xe bau cung vô sô thiên chúng vây quanh trước sau, đi đến trước Đế-thích và đứng qua một bên. Khi đó, Đế-thích lại nghĩ đến quỷ thần Diệu Tượng; quỷ thần Diệu Tượng cũng tự nghĩ: "Nay Đế-thích đang nghĩ đến ta. Vậy ta mau trang bi sẵn sang!99 Rồi ra lệnh cho người hầu cận trang bị đầy đủ các vũ khí, ngồi trên xe báu và có vô sô trăm ngàn quỷ thân vây quanh trước sau, đi đên trước Đê-thích và đứng qua một bên. Bấy giờ, Đế-thích lại nghĩ đến vua rồng Thiện Trụ, vua rồng Thiện Trụ cũng tự nghĩ: “Nay Đế-thích đang nghĩ đến ta. Vậy ta mau đến liền đến r đứng trước mặt Đê-thích. Bây giờ, Đế-thích liền trang bị đầy đủ các vũ khí, thân mặc áo giáp báu, ngự trên đầu vua rồng Thiện Trụ cùng với vô số chư thiên, quỷ thần vây quanh . 9 r r trước sau, ra khỏi thiên cung và giao chiên với a-tu-luân. Tát cả vũ khí như gậy, đao, kiếm, mâu, giáo, cung, tên, búa, rìu, bánh xe, lưới và binh khí, áo giáp đều do bảy báu tạo thành và dùng dao nhọn làm hại thân a-tu-luân nhưng không gây tổn thương, chỉ chạm đến thân mà thôi. Còn chúng a-tu-luân cũng cầm đao, kiếm, mâu, giáo, cung, tên, búa, rìu, bánh xe, lưới đều do bảy báu tạo thành, roi dùng dao nhọn làm hại thân chư thiên, những thứ ây chỉ chạm đên thân mà không gây ton thương. Như vậy, do dục vọng mà chư thiên và a-tu-luân đánh nhau như thế.

30. KINH THẾ KÝ 461

11. PHẨM TAM TRUNG KIẾP

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Có ba trung kiếp. Những gì là ba? Một là kiếp đao binh; hai là kiếp mễ cốc khan hiếm; ba là kiếp bệnh dịch. Thế nào là kiếp đao binh? Nghĩa là con người ở thế gian này vốn sống bốn vạn tuôi5 sau đó giảm dân còn sông hai vạn tuổi và tiêp tục giảm xuông còn một vạn tuổi, một ngàn tuổi, năm trăm tuổi, ba trăm tuổi, hai trăm tuổi. Như ngày nay, con người sông trăm tuôi, tăng thì ít, giảm thì nhiêu. Nhưng vê sau, tuổi thọ con người giảm dần, chỉ còn mười tuổi là dừng lại. Lúc đó, người nữ mới sanh được năm tháng thì đã lấy chồng. Khi ấy, thế gian có bao nhiêu mỹ vi ngon ngọt như bơ, dầu, mật, đường phèn, đường đen tự nhiên biến mất. Đồng thời, ngũ cốc không sanh, chỉ có cỏ lác. Lúc ấy, những loại y phục thượng hạng như gấm, lụa, lãnh, nhiễu, vải kiếp-bối, vải sô-ma... thảy đều không có mà chỉ toàn là loại y phục dệt bang cỏ xấu xí. Bay giờ, đất này sanh toàn gai góc, muỗi mòng, rắn rết, bò cạp, độc trùng; đồng thời, bảy báu như vàng, bạc, lim ly, châu ngọc... tự nhiên chìm vào đất mà chỉ có cát, đá; các thứ ô uế, đầy dẫy khắp thế gian. Khi đó, chúng sanh chỉ gia tăng mười điều ác, không hề nghe tên mười điều thiện, thậm chí danh từ "thiên” còn không có, huống là có người thực hành mười điều thiện. Bấy giờ, con người bất hiếu với cha mẹ, không tôn kính Sư trưởng, hay làm điều ác thì được cúng dường hau hạ; cũng như ngày nay, những người cung kính cha mẹ, tôn kính Sư trưởng, có thể thực hành điều thiện thì được cung kính hầu hạ. Người làm ác sau này cũng được cúng dường như thế. Những kẻ làm ác lúc đó, sau khi mạng chung bi đọa vào loài súc sanh. Cũng như con người ngày nay được sanh lên cõi trời. Lúc đó người ta gặp nhau, chỉ ôm lòng độc hại, muốn tàn sát lẫn nhau; cũng như người thợ săn gặp bầy nai là muốn giết chúng, không một niệm lành và những người ác như the, chỉ muốn sát hại lẫn nhau, không một niệm lành. Bấy giờ, đất đai không có nơi nào bằng phẳng mà toàn là cống rãnh, khe suối, hang hốc, gò nồng, núi non. Lúc đó, con người đi qua lại vô cùng sợ sệt, đến nỗi lông tóc dựng ngược. Trong vòng bảy ngày thì có kiếp đao binh phát khởi. Khi đó, tay con người dù là cam cỏ, cây, ngói, gạch đều biến thành gươm giáo, vừa nhọn, vừa bén chém giết lẫn nhau. Trong số đó, có người có chút trí tuệ, nhận thấy sự giết hại lẫn nhau bằng đao kiếm, kinh khiếp quá nên chạy vào rưng, vào núi, vào hang hốc, chỗ vắng người để tỵ nạn trong bảy ngày. Tâm họ nghĩ và nói: "Ta không hại người thì người không hại ta." Trong vòng bảy ngày,

người ấy chỉ ăn toàn cỏ cây để sống qua ngày. Hết bảy ngày, họ lại ra khỏi núi rừng. Khi đó? hễ có người nào gặp nhau thì họ vui mừng và nói: “A! Nay gặp được ngươi còn sông sót, nay gặp ngươi còn sông s6f L cũng như cha mẹ xa cách đứa con duy nhất đã lâu ngày, nay mới gặp lại, lòng vui mừng khôn xiết, hớn hở? không thể tự kiềm chế được. Những người ấy cũng như thế, khi gặp nhau cũng vui mừng khôn xiết, hớn hở, nhảy nhót không thể tự kiềm chế được. Trong vòng bảy ngày đó, nhân dân khóc lóc với nhau. Bảy ngày tiếp theo, họ cùng nhau vui mừng, hoan hỷ, chúc lành nhau. Con người trong thời gian kiếp binh dao, sau khi mạng chung đều bị đọa vào địa ngục. Tại sao? Vì họ thường ôm lòng sân hận muôn giết hại lẫn nhau, không chút nhân từ. Đó gọi là kiếp đao binh. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, thế nào là kiếp đói khát?

Bây giờ, nhân dân làm nhiêu điêu phi pháp, tà kiên điên đảo, làm mười nghiệp ác. Vì làm mười điều ác nên trời không mưa; các thứ thảo mộc đều chết khô; ngũ cốc không sanh, chỉ có cỏ lác. Thế nào là kiếp đói khát? LÚC đó dân chúng quét lượm các đô phân dãi, đất, lúa rơi trên đông ruộng, ở ïiệã tư đường,... để sống qua ngày. Đó là kiếp đói. Lại nữa, lúc đói, dân chúng bây giờ lượm hài cót ở đường sá, xóm làng, phô phường, chợ búa, hàng thịt, gò mả. Họ nấu để lấy nước uống mà sống qua ngày, đó là kiếp đói mà ăn xương trắng. Lại nữa, khi kiếp đói xảy ra, năm thứ lúa hoàn toàn biến thành cỏ cay. Con người lúc đó hái hoa nấu nước mà uống. Khi đói thì hoa của cỏ cây đều rụng hét và năm xép lớp dưới đất. Do đó, con người khi ây mới đào đất lên đê lấy hoa mà nấu ăn, hầu sống qua ngày. Đó là đói mà ăn cỏ cây. Lúc bấy giờ, sau khi mạng chung, chúng sanh đều bị đọa vào ngạ quỷ. Tại sao? Vì trong kiếp đói, họ thường ôm lòng bon xẻn không có tâm niệm bố thí, không chiu san sẻ, không nghĩ đến người trong cơn nguy khốn. Đó là kiếp đói khát. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: -Thế nào là kiếp bệnh dịch? Vì lúc đó, con người ở thế gian tu hành theo Chánh pháp, có chánh kiến, không điên đảo, thực hành đầy đủ mười điều thiện. Trong khi đó, có các loài quỷ thần ở thế giới khác đến. Những quỷ thần ở thế gian này lại phóng túng, dâm loàn, không thể hộ vệ được nẹười đời. Do đó, các quỷ thân phương khác mới xâm phạm, phá phách người thê gian này, đánh đập bằng trượng, thu hút tinh khí nên khiến tâm họ bị điên loạn và bị cưỡng bách đem đi. Ví như vị quốc vương ra lệnh cho các tướng soái bảo vệ quốc dân. Có giặc cướp từ phương khác đến xâm phạm, khuấy rối những người phóng túng, cướp bóc ở làng mạc quốc gia này. Quỷ thần phương khác đến phá phách, đánh đập? thu hút tinh khí những người thế gian này và cưỡng bách đem đi cũng thế.

30. KINH THẾ KÝ 463

Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, dù cho quỷ thần ở thế gian này không phóng dật, không dâm loàn nhưng các quỷ thân ở thê giới khác có oai lực lớn đi đên, các quỷ thân ở thê gian này cũng sợ hãi lánh xa. Những quỷ thân có oai lực lớn kia bèn xâm phạm, đánh đập, thu hút tinh khí con người cõi này và tàn sát roi bỏ đi. Ví như quốc vương, hoặc đại thần của vua ra lệnh cho các tướng soái bảo vệ nhân dân; các vị ấy canh phòng nghiêm ngặt, cẩn thận, không có phóng dật. Bỗng có tướng soái mạnh bạo, hung dữ từ phương khác đến cùng với nhiều binh lính, phá phách xóm làng, thành ấp, cướp đoạt tài sản nhân dân, cũng giống như thế. Hơn nữa, dù cho quỷ thân ở thê gian này không dám phóng túng nhưng những quỷ thần có oai lực lớn từ phương khác đến, quỷ thần ở thế gian này cũng sợ hãi lánh xa. Do đó, những quỷ thần có oai lực lớn kia liền xâm phạm, đánh đập, thu hút tinh khí con người ở cõi này và tàn sát họ rồi bỏ đi cũng như trên. Trong thời kiếp bệnh tật, nhân dân sau khi mạng chung đều sanh về cõi trời. Tại sao? Vì con người lúc đó có lòng thương xót lẫn nhau và lần lượt hỏi han: "Ngươi bệnh hết chưa? Thân thể được khỏe mạnh khong?99 Do nhân duyên đó mà họ được sanh về cõi trời, cho nên gọi là kiếp tật bệnh, Đó là ba trung kiếp vậy.

464 KINH TRƯỜNG A-HÀM

12. PHẨM THẾ BỔN DUYÊN

Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, sau khi cơn hỏa tai qua rồi, là lúc trời, đất, thế gian này sắp thành lập trở lại. Lúc đó, có những chúng sanh khác vì phúc báu hết, hạnh nghiệp hét, mạng sông hét và qua đời tại cõi trời Quang Am, roi thác sanh về cõi Không Phạm, ở đấy, những chúng sanh này sanh tâm đắm nhiễm, yêu thích cõi đó. Họ mong những chúng sanh khác cùng đến sống chung ở đó. Sau khi có ý niệm như thế, có những chúng sanh khác vì hết phúc báu, hết hạnh nghiệp, hết mạng sống nên qua đời tại cõi trời Quang Âm và thác sanh về cõi Không Phạm. Lúc đó, vị Phạm thiên sanh qua đó đầu tiên tự nghĩ: "Ta là Phạm vương, là Đại Phạm Thiên vương, không có ai sanh ra ta, ta tự nhiên có, không có thọ thai. ở trong một ngàn thế giới, ta là đấng tự tại bậc nhất, khéo hiểu các nghĩa thú, giàu sang, dư dả, có khả năng tạo ra vạn vật. Ta là cha mẹ của tất cả chúng sanh.,, Đông thời, những Phạm thiên sanh sau, cũng tự nghĩ: ây là Phạm thiên, là Đại Phạm Thiên vương, không có ai sanh ra, tự nhiên có, không có thọ thai. ở trong một ngàn thế giới, ngài là đấng tôn kính bậc nhất, khéo hiểu các nghĩa thú, giàu sang, dư dả, có khả năng tạo ra vạn vật, là cha mẹ của tất cả chúng sanh. Ta từ vi ấy sanh ra." Vị Phạm thiên vương đó, hình dáng, nhan sắc thường như đồng tử. Cho nên, Phạm vương còn được gọi là đông tử. Hoặc có lúc thế gian này thành lập trở lại, các chúng sanh ở thế gian phần nhiều là sanh về cõi trời Quang Am, tự nhiên hóa sanh, lấy sự hoan hỷ làm thức ăn, trên thân tự phát ra ánh sáng, có thần túc bay trên hư không, an vui, không bị chướng ngại, mạng sống lâu dài. Sau đó, the gian này biến thành một biển ĩ . e A r * nước lớn, lan tràn kháp nơi. Chính lúc đó, cả thiên hạ đêu tôi tăm, không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, ngày đêm và không có con số năm, tháng, bốn mùa. Sau thời gian đó5 thế giới này thay đổi trở lại. Có những chúng sanh khác vì hết phúc báu, hết hạnh nghiệp, hết mạng sống, qua đời tại cõi trời Quang Âm, rồi thác sanh lại thế giới này, đều do hóa sanh và lấy sự hoan hỷ làm thức ăn, trên thân tự phát ra ánh sáng, có Thần túc thông, bay trên hư không, an lạc, vô ngại và sống một thời gian rất lâu ở cõi này. Bấy giờ, không có nam, nữ, tôn, ty, thượng, hạ, không có tên khác nhau mà chỉ có nhiều người cùng sanh ra trong một thế giới, cho nên gọi là chúng sanh.

30. KINH THẾ KÝ 465

LÚC đó, đại địa này tự nhiên có đát, roi nước xuât hiện và ngưng tụ trên đât5 cũng như đề hồ. Khi đất, nước xuất hiện cũng giống như thế, như hương vi sanh tô, vi ngọt như mật. Sau đó5 những chúng sanh ấy bèn lấy tay chấm nếm thử để xem là vi gì. Lúc đầu, họ nếm thử, thấy là ngon, liền sanh tâm đắm nhiễm mùi vị và cứ lần lượt nếm mãi như thế không thôi nên sanh tâm đắm nhiễm, rồi lấy tay bốc để ăn? bốc ăn mãi không thôi. Chúng sanh khác trông thấy lại bắt chước bốc ăn thử và cũng ăn mãi không thôi. Khi ấy, thân thể của chúng sanh trở nên thô kệch, ánh sáng mất dần, không còn thần túc, không thể bay đi trên hư không được. Khi chưa có mặt trời, mặt trăng và ánh sáng của chúng sanh mất hẳn, lúc đó, trời đất tối tăm cũng như giai đoạn đầu không khác. Sau một thời gian khá lâu, có cơn gió lóc thôi nước biên lớn, sâu tám vạn bôn ngàn do-tuân, làm cho nước tách ra hai bên, đông thời thôi bay cung điện mặt trời đặt vào lưng chừng núi Tu-di và để vào trong nhật dạo, rồi mọc từ hướng Đông, lăn về hướng Tây, xoay vần khắp thiên hạ. Cung điện mặt trời thứ hai thì mọc từ hướng Đông, lặn về

hướng Tây. Lúc đó, chúng sanh có người nói: “B6 là mặt trời ngày hôm qua." Hoặc có người nói: “B6 không phải là mặt trời ngày hôm qua." Đên cung điện mặt trời thứ ba mọc từ hướng Đông, lặn ở hướng Tây. Lúc đó, có chúng sanh nói: "Nhất định là một mặt tròd." Mặt trời nghĩa là nói nguyên nhân sáng, cho nên gọi là mặt trời. Mặt trời có hai nghĩa: Một là luôn luôn ở trên đường đi cố đinh; hai là cung điện. Bốn phương cung điện của mặt trời vì trông thấy từ xa nên hình tròn, nóng lạnh điều hòa, do vàng trên trời tạo thành có pha lê xen kẽ, với hai phan vàng trên thì toàn là vàng ròng, không có hỗn hợp, trong ngoài trong suôt5 ánh sáng chiêu thật xa, với một phân pha lê hoàn toàn thuần chất, không pha tạp, trong ngoài trong suốt, ánh sáng chiếu thật xa. Cung điện mặt trời ngang dọc năm mươi do-tuần, đất và tường của cung điện mỏng manh như lau non. Cung có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây, bảy lớp linh báu, trang trí giáp vòng, đều do bảy báu tạo thành. Nêu tường băng vàng thì cửa băng bạc. Nêu tường băng bạc thì cửa băng vàng. Nếu tường bằng lưu ly thì cửa bằng thủy tinh. Nếu tường bằng thủy tinh thì cửa bằng lưu ly. Nếu tường bằng xích châu thì cửa bằng mã não. Nếu tường bằng mã não thì cửa bằng xích châu. Nếu tường bằng xà cừ thì cửa bằng các thứ báu. Nếu tường bằng các thứ báu thì cửa bằng xà cừ. về lan can, nếu lan can bằng vàng thì tay vịn bằng bạc. Lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng. Lan can bang lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh. Lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly. Lan can bằng xích châu thì tay vịn bằng mã não. Lan can bằng mã não thì tay vịn bằng xích châu. Lan can bằng các thứ y \ báu thì tay vịn băng xà cừ. Lan can băng xà cừ thì tay vịn băng các thứ báu.

Vê bảy lớp màn lưới, nêu màn lưới băng vàng thì treo chuông băng bạc. Màn lưới bang bạc thì treo chuông bằng vàng. Màn lưới bang thủy tinh thì treo chuông bằng lưu ly. Màn lưới bằng lưu ly thì treo chuông bằng thủy tinh. Màn lưới bằng xích châu thì treo chuông bằng mã nao. Màn lưới bằng mã não thì treo chuông bằng xích châu. Màn lưới bằng xà cừ thì treo chuông bằng các thứ A > báu. Màn lưới băng các thứ báu thì treo chuông băng xà cừ. về bảy lớp hàng cây, nếu cây bằng vàng thì lá, hoa, trái bằng bạc. Cây bằng bạc thì lá, hoa, trái bằng vàng. Cây bằng lưu ly thì lá, hoa, trái bằng thủy tinh. Cây bằng thủy tinh thì lá, hoa, trái bằng lưu ly. Cây bằng xích châu thì lá, hoa, trái bằng mã não. Cây bằng mã não thì lá, hoa, trái bằng xích châu. Cây bằng xà cừ thì lá, hoa, trái bằng các thứ báu. Cây bằng các thứ báu thì lá, hoa, trái bằng xà cừ. về bốn cửa của tường cung điện, mỗi cửa có bảy bậc thềm, có lan can bao quanh, có lâu đài, nhà gác, có vườn rừng, có ao tắm, theo thứ tự cũng như trước, có các thứ hoa báu, mỗi hàng mỗi hàng đều tương đương với các loại cây ăn trái. Hoa, lá, màu sắc xen kẽ. Cây tỏa hương thơm, phảng phất khắp bốn phía, Các loại chim chóc hòa ca líu lo. Hơn nữa, cung điện mặt trời được năm ngọn gió duy trì: Một là Trì phong; hai là Dưỡng phong; ba là Thọ phong; bốn là Chuyển phong; năm là Điều phong. Chính điện do vàng ròng tạo thành, là nơi ở của Vua Mặt Trời, cao mười sáu do-tuần. Cung điện có bốn cửa, có lan can bao quanh. Chỗ ngồi của Vua Mặt Trời ngang dọc nửa do-tuân, do bảy báu tạo thành, trong sạch, mem mại như áo trời. Thân thê của Vua Mặt Trời phát ra ánh sáng, chiêu sáng cả cung điện bằng vàng. Rồi cung điện bằng vàng phát ra ánh sáng, chiếu vào cung điện

băng vàng; ánh sáng của cung điện băng vàng chiêu vào cung điện mặt trời; ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu khắp bốn thiên hạ. Vua Mặt Trời sống năm trăm tuổi trời. Con cháu thừa kế nhau, không gián đoạn, không có người khác họ kê vi. Cung điện mặt trời không bi tiêu hoại, tôn tại trong một kiêp. Hơn nữa, khi cung điện mặt trời di chuyển thì Vua Mặt Trời không có ý nghĩ di chuyển và nói: "Ta di chuyển hay dừng và thường lấy năm thứ dục lạc để tự vui thú. Khi mặt trời di chuyển, có vô so trăm, ngàn chư Đại thiên thần hướng dẫn phía trước; tất cả đều vui vẻ, không mỏi mệt, an lạc, ít bệnh. Do đó, Vua Mặt Trời được gọi là ít bệnh. Thân của Vua Mặt Trời phát ra ngàn tia sáng; năm trăm tia sáng chiếu xuống và năm trăm tia sáng chiếu chung quanh. Đây là do công đức, hạnh nghiệp đời trước nên có ngàn tia sáng. Vì thế, Vua Mặt Trời còn được gọi là Ngàn Anh Sáng. Công đức, hạnh nghiệp đời trước của Vua Mặt Trời như thế nào? Ấy là, hoặc có người cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, cung cấp cho người nghèo khó, như cho thức ăn, thức uống, áo quần, thuốc thang, voi, ngựa, xe cộ, phòng

xá, đèn đuôc; trong khi cho thì tùy theo nhu câu của họ mà cho, không trái ý họ, hoặc cúng dường người giữ giới, các bậc Hiền thánh. Do vô số thứ pháp an vui và nhân duyên sáng suốt như thế nên có thiện tâm, vui vẻ, như vi vua thuộc dòng Sát-đế-lợi có nước rưới đầu? khi mới lên ngôi thì thiện tâm vui vẻ cũng như thế. Do nhân duyên đó nên khi mạng chung được làm Vua Mặt Trời, có cung điện mặt trời và có ngàn tia sáng. Cho nên nói: Do nghiệp lành mà được ngàn tia sáng. Lại nữa, do những hành động gì mà gọi là hạnh nghiệp sáng suốt đời trước? Nghĩa là, có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói lời độc ác, không nói hai lưỡi, không nói thêu dệt, không tham, không sân, không si, không tà kiến. Vì nhân duyên đó nên thiện tâm vui vẻ, cũng như tại ngã tư đường có một ao tăm lớn, trong sạch, không cáu bân, roi có một người từ phương xa đến vừa mệt, vừa khát, vừa nóng vào ao này tắm gội sạch sẽ, mát mẻ, vui vẻ, thoải mái. Thế thì người tu thập thiện ấy thiện tâm vui vẻ cũng như trên. Người này sau khi mạng chung được làm Vua Mặt Trời, ở tại cung điện mặt trời, có ngàn tia sáng. Vì nhân duyên đó nên gọi là nghiệp lành sáng suốt. Lại nữa, vì lý do gì mà gọi là ngàn tia sánệ? Vì có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dôi, không uống rượu. Do nhân duyên đó nên thiện tâm vui vẻ và sau khi mạng chung, được làm Vua Mặt Trời, ở cung điện mặt trời, có ngàn tia sáng. Do nhân duyên ấy nên gọi là nghiệp lành ngàn tia sáng. Sáu mươi niệm thì gọi là một la-da và ba mươi la-da thì gọi là ma-hầu-đa; một trăm ma-hàu-đa thì gọi là ưu-ba-ma. Cung điện mặt trời thì sáu tháng di chuyển về phía Nam. Một ngày đi được ba mươi dặm về hướng cực Nam nhưng không vượt qua Diêm-phù-đê. Và khi mặt trời di chuyên vê phía Bác thì cũng như trên. Vì những nhân duyên gì mà ánh sáng mặt trời nóng? Vì có mười nhân duyên. Mười nhân duyên gì? (1) Ngoài núi Tu-di, có núi Khư-đà-la, cao bốn vạn hai ngàn do-tuân, ngang dọc bôn vạn hai ngàn do-tuân, bờ mé thì vô cùng, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là nhân duyên thứ nhất nên mặt trời nóng. (2) Ngoài núi Khư-đà-la có núi Y-sa-đà cao hai vạn một ngàn do-tuần? ngang dọc hai vạn một ngàn do-tuần? giáp vòng núi thì không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi ấy, do sự ma sát

nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ hai làm cho ánh y

sáng mặt trời nóng. (3) Ngoài núi Y-sa-đà có núi Thọ-đê-đà-la, cao một vạn hai ngàn do-tuần, ngang dọc một vạn hai ngàn do-tuần, giáp vòng núi thì không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đen núi này, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ ba làm cho ánh sáng mặt trời nóng. (4) Cách núi Thọ-đê-đà-la có núi Thiện Kiên, cao sáu ngàn do-tuân, ngang dọc sáu

ngàn do-tuần, giáp vòng núi thì không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi này, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ tư làm cho ánh sáng mặt trời nóng. (5) Ngoài núi Thiện Kiến có núi Mã Tự, cao ba ngàn do-tuần, ngang dọc ba ngàn do-tuần, giáp vòng núi thì không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đen núi này, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ năm làm cho ánh sáng mặt trời nóng. (6) Cách xa núi Mã Tự có núi Ni-di-đà-la? cao một ngàn hai trăm do-tuần5 ngang dọc một ngàn hai trăm do-tuần9 giáp vòng núi thì không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi này, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ sáu làm cho ánh sáng mặt trời nóng. (7) Cách núi Ni-di-đà-la có núi Điều Phục, cao sáu trăm do-tuân, ngang dọc sáu trăm do-tuân, giáp vòng núi thì không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi này, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ bảy làm cho ánh sáng mặt trời nóng. (8) Cách núi Điều Phục có núi Kim Cang Luân, cao ba trăm do-tuần, ngang dọc ba trăm do-tuần9 giáp vòng núi thì không có giới hạn, do bảy báu tạo thành. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến núi này, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ tám làm cho ánh sáng mặt trời nóng. (9) Đi lên cao một vạn do-tuần thì có cung điện trời tên là Tinh Tú, do lưu ly tạo thành. Khi ánh sáng chiếu đến cung điện này, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ chín làm cho ánh sáng mặt trời nóng. (10) Khi ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến đại địa này, do sự ma sát nên phát nhiệt. Đó là lý do thứ mười làm cho ánh sáng mặt trời nóng. Bây giơ, đức The Ton noi bai kẹ: Vì mười nhân duyên này, Mặt trời tên Thiên Quang, Anh sáng nóng hừng hực, Phật nói vê mặt trời. Đức Phật dạy: - Vì lý do gì về mùa đông thì mặt trời lạnh, đến nỗi không thể đến gần, dù có ánh sáng nhưng vẫn lạnh? Vì có mười ba lý do, tuy là có ánh sáng nhxmg vẫn lạnh. Mười ba lý do gì? (l) Giữa núi Tu-di và Khư-đà-la có một khôi nước rộng tám vạn bôn ngàn do-tuân, giáp vòng không có giới hạn; nước ây sanh các loài hoa, hoa ưu-bát- la, hoa câu-vật-đầu, hoa bát-đầu-ma, hoa phân-đà-lợi9 hoa tu-càn-đầu. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ nhất làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. (2) Giữa núi Khư-đà-la và Y-sa-đà-la có một khôi nước rộng bôn vạn hai ngàn do-tuân, ngang dọc bôn vạn hai ngàn do-tuân, giáp vòng bao la. Nước ấy sanh các thứ hoa. Khi mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ hai làm ánh sáng mặt trời lạnh. (3) Giữa núi Y-sa-đà-la và núi Thọ-đề-đà-la có một khối nước rộng hai vạn một ngàn do-tuần, giáp vòng bao la. Nước ấy sanh các thứ hoa. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ ba làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. (4) Giữa núi Thiện Kiến và núi Thọ-đề có một khối nước

rộng một vạn hai ngàn do-tuân, giáp vòng bao la. Nước ây lại sanh các thứ hoa. Khi ánh sáng mặt trời chiêu đên, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ tư làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. (5) Giữa núi Thiện Kiến và núi Mã Tự có khối nước rộng sáu ngàn do-tuần. Nước ấy lại sanh các thứ hoa. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ năm làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. (6) Giữa núi Mã Tự và núi Ni-di-đà-la có một khôi nước rộng một ngàn hai trăm do-tuân, giáp vòng bao la. Nước ây lại sanh các thứ hoa. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ sáu làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. (7) Giữa núi Ni-di-đà-la và Điều Phục có một khối nước rộng sáu trăm do-tuần. Làn nước bao la. Nước ây lại sanh các thứ hoa. Khi ánh sáng mặt trời chiêu đên vì có sự tiêp xúc nên phát lạnh, Đó là lý do thứ bảy tạo cho ánh sáng mặt trời lạnh. (8) Giữa núi Điều Phục và núi Kim Cang Luân có một khôi nước rộng ba trăm do-tuân, giáp vòng bao la. Nước ấy lại sanh ra các loại hoa. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ tám làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. (9) Giữa núi Kim Cang Luân và Diêm-phù-đề có khối nước. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ chín làm cho mặt trời lạnh. (10) về Diêm-phù-đề thì đất, sông ít, châu Cù-da-ni thì đất, nước nhiều. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự tiếp xúc nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ mười làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. (11) về Cù-da-ni thì sông ít mà Phất-vu-đãi thì nước nhiều. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ mười một làm cho mặt tròi lạnh. (12) về châu Phất-vu-đãi sông ít, châu uất- đơn-việt sông nhiều. Khi ánh sáng mặt trời chiếu đến, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ mười hai làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. (13) Khi ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu đến nước của biên lớn. Khi ánh sáng mặt trời chiêu đên, có sự xúc chạm nên sanh ra lạnh. Đó là lý do thứ mười ba làm cho ánh sáng mặt trời lạnh. Bấy giờ, đức Phật liền nói bài kệ: Vì mười ba nhân duyên, Mặt trời tên Thiên Quang, Ánh sáng trong mà lạnh, Phật nói về mặt trời. Đức Phật dạy: Này các Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng có khi tròn, khi khuyết; ánh sáng giảm xuống. Do đó, cung điện mặt trăng được gọi là tổn giảm. Mặt trăng có hai nghĩa: Một là luôn luôn cô định; hai là cung điện. Bôn phương cung điện vì thấy từ xa nên hình tròn, ấm lạnh điều hòa, do lưu ly và bạc trên trời tạo thành. Vê hai phân bạc trên trời thì hoàn toàn thuần chát, không hôn tạp, trong ngoài trong suốt, ánh sáng chiếu thật xa. về một phần lưu ly thì cũng hoàn toàn thuần chát, không pha tạp, trong ngoài trong suôt, ánh sáng chiêu thật xa. Mặt trăng ngang dọc bốn mươi chín ngàn do-tuần, tường và đất của cung điện mỏng như lau non. Cung điện có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp

màn lưới, bảy lớp chuông báu, bảy lớp hàng cây, trang trí giáp vòng, đều do bảy báu tạo thành... có vô số chim chóc ca hót líu lo. Cung điện ấy được năm ngọn gió duy trì: Một là Trì phong, hai là Dưỡng phong, ba là Thọ phong, bốn là Chuyển phong, năm là Điều phong. về chánh điện nơi Vua Mặt Trăng ngự thì do lưu ly tạo thành, cao mười

sáu do-tuần. Cung điện có bốn cửa và có lan can bao quanh. Chỗ ngồi của Vua Mặt Trăng ngang dọc nửa do-tuân, do bảy báu tạo thành, trong sạch, mem mại như áo trời. Thân thể của Vua Mặt Trăng thường phát ra ánh sáng, chiếu đến cung điện băng lưu ly và ánh sáng của cung điện băng lưu ly chiêu đên cung điện mặt trăng. Anh sáng của cung điện mặt trăng chiếu khắp bon thiên hạ. Vua Mặt Trăng sống năm trăm tuổi trời. Con cháu thừa kế nhau, không có người khác họ kế vị. Cung điện ấy không hư hoại, cho đến một kiếp. Khi mặt trăng di chuyển, Vua Mặt Trăng không có ý nghĩ di chuyển và nói là vị ấy đi hay dừng, thường lấy ngũ dục vui chơi với nhau. Lúc mặt trăng di chuyển, có vô số trăm ngàn các Đại thần thường đi ở phía trước, thích thú, không mỏi mệt, ưa thích, nhanh nhẹn. Do đó, Vua Mặt Trăng còn có tên là Nhanh Nhẹn. Thân thê của Vua Mặt Trăng phát ra một ngàn tia sáng; năm trăm tia sáng chiêu xuông và năm trăm tia sáng chiêu sáng chung quanh. Đây là do công đức, hạnh nguyện đời trước nên có ánh sáng này. Vì the, Vua Mặt Trăng còn được gọi là Ngàn Ánh Sáng. Công đức, hạnh nghiệp đời trước ấy như thế nào? Đó là ở đời, có người cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, bố thí cho người nghèo đói, thức ăn, thức uống, y phục, thuốc thang, voi, ngựa, xe cộ, phòng xá, đèn đuốc, trong khi cho, tùy theo nhu câu của họ mà cung cáp, không trái với ý muôn của họ, hoặc cúng dường cho người trì giới, các bậc Hiền thánh. Do vô số các pháp hoan hỷ, thiện tâm nên có ánh sáng như thế. Cũng như vị vua thuộc dòng Sát-đế-lợi, có nước rưới đầu, khi mới lên ngôi thì thiện tâm vui vẻ cũng như thế. Do nhân duyên đó nên sau khi qua đời được làm Vua Mặt Trăng, ở cung điện mặt trăng, có ngàn tia sáng. Cho nên nói rằng nghiệp lành được ngàn ánh sáng. Lại nữa, do hạnh nghiệp gì mà được ngàn tia sáng? Vì ở thế gian, có người không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói dối, không nói thêm bớt, không tham, không sân, không si và không có tà kiến. Do nhân duyên đó có tâm lành, tâm hoan hỷ. Cũng như tại ngã tư đường, có một ao tắm lớn, trong sạch, không vẩn đục, có một người từ phương xa đến, vừa nóng, vừa mệt, vừa khát bèn vào trong ao, tắm gội sạch sẽ nên cảm thấy sảng khoái, an vui. Người thực hành thập thiện có được tâm lành, tâm hoan hỷ, cũng như thế. Do đó5 sau khi qua đời, họ được làm Vua Mặt Trăng, ở cung điện mặt trăng, có ngàn tia sáng. Vì nhân duyên ấy nên nói do thiện nghiệp mà được ngàn tia sáng.

30. KINH THÊ KÝ 471

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà được ngàn tia sáng? Vì ở thế gian có người không sát sanh, không trộm căp5 không tà dâm, không nói dôi và không uông rượu. Do nhân duyên đó nên thiện tâm vui vẻ và sau khi qua đời họ được làm Vua Mặt Trăng, ở cung điện mặt trăng, có ngàn tia sáng. Vì nhân duyên ấy nên nói do thiện nghiệp mà có ngàn tia sáng. Lại nữa, trong khoảng sáu mươi niệm thì gọi là một la-da; ba mươi la-da thì gọi là ma-hâu-đa; một trăm ma-hâu-đa thì gọi là ưu-bà-ma. Nêu cung điện mặt trời sáu tháng di chuyển về hướng Nam, mỗi ngày di chuyển ba mươi dặm về phía cực Nam nhưng không vượt qua Diêm-phù-đề, lúc đó cung điện mặt trăng nửa năm di chuyên hướng Nam nhưng không vượt qua Diêm-phù-đê. Và khi mặt trăng di chuyên vê hướng Bác cũng như thê. Vì nhân duyên gì mà cung điện mặt trăng khuyết dần dần? Có ba nhân duyên làm cho mặt trăng khuyêt dân: (1) Mặt trăng mọc chênh một mé. Đó là

nhân duyên thứ nhát làm cho mặt trăng khuyêt; (2) Trong cung điện mặt trăng có những Đại than mặc y phục xanh, theo thứ tự đi lên, hễ họ dừng lại chỗ nào thì chỗ đó biến thành màu xanh. Cho nên mặt trăng khuyết. Đó là nhân duyên thứ hai làm cho mặt trăng càng ngày càng khuyết; (3) Cung điện mặt trời có sáu mươi tia sáng, ánh sáng chiêu đên cung điện mặt trăng làm cho phản chiêu ánh e : 9 v. _ sáng nên ánh sáng mặt trăng không hiện. Do đó5 nơi bi phản chiêu ánh sáng thì mặt trăng khuyêt. Đó là ba nguyên nhân làm cho mặt trăng khuyêt. Vì nhân duyên gì mà ánh sáng mặt trăng tròn dần dần? Có ba nhân duyên làm cho ánh sáng của mặt trăng tròn dần dần. Ba nhân duyên đó là gì? (1) Mặt trăng mọc chính hướng, cho nên ánh sáng mặt trăng tròn; (2) Trong cung điện mặt trăng, chư thần đều mặc y phục màu xanh. Lúc đó, Vua Mặt Trăng vào ngày răm ngôi trong cung, cùng nhau vui chơi, ánh sáng chiêu khăp nơi, lân át cả ánh sáng của chư thiên khác. Cho nên ánh sáng mặt trăng tròn đủ và soi sáng khắp nơi. Cũng như trong các thứ đèn đuốc thì lửa của ngọn đuốc lớn sẽ lấn át ánh sáng của những đèn đuôc kia. Anh sáng của Vua Mặt Trăng cũng như thê. Vào ngày mười lăm, vị" ây ngôi giữa thiên r chúng, 9 r ánh sángr của vị* ây lân át các ánh sáng khác. Chỉ có ánh sáng của vị ây chiêu sáng duy nhát. Đó là nhân duyên thứ hai; (3) Vua Mặt Trời có sáu mươi tia sáng chiếu vào mặt trăng nhưng vào ngày mười lăm, Vua Mặt Trăng dùng ánh sáng của mình chiêu ngược lại, khiên cho mặt trăng không bị che khuất. Đó là nhân duyên thứ ba làm cho mặt trăng M M .q tròn đây, không có khuyêt giảm. Vì nhân duyên gì mặt trăng có bóng đen? Vì có bóng cây Diêm-phù ở trong mặt trăng, cho nên mặt trăng có bóng đen. Đức Phật dạy: -Tâm của các ông phải trong sạch, mát mẻ, không nóng nảy. Nhất là mỗi khi đến nhà đàn-việt thì phải nhất tâm, không tán loạn.

Vì nhân duyên gì mà thế gian có các sông ngòi? Do vì mặt trăng, mặt trời có sức nóng; do nóng phát ra lửa; do lửa mà có nước ri ra; do có nước rỉ ra mà có sông ngòi. Do vậy, trong thế gian có những sông ngòi. Do nhân duyên gì mà thê gian có năm thứ hạt? Do có cơn gió lóc lớn từ một thế giới không tan hoại khác thôi những hạt ấy đên, sanh tại cõi này như: Một là hạt sanh từ rễ; hai là hạt sanh từ thân cây; ba là hạt sanh từ mắt cây; bốn là hạt sanh từ lỗ hổng của cây; năm là hạt sanh từ hạt cây. Vì nhân duyên ấy nên thế gian có năm thứ hạt. Lại nữa, lúc mặt trời ở giữa ngày ở Diêm-phù-đề thì ở Phất-vu-đãi mặt trời lặn. Khi ở châu Câu-da-ni mặt trời mọc thì ở châu Uất-đơn-việt là nửa đêm. Khi ở châu Câu-da-ni mặt trơi ở giữa trưa thì ở châu Diêm-phù-đề mặt trời lặn. Khi châu uất-đơn-việt mặt trời mọc thì ở châu Phất-vu-đãi ỉa nửa đêm. Khi ở châu uất-đơn-việt mặt trời ở giữa trưa thì ở châu Câu-da-ni mặt trời lặn. Khi ở châu Phất-vu-đãi mặt trời mọc thì ở châu Diêm-phù-đề là nửa đêm. Khi ở châu Phất-vu-đãi mặt trời ở giữa trưa thì ở châu Uat-đơn-việt mặt trời lặn. Khi ở châu Diêm-phù-đề mặt trời mọc thì ở châu Câu-da-ni là nửa đêm. Nếu châu Diêm-Ị)hù-đề ở hướng Đông thì châu Phất-vu-đãi ở hướng Tây. Nếu châu Diêm-phù-đề ở hướng Tây thì châu Câu-da-ni ở hướng Đônệ. Nếu châu Câu- da-ni ở hướng Tây thì châu uất-đơn-việt ở hướng Đông. Nêu châu uất-đơn- việt ở hướng Tây thì châu Phất-vu-đãi ở hướng Đông. Sở dĩ châu Diem-phù-đề được gọi là Diêm-phù? là vì dưới đó có núi vàng cao hai mươi do-tuân và

do có cây Diêm-phù nên gọi là vàng Diêm-phù. Trai của cây Diêm-phù lớn như cái giỏ, vị ngọt như mật. Cây này có năm góc, bốn mặt có bốn góc và phía trên có một góc. Trái ở góc hướng Tây thì để cho càn-thát-bà ăn. Còn trái ở góc hướnjg Nam thì để cho dân chúng bảy nước ăn. Bảy nước là Câu-lâu5 Câula-bà, Tỳ-đề? Thiện-tỳ-đề5 Mạn-đà, Bà-la, Bà-lê. Còn trái ở góc hướng Tay thì để cho các loài trùng ở biển ăn. Trái ở góc hướng Bắc thì để cho các loài cầm thú ăn. Trái ở góc trên dành cho chư thiên và các vị tinh tú ăn. Phía Bắc bảy nước lớn đó có bảy núi đen lớn: Một là núi Khỏa, hai là núi Bạch Hộc, ba là núi Thủ Cung, bốn là núi Tiên, năm là núi Cao, sáu là núi Thiền, bảy là núi Thổ. Trên đỉnh bảy hòn núi đen này có bảy vị Tiên thuộc dòng Bà-la-môn. Những chỗ ở của bảy vi Tiên đó tên là: Thiện Đe, Thiện Quang, Thủ Cung, Tiên Nhơn, Hộ Cung, Giả-na-na, Tăng ích. Đức Phật dạy: -về kiếp đầu tiên, sau khi chúng sanh ăn vi đất rồi thì sống ở thế gian một thời gian lâu dài. Trong số đó, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc trở nên xấu xí; người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Sau đó, chúng sanh mới có sự sai biệt về nhan sắc, dung mạo hơn kém, tranh luận phải, trái. Họ nói: "Ta đẹp hơn ngươi; ngươi không bằng ta.” Vì tâm họ còn bỉ, thử nên luôn luôn cạnh tranh với nhau. Do đó, vi của đất dần dần khô. vỏ đất giống như cái bánh mỏng, màu đẹp, vi thơm và tinh khiết.

30. KINH THẾ KÝ 473

Bây giờ, chúng sanh tụ tập lại một nơi buôn râu, khóc lóc, ôm bụng nói: "Khổ thay! Đây là tai hoa?9 Nay vi đất bỗng nhiên biến mất. Sự kiện ấy cũng như ngày nay khi người ta được đầy đủ vị ăn ngon thì họ nói: "Ngon quá!,, Nhimg sau đó, thức ăn ngon áy bông tiêu mat thì họ lây làm buôn khô. Những chúng sanh trên khi mất vị đất thì buồn rầu, hối hận cũng như thế. Sau đó, họ tiếp tục ăn vỏ đất, dần dần cảm thấy có mùi vi. Trong số đó, những người ăn nhiều thì nhan sắc trở nên xấu xí. Trái lại, những người ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Do đó mới sanh ra sự sai biệt nhan sắc, dung mạo hơn kém giữa những chúng sanh, tranh luận với nhau về phải, trái. Chẳng hạn họ nói: “Ta đẹp hơn ngươi, ngươi không bằng ta." Vì tâm của họ còn bỉ, thử, ôm lòng cạnh tranh với nhau, cho nên vỏ đát dân dân tiêu mat. Vê sau, lại có váng đát xuât hiện, to, dày dân ra, màu sác như hoa trời, mem mại như áo trời, mùi vi như mật. Khi ấy, những chúng sanh đó lại cùng nhau lấy ăn và sống ở thế giới này một thời gian lâu. Trong số đó? những người ăn nhiều thì nhan sắc trở nên xấu xí. Trái lại, những người ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Do đó mới có sự sai biệt về nhan sắc, dung mạo hơn kém giữa những chúng sanh. Họ tranh luận với nhau vê vân đê phải, trái. Chăng hạn như họ nói: “Ta đẹp hơn ngươi, ngươi khônệ bằng ta.” Vì tâm họ còn bi, thử, ôm lòng cạnh tranh với nhau nên váng đát dân dân biên mát. Sau đó, lại có một loại gạo, lúa tự nhiên, không có cám trấu, không cần thêm gì cả mà vân đây đủ các vị ngon. Khi đó5 những chúng sanh ây mới tụ tập lại một chỗ và nói: "Khổ thay! Đây là tai hpa." Ngày nay, váng đất bỗng nhiên biến mất.” Sự kiện này cũng như ngày nay khi người ta gặp tai nạn, họ nói: "Khổ thay!" Lúc ấy, những chúng sanh trên khi mất thức ăn ngon thì buồn rầu, khổ não cũng như thế. về sau, những chúng sanh ấy cùng nhau lấy gạo lúa đó mà ăn; khi ăn xong, thân họ trở nên thô xấu và có hình dáng nam, nữ sai khác. Thê roi, họ nhìn nhau, do đó, sanh tâm tưởng vê dục, roi cùng nhau ở chô kín đáo, làm điều bất

tịnh. Những chúng sanh khác thấy và nói: "Than ôi! Đó là việc sai trái." Tại sao những chúng sanh này cùng với những chúng sanh khác có sự hành dâm như thế? Khi những người đàn ông làm việc bất tinh ấy, thấy người khác quở trách liền tự ăn năn và nói: "Việc làm của tôi là sai." Tức thì gieo mình xuống đất. Lúc đó, những người phụ nữ thấy người đàn ông này gieo mình xuống đất, ăn năn không đứng dậy, họ liền đem thức ăn đến cho người đàn ông ấy. Những người khác trông thấy mới hỏi người phụ nữ đó: "Ngươi muốn đem thức ăn này cho ai?" Người phụ nữ đáp: "Người đàn ông kia, vì ăn năn tội lỗi với những chúng sanh khác về hành động bất thiện của mình nên không đứng dậy. Do đó mà tôi đem thức ăn này cho ông ta."

Nhân lời nói này nên trong thế gian mới có danh từ người chồng bất thiện, và do hành động đem cơm đến cho chồng nên mới có danh từ vợ. về sau, chúng sanh bèn làm việc dâm dục nên pháp bất thiện gia tăng, vì muốn che kín nên tạo ra phòng ốc. Vì nhân duyên ây nên mới có danh từ nhà cửa. về sau, sự dâm dục của chúng sanh càng gia tăng nên thành ra chồng vợ. Trong khi đó, có những chúng sanh khác hoặc hết mạng sống, hoặc hết hạnh nghiệp, hoặc hết phúc báu nên mạng chung tại trời Quang Âm. Từ cõi trời đó thác sanh về thế gian này và ở trong thai mẹ, nhân đó mới có danh từ bào thai. Bấy giờ, trước hết là xây thành Chiêm-bà, sau d6, xây thành Già-thi, Ba-la- nại, tiếp theo xây thành Vương Xá. Khi mặt trời mọc thì khởi công xây cất, đến lúc mặt trời mọc hôm sau là hoàn thành. Do nhân duyên đó nên thế gian mới có danh từ thành, quách, quận, ấp, là nơi vua ngự trị. Khi chúng sanh mới ăn loại lúa gạo tư nhiên thì sáng lấy chiều chín, tối lấy sáng chín. Và sau khi lấy xong thì sanh trở lại không có trấu cám. Lúc đó, lại có chúng sanh tự nghĩ: "Nếu mỗi ngày đều lấy thì nhọc công ta quá. Nay nên lấy để dùng nhiều ngay?9 Tức thì, họ cùng gặt lương thực để dự trữ cho vài ngày sau. Những người sau nói với những người này: ọ . r “Nay chúng ta có thê cùng nhau đi lây lúa gao." Người đó đáp: “Ta đã lấy dự trữ trước rồi, không cần lấy nữa. Nếu ngươi muốn đi lấy, tùy ý di lấy Bấy giờ, những người khác tự nghĩ: "Người trước đã lấy gạo để dành ăn trong hai ngày, sao ta không lấy lúa gạo để dành ăn ba ngày?^ Những người này liền lấy gạo dự trữ ba ngày. Ke tiếp, có người khác nói: "Chúng ta hãy cùng đi lấy lương thực về!" Người này đáp: "Ta đã lấy gạo dự trữ ba ngày. Nếu ngươi muốn lấy thì tùy ý đi lấy!" Thế rồi, người đó tự nghĩ: "Người trước đã lấy gạo dự trữ ba ngày. Sao ta lại không lấy lương thực dự trữ năm ngày?" Tức thì, họ lấy gạo dự trữ năm ngày. Khi ấy, vì chúng sanh tranh nhau tích trữ lương thực, cho nên, lúc đó lúa gạo mới sanh ra trâu cám, lây roi không sanh nữa. Đông thời cỏ lác xuất hiện. Lúc đó, chúng sanh tập hợp lại một chô, buôn râu, khô não, ôm bụng nói: "Khổ thay! Đây là tai hQa." Và tự trách: "Chúng ta trước đây đều do hóa sanh, dùng niệm lực làm thức ăn; trên thân tự phát ra ánh sáng, có thần túc bay trên hư không, an lạc, vô ngại. Rồi sau đó, vị đất mới sanh, đầy đủ màu sắc, hương vị. Chúng ta ăn vị đất này và sống ở thế gian này một thời gian lâu. Thế rồi, những người ăn nhiều thì nhan sắc dần dần thô xấu. Những người ăn ít, nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Lúc đó, chúng sanh giữ lòng bỉ, thử, sanh tâm kiêu mạn và nói: 'Nhan sắc ta đẹp hơn ngươi, nhan sắc ngươi không bằng ta.' Do vì

tranh cãi về nhan sắc, có tâm kiêu mạn nên vi đất biến mất và sanh vỏ đất, đầy đủ hương vi và màu sác. Thê roi, chúng ta cùng nhau lây thứ này mà ăn và sống ở thế gian này khá lâu. Trong số đó, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc trở nên xấu xí. Người nào ăn ít thì nhan sắc vẫn còn tươi đẹp. Lúc đó, chúng sanh vì có tâm bỉ, thử, sanh tâm kiêu mạn và nói: 'Ta nhan sắc hơn ngươi. Ngươi nhan sắc không bằng ta/ Vì kiêu mạn, tranh tụng nhau về nhan sắc nên da đất biến mất, da đất càng to càng dày, đầy đủ hương vị, màu sắc. Khi ăn thì lấy thức ăn này ăn, rồi s6ng ở thế gian này một thời gian lâu. Trong số đó, nếu người ăn nhiều thì nhan săc trở nên xâu xí. Người nào ăn ít thì nhan săc vẫn còn tươi đẹp. Lúc d6, chúng sanh có tâm bỉ, thử, sanh lòng kiêu mạn và nói: 'Nhan sắc của ta đẹp5 nhan sắc của ngươi không bằng/ Vì có sự tranh tụng về nhan sắc, có tâm kiêu mạn nên da đất biến mất, lại sanh lúa gạo tự nhiên, đầy đủ màu sắc, hương vị. Khi đó, lại cùng lấy thứ đó mà ăn? buổi sáng gặt lấy thì chiều tối sẽ chín; buổi tối ^ặt lấy thì sáng mai sẽ chín, gặt xong thì sanh ra lại, không cân chuyên chở, cát giữ. Bây giờ, vì cạnh tranh, tích trữ nên lúa gạo sanh trấu, cám; gặt xong, không sanh lại như trước mà chỉ sanh cỏ lác. Vậy thì nay, chúng ta có thể phân chia ruộng đất, nhà cửa thành từng ô, từng khu vực. Tức thì, họ phân chia đất đai nên có từng ô riêng biệt và mới có lời nói 'của ta', 'của người.9 Sau đó? lại giấu gạo của mình và trộm lúa của người. Những chúng sanh khác thấy và nói: 'Người làm quấy, người làm quấy! Tại sao lại cất giấu tài vật của mình mà lại đi lấy tài vật của người?9 The rồi liền trách: 'Từ đây về sau, ngươi không được lấy trộm nữa nhé!9 Nhung họ vẫn tiếp tục như the, không từ bỏ, lại ăn trộm tiếp. Những người khác trách rằng: 'Ngươi làm sai, tại sao không từ bỏ?9 Tức thì, họ dùng tay, dùng gậy đánh đập người này và kéo đến giữa đám đông, tuyên bố với mọi người như sau: "Người này tự giấu lúa gạo của mình, rồi đi trộm lúa gạo của người khac.^ Kẻ trộm lại nói: "Người kia đánh tôi.^, Lúc ấy, mọi người nghe xong, buồn rầu, khóc lóc, ôm bụng nói: "Thế gian dần dần trở nên độc ác, có phải đây là ác pháp sanh chng?" bèn sanh lòng buồn khổ và kết thành quả báo khổ não. Đây là nguồn gốc của sanh, lão, bệnh, tử và sa đọa vào đường ác. Vì do có ruộng đất, nhà cửa từng ô riêng biệt nên sanh tranh tụng, thậm chí đưa đến oán thù, không có người giải quyết được. Vậy ngày nay chúng ta có thể tôn lên một vị vua bình đẳng, khéo ủng hộ nhân dân, thưởng người thiện, phạt người ác. Và chúng ta sẽ giảm bớt tài sản của mình để cung cấp cho nhà vua." Lúc đó trong chúng có một người hình vóc to lớn, dung mạo đoan chánh, rất có uy đức. Mọi người nói: "Chúng tôi, nay muốn tôn ngài lên làm vua. Vậy ngài hãy khéo ủng hộ nhân dân nên thưởng người thiện, phạt kẻ ác. Chúng tôi sẽ giảm bớt tài sản để cung cấp cho ngài.,, Người ấy nghe xong, bèn chấp nhận làm vua, đối với người đáng thưởng thì thưởng, người đáng phạt thì phạt. Lúc đó là lần đầu tiên có danh từ dân chúng và vua chúa.

Vị vua của dân đầu tiên có con tên là Trân Bảo. Trân Bảo có con tên là Hảo Vi. Hảo Vi có con tên là Tịnh Trai. Tịnh Trai có con tên Đảnh Sanh. Đảnh Sanh có con tên Thiện Hạnh. Thiện Hạnh có con tên là Trạch Hạnh. Trạch Hạnh có con tên là Diệu Vị. Diệu Vị

có con tên là Vị Đe. Vị Đe có con tên Ngoại Tiên. Ngoại Tiên có con tên là Bách Trí. Bách Trí có con tên là Thị Dục. Thị Dục có con tên là Thiện Dục. Thiện Dục có con tên Đoan Kiết. Đoan Kiết có con tên là Đại Đoan Kiết. Đại Đoan Kiết có con tên là Bảo Tạng. Bảo Tạng có con tên là Đại Bảo Tạng. Đại Bảo Tạng có con tên là Thiện Kiến. Thiện Kiến có con tên là Đại Thiện Kiến. Đại Thiện Kiến có con tên là Vô ưu. Vô ưu có con tên là Châu Tự. Châu Tự có con tên là Thực Sanh. Thực Sanh có con tên là Sơn Nhạc. Sơn Nhạc có con tên là Thần Thiên. Thần Thiên có con tên Tấn Lực. Tấn Lực có con tên là Lao Xa. Lao Xa có con tên là Thập Xa. Thập Xa có con tên là Bách Xa. Bách Xa có con tên là Lao Cung. Lao Cung có con tên là Bách Cung. Bách Cung có con tên là Dưỡng Thâu. Dưỡng Thâu có con tên là Thiện Tư. Từ Thiện Tư về sau, có mười dòng Chuyển Luân Thánh Vương tiếp tục lên ngôi không gián đoạn: Một là Già-nậu-da, hai là Đa-la-nghiệp, ba là A-diệp- ma? bốn là Trì Địa, năm là Già-lăng-già? sáu là Chiêm-bà, bảy là Câu-la-ta-bà, tám là Bán-xà-la, chín là Di-tư-la, mười là Ý-ma. Vua Già-nậu-da có năm vi Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Đa-la-nghiệp có năm vị Chuyển Luân Thánh Vương. Vua A-diệp-ma có bảy vị Chuyên Luân Thánh Vương. Vua Trì Địa có bảy vi Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Già-lăng-già có chín vi Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Chiêm-bà có mười bôn vi Chuyên Luân Thánh Vương. Vua Câu-la-ta-bà có ba mươi mốt vị Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Bán-xà-la có ba mươi hai vị Chuyển Luân Thánh Vương. Vua Di-tư-la có tám vạn bốn ngàn vị Chuyên Luân Thánh Vương. Vua Y-ma có một trăm lẻ một vị Chuyên Luân Thánh Vương. Vua cuối cùng tên là Đại Thiện Sanh. Vua Ý-ma có con tên là O-la-bà. Ô-la-bà có con tên là Cừ-la-đà. Cừ-la-đà có con tên là Ni-cầu-la. Ni- càu-la có con tên là Sư Tử Giáp. Sư Tử Giáp có con tên là Bạ^h Tịnh. Bạch Tinh có con tên là Bồ-tát. Bồ-tát có con tên là La-hầu-la. Do nguồn gốc này nên có danh từ Sát-đế-lợi. Bây giờ, có một chúng sanh tự nghĩ: "Tát cả vạn vật, tài sản, nhà cửa thuộc phạm vi the gian đều là gai nhọn, là ung nhọt. Nay ta nên xả bỏ? vào núi tu hành, ở chỗ thanh vắng suy tư." Tức thì, người đó từ bỏ gia đình, vào núi tu hành, ở nơi thanh tinh, ngồi suy tư dưới gốc cây. Mỗi ngày ra khỏi núi để vào xóm khất thực. Người trong thôn xóm trông thấy, cung kính cúng dường và mọi người đều tán thán: "Người này có thể bỏ sự trói buộc nhà cửa, vào núi cầu đạo, nhờ đó, có thể xa lìa những điều ác, bất thiên." Do đó gọi là Bà-la-môn. Thê roi, trong chúng Bà-la-môn có người không thê tu hành thiên định, bèn ra khỏi núi rừng, đi vào trong nhân gian và tự nói: "Ta không thể tu thiền." Do đó gọi là Bà-la-môn không tu thiền định. Thế rồi, họ đi qua xóm làng, làm

những điều bất thiện, thi hành các pháp ác. Do tướng này sanh nên có danh từ độc ác. Do nhân duyên ấy nên trong thế gian có danh từ dòng Bà-la-môn. Những chúng sanh đó làm nhiều nghề nghiệp để tự sinh sống. Do đó, trong thế gian có dòng Cư sĩ. Trong số chúng sanh ấy, có người học tập kỹ thuật để sinh sống. Do vậy, trong thế gian có dòng Thủ-đà-la. Trong thế gian, trước hết là có dòng họ Thích ra đời. Sau đó là dòng Bà-la-môn. Trong dòng Sát-đê-lợi có người nghĩ: "An ái thê gian là nhơ nhớp, là bát tinh, đâu đáng tham đam.55 Lúc đó5 họ từ bỏ gia đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, cầu đạo và tự xưng: “Ta là Sa-môn, ta là Sa-môn.,, Trong dòng Bà-la- môn, Cư si, Thủ-đà-la có người tự nghĩ: “An ái thế gian là ô uế, là bất tinh, đâu đáng tham đắm", rồi họ từ bỏ gia

đình, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, cầu đạo và tự xưng: "Ta là Sa-môn9 ta là Sam6n." Thế rồi5 nếu trong chúng Sát-đế-lợi có người làm việc bất thiện về thân, về khâu và vê ý, khi làm xong thì mạng chung và hoàn toàn chiu khô. Hoặc có Bà- la-môn5 Cư si, Thủ-đà-la làm việc bất thiện về thân, về khẩu và về ý, khi thực • . 7 *

hành việc bát thiện xong thì mạng chung nên hoàn toàn chịu khô. Hoặc trong dòng Sát-đê-lợi, có người hành thiện vê thân, vê khâu và vê ý5 sau khi mạng chung thì hoàn toàn được an vui. Hoặc trong dòng Bà-la-môn, Cư si, Thủ-đà- la có người hành thiện về thân, về khẩu và về y, sau khi mạng chung thì hoàn toàn an vui. Hoặc trong dòng Sát-đế-lợi có người làm ác và hành thiện về thân, về khẩu và ve ý, khi thực hành xong thì mạng chung, chịu quả báo vừa khổ vừa vui. Hoặc trong dòng Bà-la-môn, Cư sĩ, Thủ-đà-la có người hành ác và hành thiện về thân, về khẩu và về ý, sau khi thực hành xong hai điều trên thì mạng chung, chịu quả báo vừa khô vừa vui. Hoặc trong dòng Sát-đê-lợi? có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo và thực hành Thát giác ý. Người ây dùng lòng tin kiên cố, chọn con đường xuất gia, tu tập Phạm hạnh vô thượng, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại, sanh tử đã hêt5 Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh. Hoặc trong dòng Bà-la-môn, Cư sĩ và Thủ-đà-la, có người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia câu đạo và tu tập Thát giác ý. Người ây dùng lòng tin kiên cố, chọn con đường xuất gia, tu tập Phạm hạnh vô thượng, tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại5 sanh tử đã hét, Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh. Như vậy, bôn dòng ây đêu có thê thành tựu trí và dức, chứng quả A-la-hán là bậc đệ nhất. Khi ấy, Phạm thiên nói bài kệ: Sanh Đế-lợi tối thắng, Nhóm được các dòng khác, Thành tựu cả trí, đức, Tối thắng giữa nhân, thiên.

478 KINH TRƯỜNG A-HÀM

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: Vi Phạm thiên ấy, khi nói bài kệ này là khéo nói, chẳng phải là vụng nói. Đáng được chấp nhận, chớ chẳng phải không đáng chấp nhận. Ta đã ấn khả. Tại sao? Vì Ta là đức Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, cũng nói bài kệ này: Sanh Sát-lợi tối thắng, Nhóm được các dòng khác, Thành tựu cả trí, dức, Tối thắng giữa nhân, thiên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật nói pháp xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH TRƯỜNG A-HÀM HOÀN TẤT

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.